BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BƯỚC CHUYỂN 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Năm 2020 có thể coi là một năm mang dấu ấn của sự kế thừa và chuyển tiếp trong tiến trình phát triển của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới cũng như đề xuất thành lập các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, một bước kiện toàn có chiều sâu để nâng cao chất lượng quản trị công ty theo các chuẩn mực cao của thị trường. Năm 2020 cũng là năm cuối cùng trong chiến lược 5 năm giai đoạn 2016-2020, là thời điểm để chúng tôi đánh giá lại việc thực hiện các mục tiêu trung & dài hạn đặt ra từ 05 năm trước đó cũng như tiến hành rà soát, phân tích đánh giá năng lực và vị thế của BVSC trên thị trường để có bước chuyển tiếp phù hợp cho giai đoạn tiếp theo (2021-2025).

NH
ỵ ÌNH
HÒA

Digitally signed by NH
ỵ ÌNH HÒA
DN: cn=NH ỵ ÌNH HÒA
c=VN l=Hoàn Kiƒm o=Công
Ty C Phƒn Ch ng Khoán
Bƒo Vƒ t ou=BAN Gỵ
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2021-05-27
17:23+07:00

Mục lục

01
Giới thiệu chung

Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản trị 08

Thông tin chung về Công ty 10

Giải thưởng 18

Các chỉ số cơ bản (KPIs) 21

Điểm nhấn 2020 22

02
Quản trị Công ty

Cơ cấu tổ chức 28

Nhân sự chủ chốt: HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành 30

Thông tin dành cho Cổ đông 34

Hội đồng Quản trị 48

Ban kiểm soát 60

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc 66

Kiểm toán nội bộ 70

Quản trị rủi ro 74

Thực hiện các quy định về Quản trị công ty 90

03
Báo cáo tình hình hoạt động 2020

Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 96

Tổng quan nền Kinh tế và TTCK 2020 98

Báo cáo của Hội đồng Quản trị 102

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc 110

04
Kế hoạch 2021

Dự báo nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán năm 2021 144

Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2021 148

05
Phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI

GRI 102: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn 2016 160

Thông điệp về PTBV của TGĐ 162

GRI 200: Kinh tế 172

GRI 300: Môi trường 177

GRI 400: Xã hội 182

06
Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp 220

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 310

01

Giới thiệu chung

- Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản trị 08
- Thông tin chung về Công ty 10
- Giải thưởng 18
- Điểm nhấn 2020 22

01. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác,

Năm 2020, diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 đã làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới, tác động mạnh mẽ tới mô hình kinh doanh và cách thức vận hành của các doanh nghiệp. Trong bối cảnh chung, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng nặng nề trong những tháng đầu năm 2020. Kết thúc quý I/2020, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 662,26 điểm, giảm 31,09% so với phiên đóng cửa năm 2019 và là mức giảm lớn nhất kể từ sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. Tuy nhiên thị trường có sự phục hồi trở lại từ cuối quý II và tiếp tục có những chuyển biến tích cực trong nửa cuối năm khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt thông qua một loạt biện pháp quyết liệt của Chính phủ. Đây là tiền đề thuận lợi để các công ty chứng khoán nói chung và BVSC nói riêng hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh đề ra trong năm.

Covid-19 tạo nên sự thay đổi trong toàn xã hội nói chung cũng như ảnh hưởng tới hoạt động của các tổ chức kinh doanh, mặc dù vậy, nó cũng là một cú hích để mỗi doanh nghiệp tự điều chỉnh chính mình, nâng cao sức chống chịu để thích nghi và phát triển. Với BVSC, Covid-19 có ảnh hưởng, nhưng không phải là trở ngại để chúng tôi hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh đặt ra trong năm. Doanh thu năm 2020 đạt 594,46 tỷ đồng, hoàn thành 122,98 % so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 132,38 tỷ đồng, hoàn thành 166,93% kế hoạch đề ra. Bên cạnh những mục tiêu tài chính, trong năm 2020, BVSC tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm đề ra trong năm trong lĩnh vực phát triển sản phẩm, kiện toàn mô hình tổ chức, duy trì một chính sách nhân sự ổn định, không những đảm bảo cho người lao động sự an toàn về việc làm, về sức khỏe mà còn là sự ổn định về thu nhập trong một môi trường làm việc đề cao tính hợp tác cùng phát triển.

Năm 2020 có thể coi là một năm mang dấu ấn của sự kế thừa và chuyển tiếp trong tiến trình phát triển của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên 2020 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2020-2025 cũng như đề xuất thành lập các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, một bước kiện toàn có chiều sâu để nâng cao chất lượng quản trị công ty theo các chuẩn mực cao của thị trường. Năm 2020 cũng là năm cuối cùng trong chiến lược 5 năm giai đoạn 2016-2020, là thời điểm để chúng tôi đánh giá lại việc thực hiện các mục tiêu trung & dài hạn đặt ra từ 05 năm trước đó. Đối với các mục tiêu tài chính, BVSC đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra, bao gồm tăng trưởng doanh thu bình quân giai đoạn vừa qua đạt 16%, vượt khá xa so với mục tiêu đề ra là 9%; ROE bình quân đạt 7% và ROCC đạt 17% vào năm 2020; Đối với các mục tiêu phi tài chính, BVSC đã hoàn tất việc chuyển đổi sang mô hình quản trị tập trung, mở rộng thêm mạng lưới kinh doanh cũng như giữ vững thương hiệu chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Song song, để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới cũng đã tiến hành rà soát, phân tích chiến lược, đánh giá năng lực và vị thế của BVSC trên thị trường để chuẩn bị cho chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo (2021-2025). Chúng tôi tin tưởng rằng, với niềm tin từ quý vị cổ đông và khách hàng, với sự đồng lòng và nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên công ty, BVSC sẽ tiếp tục thành công khi chuyển tiếp sang một giai đoạn phát triển mới.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị, tôi xin được gửi lời tri ân sâu sắc tới các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng và đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty về sự tin tưởng và đồng hành cùng với BVSC. Xin kính chúc các Quý vị sức khoẻ và thành công!

Trân trọng.

TM. HĐQT
Chủ tịch
Nguyễn Hồng Tuấn

Năm 2020 có thể coi là một năm mang dấu ấn của sự kế thừa và chuyển tiếp trong tiến trình phát triển của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên 2020 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2020-2025 cũng như đề xuất thành lập các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, một bước kiện toàn có chiều sâu để nâng cao chất lượng quản trị công ty theo các chuẩn mực cao của thị trường. Chúng tôi tin tưởng rằng, với niềm tin từ quý vị cổ đông và khách hàng, với sự đồng lòng và nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên công ty, BVSC sẽ tiếp tục thành công khi chuyển tiếp sang một giai đoạn phát triển mới.

02. Thông tin chung về Công ty

Sứ mệnh – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”) là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999
Vốn điều lệ	722.339.370.000 đồng
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020	1.874.743.668.855 đồng
Địa chỉ	Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	(84-24) 3.928.8080
Fax	(84-24) 3.928.9888
Website	www.bvsc.com.vn
Mã cổ phiếu	BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”)

Sứ mệnh

Trao “Niềm tin vững chắc” cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng “Cam kết vững bền”.

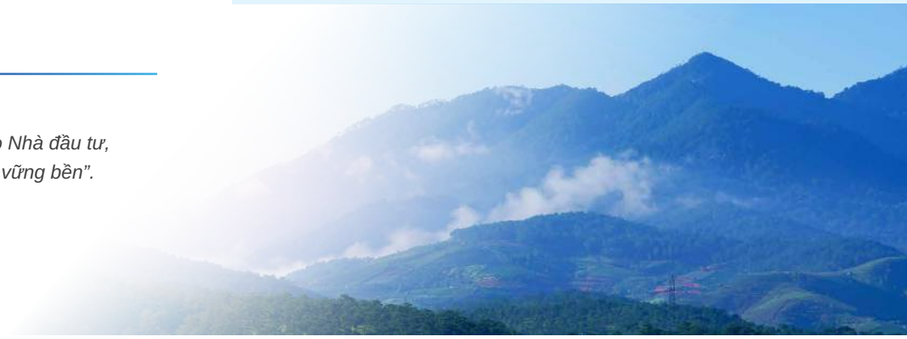

Tầm nhìn

Giữ vững vị trí là Công ty chứng khoán hàng đầu, mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và sự hài lòng nhất cho cổ đông.

Giá trị cốt lõi

- *Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty.*
- *Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên.*
- *Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.*

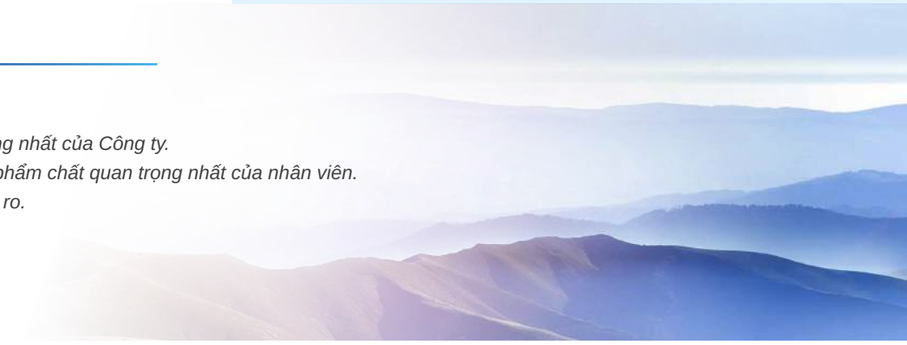

02. Thông tin chung về Công ty (Tiếp theo)

Lịch sử phát triển

1999

Chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài chính.

2000

Thành lập Chi nhánh và khai trương Phòng Giao dịch (“PGD”) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2006

Tăng vốn điều lệ từ 49,45 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.

Cổ phiếu BVSC (Mã CK: BVS) chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2008

Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng.

Khai trương Trụ sở chính và sàn giao dịch mới tại số 8, Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.

Khai trương PGD số 1 tại 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2009

Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 722,3 tỷ đồng.

Khai trương PGD số 146 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

2010

Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới.

Chuyển trụ sở Chi nhánh về địa chỉ 233 Đồng Khởi, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Thành lập PGD 11 Nguyễn Công Trứ tại số 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

2011

Khai trương PGD Mỹ Đình tại số 8 Nguyễn Cơ Thạch, quận Từ Liêm, Hà Nội.

2015

Thành lập PGD Láng Hạ tại số 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Thành lập PGD 233 Đồng Khởi tại số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Chuyển PGD Mỹ Đình về địa chỉ số 519 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành PGD Kim Mã.

2016

Chuyển PGD 146 Nguyễn Văn Cừ về số 90 Cao Thắng và đổi tên thành PGD 90 Cao Thắng trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2017

Chuyển trụ sở chính từ số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm sang tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Thành lập PGD số 174 Lê Hồng Phong trực thuộc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2019

Chuyển PGD Kim Mã về Tòa nhà Văn phòng Hapulico số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội và đổi tênthành PGD Thanh Xuân.

Kỷ niệm 20 năm ngày thành lập công ty.

02. Thông tin chung về Công ty (Tiếp theo)

Các lĩnh vực hoạt động

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 21 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có gần 70 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC.

Môi giới khách hàng tổ chức

Trong nhiều năm qua BVSC là đối tác tin cậy của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước như Merrill Lynch, UBS, JP Morgan, Nomura, Dragon Capital, Vina Capital, East Spring....

Với cam kết "Lấy khách hàng làm trọng tâm" trong chiến lược phát triển của mình, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đầu của các tổ chức.

LƯU KÝ

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho khách hàng bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán, các giao dịch chứng khoán lô lẻ, đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

TỰ DOANH

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.

TƯ VẤN DOANH NGHIỆP VÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm "Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả" và mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích của khách hàng", các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.

PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích, mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp... Đặc biệt, các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo.

02. Thông tin chung về Công ty (Tiếp theo)

Mạng lưới hoạt động

HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3.928 8080.
Fax: (84-24) 3.928 9888.
Email: info-bvsc@baoviet.com.vn
Website: www.bvsc.com.vn

Hotline các PGD tại Hội sở: (84-24) 3.928 8080 **Fax: (84-24) 3.928 9888**

PHÒNG GIAO DỊCH HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH THANH XUÂN

Địa chỉ: Tầng 10 tòa nhà Center Building – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.

CHI NHÁNH

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 3.914.6888.
Fax: (84-28) 3.914 .999.
Email: info.hcm@baoviet.com.vn
Website: www.bvsc.com.vn

Hotline các PGD tại Chi nhánh TP HCM: (84-28) 3914 6888 **Fax: (84-28) 3.914 .999**

PHÒNG GD 11 NGUYỄN CÔNG TRỨ

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH 233 ĐỒNG KHỞI

Địa chỉ: Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH 90 CAO THẮNG

Địa chỉ: 90 Cao Thắng, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH 174 LÊ HỒNG PHONG

Địa chỉ: 174 Lê Hồng Phong, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

03. Giải thưởng

Kể từ khi thành lập năm 1999 đến nay, BVSC đã liên tục đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong nước và nước ngoài trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trong phạm vi báo cáo này, chúng tôi xin được tóm lược những thành tích tiêu biểu trong 5 năm gần nhất

Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2019

BỘ TÀI CHÍNH

- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014.
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018.
- Cờ thi đua khen thưởng về Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Tài chính năm 2017.
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 2016 – 2017.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012.

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

- Thành viên tiêu biểu trong 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 – 2016.

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015
- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2016.
- Công ty Chứng khoán Thành viên Tiêu biểu Giai đoạn 2018 – 2019.

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

- Top 10 Thành Viên Tiêu Biểu Trong Hoạt Động Thanh Toán Tiền Chứng Khoán Năm 2017.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 3 năm liên tiếp 2018 - 2020.

Giải thưởng khác

TRUNG TÂM SÁCH KỶ LỤC VIỆT NAM

Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam.

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG HỘI DOANH NHÂN TRẺ VIỆT NAM

- Top 200 Sao vàng đất Việt 2015.
- Top 100 Sao vàng đất Việt 2018.

CUỘC BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TIÊU BIỂU

Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa 3 năm liên tiếp 2017–2019.

GIẢI THƯỞNG DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Top 100 các Doanh nghiệp bền vững 03 năm liên tiếp 2018 – 2020.

CUỘC BÌNH CHỌN NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM DO ANPHABE PHỐI HỢP VỚI VCCI TIẾN HÀNH

Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam 03 năm liên tiếp 2018 – 2020.

03. Giải thưởng (Tiếp theo)

Giải thưởng khác (Tiếp theo)

DIỄN ĐÀN M&A THƯỜNG NIÊN

- Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất - hạng mục tư vấn cổ phần hóa /thoái vốn/M&A 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu thập kỉ 2009 – 2018.

Giải thưởng Quốc tế

GLOBAL BANKING AND FINANCE REVIEW (ANH QUỐC)

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 03 năm liên tiếp 2015 –2017.
- Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017.

INTERNATIONAL FINANCE MAGAZINE (ANH QUỐC)

- Tổ chức Tư vấn Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018 -2019.
- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018.

INTERNATIONAL BUSINESS MAGAZINE (UAE)

Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2020.

04. Các chỉ số cơ bản (KPIs)

Đơn vị: Triệu đồng

I. CHỈ TIÊU CƠ BẢN	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng doanh thu & thu nhập khác	**327.313**	**483.681**	**547.579**	**563.655**	**594.462**
- Doanh thu môi giới.	99.887	207.668	171.590	135.859	151.392
- Lãi đầu tư các tài sản tài chính.	90.687	115.358	167.046	192.826	212.909
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu.	98.486	122.540	168.791	193.702	174.089
- Doanh thu bảo lãnh. đại lý phát hành CK. ủy thác đấu giá.	272	926	280	63	14.621
- Doanh thu tư vấn.	9.548	8.402	7.330	11.023	6.850
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký CK.	4.378	5.987	6.518	5.846	5.677
- Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác.	24.055	22.801	26.024	24.336	28.612
Lợi nhuận trước thuế.	121.487	152.423	122.480	151.163	154.332
Thu nhập khác.	10	112	214	214	312
Lợi nhuận sau thuế.	**102.174**	**122.445**	**103.532**	**135.510**	**132.380**
Lợi nhuận thực hiện sau thuế.	**88.844**	**112.880**	**131.652**	**127.930**	**105.029**
Tổng tài sản	1.879.659	2.198.954	2.927.161	2.397.853	3.412.992
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.567.685	1.698.104	1.692.152	1.806.633	1.874.744
II. CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ					
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng.	678%	702%	738%	714%	518%
Hệ số thanh toán hiện hành	4,44	3,55	2,79	12,26	2,15
Hệ số thanh toán tức thời (Tiền & các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn).	4,22	3,48	2,75	12,02	2,13
Lãi cơ bản trên cổ phiếu.	1.339	1.479	1.741	1.693	1.389

05. Điểm nhấn 2020

ĐHCĐ tiến hành bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kì 2020 – 2025.

HĐQT thành lập 03 ủy ban trực thuộc HĐQT

Kiện toàn mô hình tổ chức: hợp nhất các phòng quản lý và hỗ trợ.

Ra mắt nền tảng web trading mới B-WISE

Triển khai chương trình Future Broker 2020

Điểm tựa từ nền tảng

Đại dịch Covid-19 là phép thử năng lực và khả năng chống chịu của mỗi tổ chức trước những biến đổi không mong muốn từ bên ngoài. Trong bối cảnh ấy, những giá trị có tính nền tảng cốt lõi là nhân tố giúp mỗi doanh nghiệp trụ vững và băng qua thách thức.

02

Quản trị Công ty

- Cơ cấu tổ chức 28
- Nhân sự chủ chốt: HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành 30
- Thông tin dành cho Cổ đông 34
- Hội đồng Quản trị 48
- Ban kiểm soát 60
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc 66
- Kiểm toán nội bộ 70
- Quản trị rủi ro 74
- Thực hiện các quy định về Quản trị công ty 90

01. Cơ cấu tổ chức

(*) Phòng Tổng hợp thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính.

***** Các công ty con, công ty liên kết: không có**

02. Nhân sự chủ chốt

Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN

Chủ tịch HĐQT (không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.
- Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.
- Ngày tháng năm sinh: 31/03/1969.
- Học vấn: Cử nhân chuyên ngành tín dụng, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc

- 11/2018 - nay: Chủ tịch HĐQT BVSC.
- 06/2017 - 11/2018: Thành viên HĐQT BVSC.
- 05/2014 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 12/2011 - 9/2017: Quyền TGĐ, TGĐ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 01/2009 - 12/2011: Phó TGĐ kiêm GĐ Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 12/2006 - 12/2008: Trưởng ban Dự án Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Thành viên ban trù bị thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 01/2006 - 11/2006: Phó trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 4/1998 - 11/2005: Phó trưởng phòng P. Đầu tư vốn, Phó GĐ Trung tâm Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/1994 - 4/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- Thành viên HĐTV Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Ông NGUYỄN QUANG HƯNG

Thành viên HĐQT (không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.
- Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.
- Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974;
- Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 06/2017 - nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 01/2015 - nay: Phó TGĐ Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 03/2014 - 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 03/2009 - 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 04/2004 - 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 09/2001 - 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới tái bảo hiểm Aon Re Singapore.
- 08/1995 - 09/2001: Chuyên viên Phòng tái bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Phó TGĐ Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên HĐQT (không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 12/05/2016.
- Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.
- Ngày tháng năm sinh: 05/09/1977.
- Học vấn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

- 05/2016 - nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 03/2020 - nay: Chánh văn phòng Tập đoàn Bảo Việt.
- 11/2016 - 03/2020: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 5/2016 - 11/2016: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2015 - 5/2016: Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 09/2014 - 04/2015: Phó Trưởng ban – Ban Thư ký – Tổng hợp – Khối Quản lý hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2012 - 09/2014: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư Dự án – Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2011 - 12/2012: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư chiến lược – Khối đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 01/2006 - 04/2011: Chuyên viên chính Quản lý và thẩm định dự án đầu tư – Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.
- 11/2001 - 01/2006: Chuyên viên Quản lý dự án – Phòng Quản lý Dự án – Trung tâm Đầu tư Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Chánh Văn phòng Tập đoàn Bảo Việt.
- Thành viên HĐTV Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.

Ông LÊ XUÂN NAM

Thành viên HĐQT (TV độc lập HĐQT)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 22/06/2020.
- Ngày tháng năm sinh: 19/05/1982.
- Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc

- 06/2020 - nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 2019 – nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
- 2016-2019: Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
- 2011 – 2016: Phó phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
- 2016- nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- 2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn – Phú Quốc.

Ông NHỮ

Thành viên HĐQT (điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 03/04/2010.
- Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 20/06/2020.
- Ngày tháng năm sinh: 12/04/1972;
- Học vấn: Thạc sỹ kế toán ĐH Tổng hợp Hawaii (Hoa Kỳ), Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2010 đến nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.
- Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC.
- 1995 – 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có

** Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, BVSC đã bầu HĐQT mới nhiệm kỳ 2020-2025 trong đó bầu ông Lê Xuân Nam là Thành viên độc lập HĐQT.

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 22/03/2021

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 35% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,15%).
- Ông Nguyễn Anh Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ.
- Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Lê Xuân Nam: Thành viên độc lập HĐQT, sở hữu 0% cổ phần.

02. Nhân sự chủ chốt (Tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông NGUYỄN XUÂN HÒA

Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
- Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.
- Ngày tháng năm sinh: 11/03/1977.
- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh thương mại.

Kinh nghiệm làm việc

- 04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC.
- 01/2008 - nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban – Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế - Tập đoàn Bảo Việt.
- 11/2001 - 01/2008: Kế toán viên, Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 08/1999 - 10/2001: Phụ trách Kế toán – Công ty Tin học Duy Hùng

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế – Tập đoàn Bảo Việt.
- Thành viên HĐTV – Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Chủ tịch HĐTV – Công ty Bảo Việt Âu Lạc

Ông HOÀNG GIANG BÌNH

Kiểm soát viên

- Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
- Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.
- Ngày tháng năm sinh: 14/12/1986.
- Học vấn: Thạc sỹ Kế toán – Tài chính.

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.
- 09/2015 - nay: Chuyên viên Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.
- 08/2012 - 09/2015: Chuyên viên Ban Đầu tư Dự án – Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2011 - 05/2012: Chuyên viên Chi nhánh Hoàn Kiếm - Ngân hàng TMCP Quân đội.
- 03/2009 - 09/2009: Chuyên viên Phòng Kế toán – Đài TH Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Chuyên viên – Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Kiểm soát viên

- Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
- Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1982.
- Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.
- 01/2005 - nay: Kế toán viên, Phó Trưởng Ban – Ban Kế toán, Tập đoàn Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Phó trưởng ban – Ban Kế toán, Khối Quản lý Tài chính – Tập đoàn Bảo Việt.

Thành phần Ban Kiểm soát và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 22/03/2021

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 4,92% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Hoàng Giang Bình: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.

Ban Điều hành

Ông NHỮ ĐÌNH HÒA

Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm lần đầu: 02/2010.
- Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 11 năm.
- Học vấn: Thạc sỹ kế toán, Cử nhân quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 02/2010 - nay: Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 2005 - 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 2000 - 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC.
- Từ 1995 - 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có

Bà NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Phó Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010.
- Thời gian giữ chức vụ Phó tổng giám đốc: 10 năm 07 tháng.
- Học vấn: Thạc sỹ Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 07/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 09/2009 - 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn.
- Từ 09/2006 - 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch.
- Từ 10/2003 - 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có

Những thay đổi trong ban điều hành: Ngày 18/05/2020, ông Võ Hữu Tuấn - Phó Tổng Giám đốc Công ty từ trần do lâm trọng bệnh, BVSC đã thực hiện công bố thông tin về việc thay đổi người nội bộ theo Công văn số: 444/2020/BVSC-TH ngày 19/05/2020.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 22/03/2021

- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,15% Vốn Điều lệ).
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.

03. Thông tin dành cho cổ đông

Thông tin cổ phiếu BVS tại ngày 31/12/2020

Tên cổ phiếu
BVS
là một cổ phiếu trong rổ chỉ số HNX 30

Sàn niêm yết
HNX

Số lượng cổ phiếu niêm yết:
72.233.937 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:
72.200.145 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ:
33.792 cổ phiếu

Giá trị vốn hóa thị trường:
1,321 tỷ đồng

Thay đổi vốn điều lệ trong năm
không

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS 2020)
1.389 đồng

CỔ TỨC 2020

Thanh toán cổ tức 10% trên mệnh giá cổ phần từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2019 vào ngày 19/11/2020 theo Nghị quyết số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):	25.966 đồng
Giá thị trường tại ngày 31/12/2020:	18.300 đồng/cổ phiếu
Giá cao nhất năm 2020:	18.300 đồng/cổ phiếu
Giá thấp nhất năm 2020:	7.900 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng giao dịch năm 2020:	57.928.818 cổ phiếu
Tổng giá trị giao dịch năm 2020:	686.729.120.200 đồng
Khối lượng giao dịch bình quân năm 2020:	229.876 cổ phiếu/ngày
P/B:	0,7 lần
P/E:	10,81 lần

Nguồn: Fiinpro – Dữ liệu giao dịch doanh nghiệp

Cùng với sự thăng hoa của thị trường trong năm 2020, sự minh bạch trong hoạt động kinh doanh, cổ phiếu BVS của Công ty cũng thu hút được sự quan tâm lớn trên thị trường trong năm vừa qua. Đóng cửa thị trường năm 2020, giá cổ phiếu BVS đạt 18.300 đồng/cổ phiếu, tăng 83% so với cùng kỳ năm 2019, Giá trị vốn hóa thị trường theo đó cũng tăng tương ứng. Ngoài ra, tính thanh khoản của cổ phiếu BVS cũng cải thiện mạnh mẽ, khối lượng giao dịch bình quân trong năm đạt 229.876 cổ phiếu/phiên, bằng 623,9% so với bình quân/phiên trong năm 2019.

Diễn biến giao dịch cổ phiếu BVS trên TTCK trong năm 2020 thể hiện qua các biểu đồ như sau:

BIỂU ĐỒ GIÁ ĐÓNG CỬA CỦA CỔ PHIẾU BVS SO VỚI VNINDEX TỪ NGÀY 01/01/2020-31/12/2020

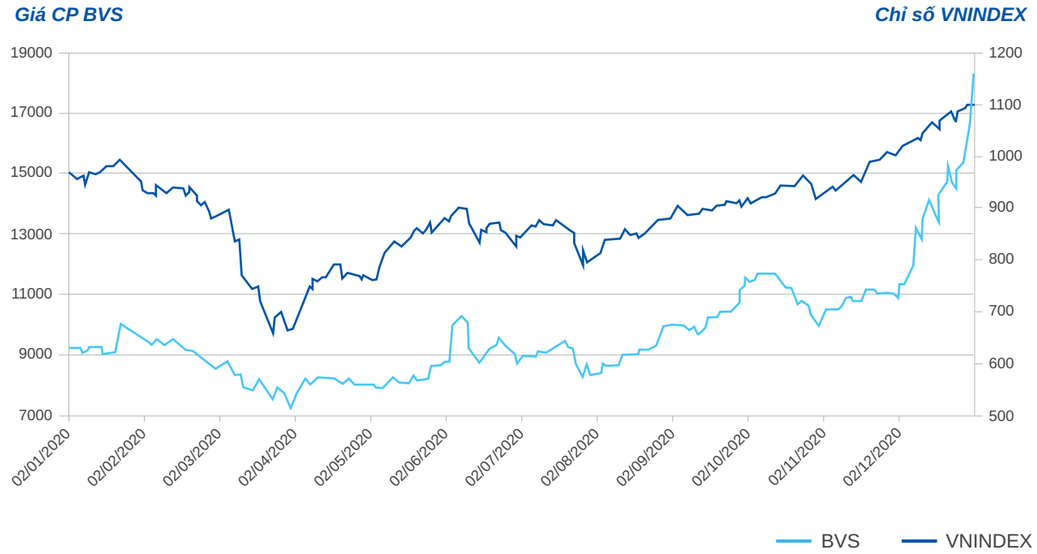

BIỂU ĐỒ GIÁ ĐÓNG CỬA CỦA CỔ PHIẾU BVS SO VỚI HNXINDEX TỪ NGÀY 01/01/2020 -31/12/2020

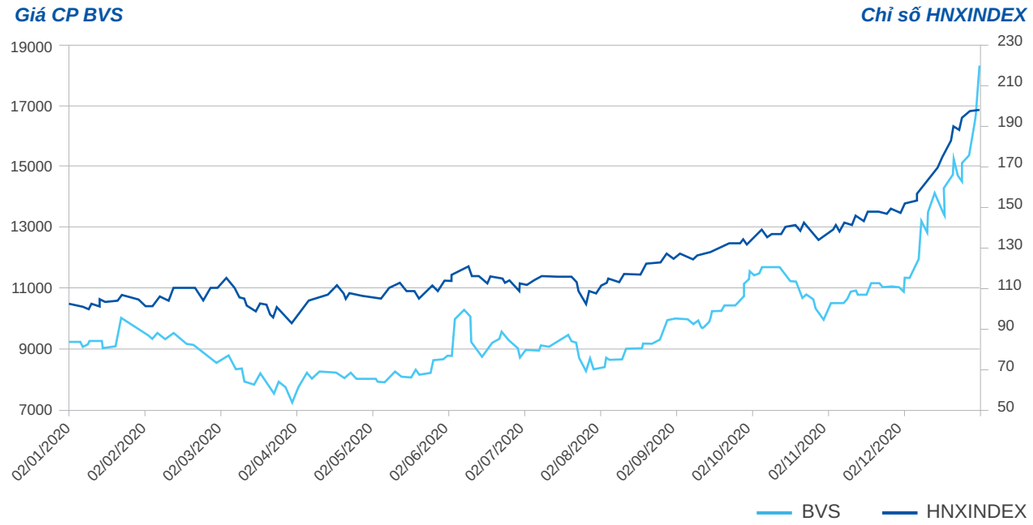

03. Thông tin dành cho cổ đông (Tiếp theo)

BIỂU ĐỒ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỦA CỔ PHIẾU BVS TỪ NGÀY 01/01/2020 -31/12/2020

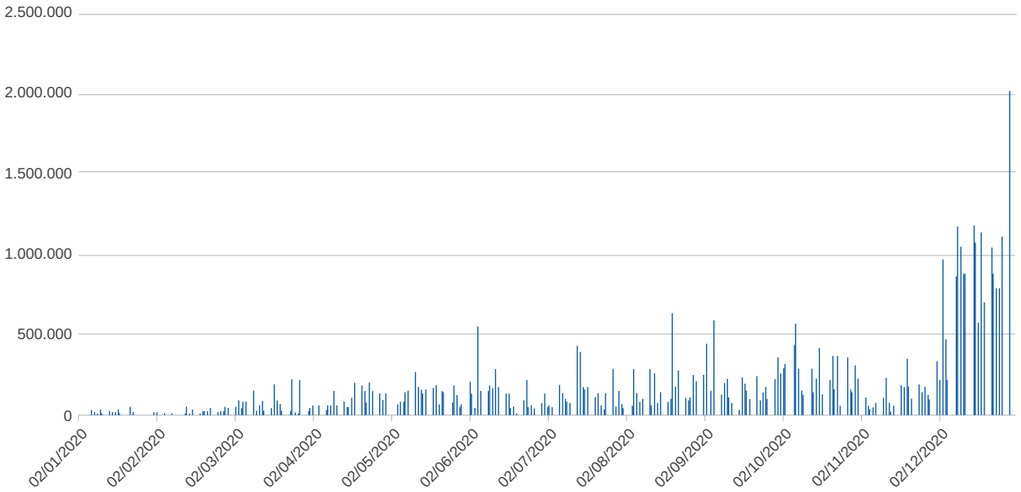

KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THEO THÁNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

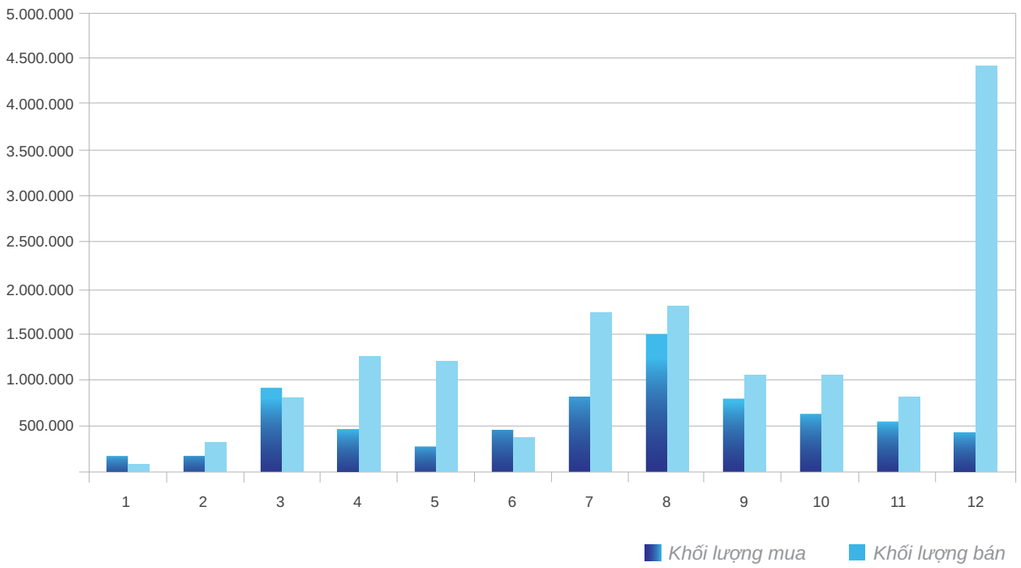

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THEO THÁNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (TRIỆU ĐỒNG)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 22/03/2021

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ NẮM GIỮ

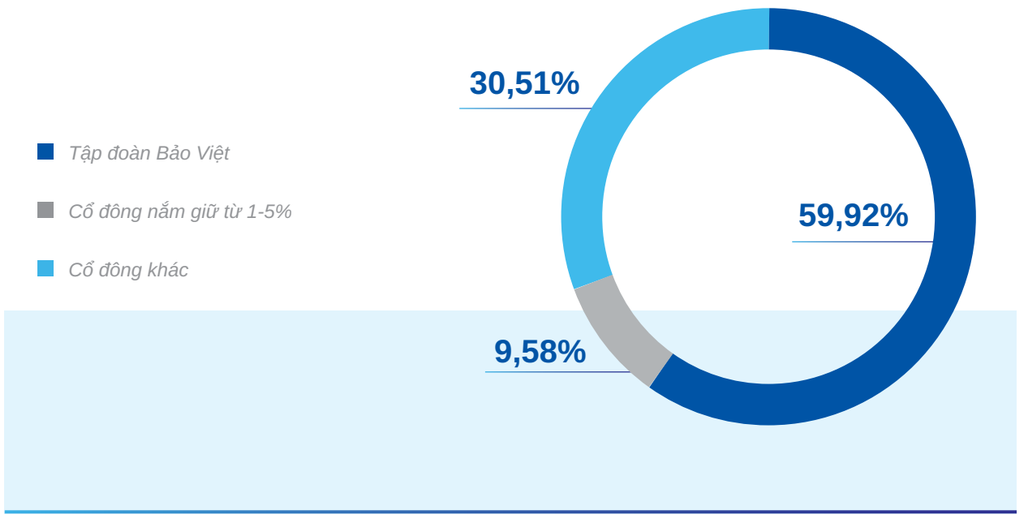

03. Thông tin dành cho cổ đông (Tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 22/03/2021 (TIẾP THEO)

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2020: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2020: Không có.
- Các chứng khoán khác: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO ĐỊA LÝ

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
TRONG NƯỚC				**89,33%**
Cá nhân	4762	21.016.778	210.167.780.000	29,10%
Tổ chức	32	43.510.037	435.100.370.000	60,23%
NƯỚC NGOÀI				**10,67%**
Cá nhân	153	1.409.410	14.094.100.000	1,95%
Tổ chức	25	6.297.712	62.977.120.000	8,72%
TỔNG CỘNG	**4.972**	**72.233.937**	**722.339.370.000**	**100%**

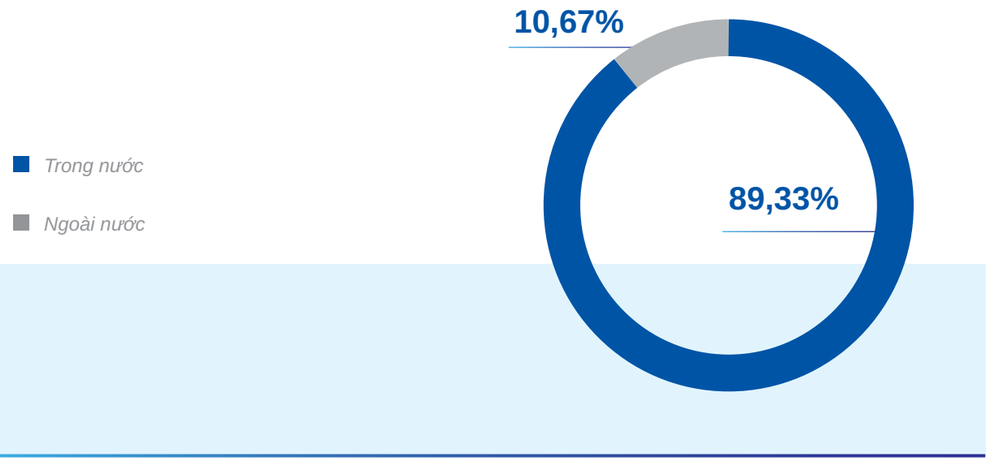

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG NHỎ

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	4.965	22.035.044	30,51
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	6	6.917.700	9,58
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	43.281.193	59,92
TỔNG CỘNG	**4.972**	**72.233.937**	**100**

TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI TRONG GIAI ĐOẠN 2016 -2020

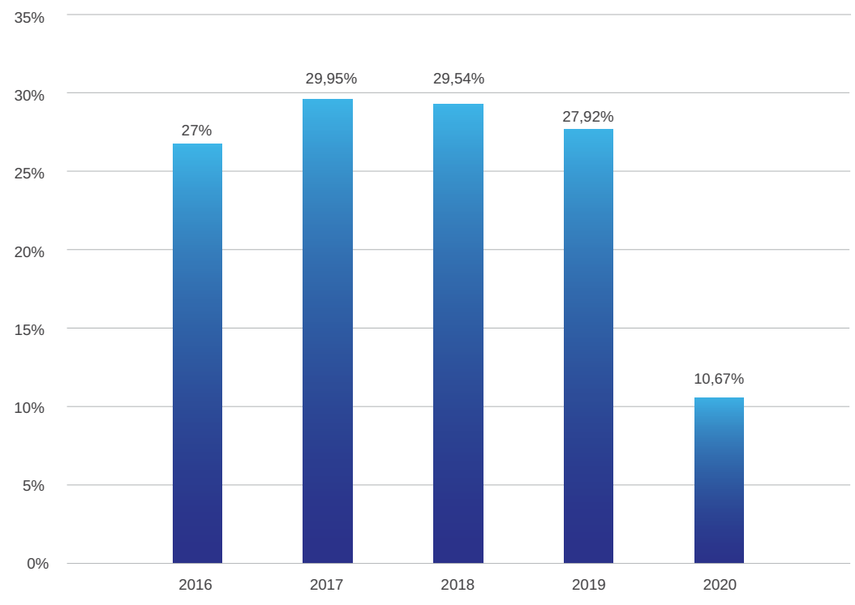

03. Thông tin dành cho cổ đông (Tiếp theo)

Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2020

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông

Là Công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và đặc biệt BVSC cũng là nhà tư vấn hàng đầu về tư vấn tài chính doanh nghiệp, do đó BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông của Công ty. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng, công bằng và minh bạch.

Quyền của cổ đông được Công ty quy định cụ thể tại Điều 20, Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 10 của BVSC. Trong đó quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Hiện nay, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2020 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 22/06/2020 BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên website Công ty 15 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Ngoài ra, thư mời họp được công ty công bố trên 01 trang báo có kênh phát hành toàn quốc. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2020, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc đại hội và được công bố thông tin trên website Công ty.

Thành phần tham gia Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 có sự tham dự của: các cổ đông sở hữu 44.515.279 cổ phần chiếm 61,65% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc tham dự đầy đủ. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự Đại hội để trả lời các chất vấn của cổ đông (nếu có).

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ 2020, cổ đông đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc. Cũng tại Đại hội, cổ đông đã trực tiếp chất vấn Đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng như: Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019; Kế hoạch kinh doanh năm 2020, về tình hình Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020; về Tự doanh của Công ty trước bối cảnh thị trường trong Quý I do ảnh hưởng của covid; Về kế hoạch tăng vốn để Công ty cung cấp dịch vụ phái sinh; Việc triển khai các hoạt động công nghệ thông tin của Công ty. Các nội dung chất vấn trực tiếp tại Đại hội đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Biểu quyết tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Nội dung	ĐHĐCĐ 2020 BVSC đã biểu quyết thông qua
Hoạt động kinh doanh	• Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.
Các báo cáo	• Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020 của HĐQT. • Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2019 – 2020. • Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.
Bầu HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025	• Thông qua Bầu HĐQT, Kiểm soát viên của Công ty. • Thông qua Quy chế bầu cử HĐQT và BKS. • Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên. • Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS.
Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty	• Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2019, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2020. • Thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019 và kế hoạch trả thù lao năm 2020.
Các nội dung khác	• Thông qua việc HĐQT thành lập các ủy ban trực thuộc. • Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán các BCTC năm 2021, 2022, 2023 của Công ty.

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.

03. Thông tin dành cho cổ đông (Tiếp theo)

BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (IR)

Trong những năm qua bộ phận quan hệ cổ đông của BVSC đã làm tốt chức năng là cầu nối gắn kết các cổ đông và nhà đầu tư; việc thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông cũng như đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các cổ đông luôn là giá trị cốt lõi xuyên suốt của Công ty. Thực tế, hoạt động này đã củng cố mối quan hệ vững chắc, tạo dựng niềm tin lâu dài giữa BVSC và nhà đầu tư và góp phần không nhỏ vào sự phát triển bền vững của BVSC trong thời gian qua.

Không chỉ tuân thủ tốt các quy định về CBTT theo quy định pháp luật, Bộ phận IR của BVSC luôn chủ động trong việc trao đổi thông tin với các cổ đông và nhà đầu tư. Ngoài việc thiết lập hotline và hòm thư điện tử riêng để trả lời tất cả các thắc mắc từ cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm, năm 2020 BVSC đẩy mạnh thực hiện trao đổi thông tin qua fanpage của Công ty. Mọi thắc mắc, yêu cầu thông tin về tình hình kinh doanh của công ty gửi về đều được bộ phận IR cập nhật ngay lập tức, các thông tin cần xử lý sẽ được phản hồi sau muộn nhất là 48h.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ KÊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trong năm 2020, BVSC tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cổ đông, tăng cường minh bạch hóa thông tin và tiếp nhận những phản hồi để hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị doanh nghiệp bằng các hoạt động cụ thể như:

01

Tham gia các buổi hội thảo, giao lưu trực tuyến với nhà đầu tư để trực tiếp giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm.

02

Phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận Quan hệ cổ đông và các Bộ phận liên quan nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư kịp thời, hiệu quả.

03

Nâng cấp website công ty, cập nhật các thông tin tài chính cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.

04

Chủ động hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

05

Lập báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên tại cả phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài.

03. Thông tin dành cho cổ đông (Tiếp theo)

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÍNH MINH BẠCH

Tại BVSC, Công ty xây dựng một quy trình công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết và Quy chế công bố thông tin của các Sở giao dịch. Trang thông tin điện tử của Công ty là phương tiện công bố thông tin chính thống và hiệu quả, hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty. Để tạo điều kiện cho các cổ đông trong và ngoài nước tiếp cận các thông tin quan trọng của Công ty, BVSC xây dựng một chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông trên trang tin điện tử và được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tại chuyên mục Quan hệ cổ đông, bên cạnh những thông tin và tài liệu căn bản như Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy trình công bố thông tin, các báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu... Công ty còn thiết kế chuyên mục "Công bố thông tin" để cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty. Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo đề cử ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ.... đều được Công ty cập nhật lên chuyên mục Thông tin họp ĐHĐCĐ trước mỗi kỳ họp đảm bảo theo đúng thời hạn quy định về công bố thông tin họp ĐHĐCĐ của Công ty niêm yết.

***Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty; và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.*

LỊCH CBTT ĐỊNH KỲ TRONG NĂM 2020

Tháng 01

17/01/2020
Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2019.

20/01/2020
Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 31.12.2019.

Tháng 03

30/01/2020
Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2019.

30/03/2020
Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2019.

Tháng 04

17/04/2020
Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2020.

19/04/2020
Báo cáo thường niên năm 2019.

Tháng 07

20/07/2020
Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2020.

21/07/2020
CBTT định kỳ của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

29/07/2020
- Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 30.06.2020.
- Báo cáo quản trị Công ty niêm yết 06 tháng đầu năm 2020.

Tháng 08

14/08/2020
Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2020 (đã soát xét).

Tháng 10

19/10/2020
Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2020.

LỊCH CBTT KHÁC TRONG NĂM 2020

Tháng 02

25/02/2020
HĐQT giao nhiệm vụ Người phụ trách Kế toán Công ty.

Tháng 03

19/03/2020
Nghị quyết của HĐQT về việc điều chỉnh thời gian phát hành trái phiếu đợt 2 trong Phương án phát hành bán trái phiếu riêng lẻ năm 2019.

Tháng 04

09/04/2020
Nghị quyết của HĐQT về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Tháng 05

05/05/2020
Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

19/05/2020
Thay đổi nhân sự là Người nội bộ.

Tháng 06

11/06/2020
- Kế hoạch kinh doanh năm 2020
- Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2020.

23/06/2020
- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Thay đổi thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2025.

19/06/2020
Nghị quyết của HĐQT về việc bổ sung nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Tháng 09

29/09/2020
- Nghị quyết của HĐQT về việc thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2019.
- CBTT ngày ĐKCC để thực hiện quyền chi trả cổ tức cho năm tài chính 2019.

Tháng 12

17/12/2020
Nghị quyết của HĐQT về việc không thực hiện phát hành trái phiếu đợt 2 trong phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019.

03. Thông tin dành cho cổ đông (Tiếp theo)

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG IR NĂM 2021

Năm 2021 là năm khung pháp lý mới về quản trị công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán chính thức có hiệu lực như Luật chứng khoán 2019; Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán 2019; Thông tư số: 96/2020/TT-BTC. Do đó đòi hỏi BVSC sẽ tiếp tục tập trung nâng cao hơn nữa hiệu quả và tính chuyên nghiệp hoạt động quan hệ nhà đầu tư với một số định hướng như sau:

- Rà soát, sửa đổi Quy chế công bố thông tin của Công ty đảm bảo phù hợp quy định về công bố thông tin của Thông tư số: 96/2020/TT-BTC; Điều lệ công ty sửa đổi bổ sung lần thứ 11; các thông lệ quốc tế tốt nhất về công bố thông tin theo quy định tại Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng ở Việt Nam, Thẻ điểm quản trị Asean.

- Tuân thủ việc công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“TTCK”). Các nội dung thông tin công bố sẽ được thực hiện song song bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông kết nối cổ đông & nhà đầu tư quan tâm thông qua tiếp xúc trực tiếp tại ĐHĐCĐ thường niên, toàn văn tài liệu ĐHCĐ thường niên công bố song ngữ Anh – Việt, tăng cường hợp tác để đẩy mạnh các cơ hội xúc tiến đầu tư vào TTCK Việt Nam và BVSC.

- Nâng cao công cụ tìm kiếm thông tin và khả năng tương tác trên chuyên mục quan hệ cổ đông tại website & fanpage Công ty.

ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN, QUÝ CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Địa chỉ: Trụ sở chính Công ty, số 72 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Hotline: (84-24)3.928 8080 (máy lẻ: 601)
Email: info-bvsc@baoviet.com.vn
Website: www.bvsc.com.vn

04. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, BVSC đã tiến hành bầu lại HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.
Trong năm 2020 HĐQT gồm các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	• Kể từ ngày 27/06/2017 là thành viên HĐQT; • Kể từ ngày 29/11/2018 – ngày 22/06/2020 là Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kỳ 2015-2020 • Kể từ ngày 22/06/2020 đến nay tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kì 2020-2025.	
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 12/05/2016.	
3	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên HĐQT điều hành	Kể từ ngày 15/4/2015.	
4	Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 15/4/2015 đến ngày 22/06/2020	Hết nhiệm kỳ Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 27/6/2017.	
6	Ông Lê Xuân Nam	Thành viên độc lập HĐQT	Kể từ ngày 22/06/2020.	Bầu mới làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị Công ty tại Chương 2 Mục 2 phần "Nhân sự chủ chốt – Hội đồng Quản trị" từ trang 30 tới trang 31 của Báo cáo này.

Trong năm 2020, sau khi HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 được bầu, HĐQT đã ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

ÔNG NGUYỄN HỒNG TUẤN
CHỦ TỊCH HĐQT

phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách lĩnh vực chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; phụ trách lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài chính; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị công ty, Bổ nhiệm và Thù lao.

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
TV. HĐQT KIÊM TGĐ

Trực tiếp và là người đứng đầu phụ trách hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
TV. HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Phụ trách lĩnh vực đầu tư mua sắm tài sản cố định, công nghệ thông tin, truyền thông và thương hiệu của Công ty; hỗ trợ việc phối hợp giữa Công ty với Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

ÔNG NGUYỄN QUANG HƯNG
TV. HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty; quản lý rủi ro; pháp chế; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco.

ÔNG LÊ XUÂN NAM
TV ĐỘC LẬP HĐQT

Phụ trách lĩnh vực kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán.

Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 có 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có một thành viên độc lập HĐQT; đồng thời thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng lĩnh vực hoạt động đối với mỗi thành viên, đã giúp các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

04. Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Thư ký Công ty

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các cá nhân sau:

BÀ BÙI THỊ MAI HIÊN

Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề
- Cử nhân Luật.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp.
- Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229 / QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.

Kinh nghiệm tại BVSC
16 năm làm việc tại BVSC

Ngày được bổ nhiệm
26/09/2013

ÔNG VŨ DUY VƯƠNG

Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề
- Cử nhân Luật kinh doanh.
- Chứng chỉ tốt nghiệp Đào tạo nghiệp vụ luật sư số: 15814/2012/LS ngày 25/04/2013.

Kinh nghiệm tại BVSC
10 năm làm việc tại BVSC

Ngày được bổ nhiệm
10/09/2018

Người phụ trách quản trị công ty

Để hỗ trợ công tác quản trị công ty, HĐQT bổ nhiệm ông Vũ Duy Vương Thư ký công ty, đồng thời là Người phụ trách quản trị công ty.

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Triển khai thực hiện Điều 10 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, ngày 06/08/2020 HĐQT ban hành Nghị quyết số:19/2020/NQ-HĐQT thành lập 03 Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban Quản trị công ty, Bổ nhiệm và Thù lao ("QTCT,BN&TL"); Ủy ban Quản trị rủi ro và Alco ("QTRR&ALCO") và Ủy ban Kiểm toán; đồng thời bổ nhiệm thành viên độc lập làm Chủ nhiệm của Ủy ban Kiểm toán. Với việc thành lập 03 Ủy ban trực thuộc không những hỗ trợ cho HĐQT thực hiện quản lý Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích; mà còn giúp mô hình quản trị của BVSC tiếp tục được kiện toàn dựa trên thông lệ tốt và các chuẩn mực tiên tiến về quản trị công ty như Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD mới nhất và Thẻ điểm Quản trị Công ty của ASEAN.

ỦY BAN QTCT, BN&TL

Chức năng và nhiệm vụ

Uỷ ban QTCT,BN&TL là một bộ phận chức năng trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các hoạt động: (i) Tăng cường hiệu quả của khung quản trị và chính sách về quản trị công ty; (ii) Bảo đảm việc tuân thủ chính sách, quy định của pháp luật về quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty tại BVSC; (iii) Việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của BVSC; (iv) Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị công ty; (v) Chính sách quản lý cán bộ, người lao động và tiền lương tại BVSC; (vi) Những vấn đề liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, kiện toàn nhân sự do HĐQT quản lý.

Thành phần của Ủy ban gồm 04 Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch HĐQT
Chủ nhiệm Ủy ban;

Ông Nhữ Đình Hòa
TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên;

Ông Nguyễn Anh Tuấn
TV.HĐQT không điều hành
Thành viên;

Bà Bùi Thị Mai Hiên
Giám đốc Nhân sự
Thành viên;

ỦY BAN QTRR&ALCO

Chức năng và nhiệm vụ

Uỷ ban QTRR&ALCO là một bộ phận chức năng trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các hoạt động: (i) Trong việc ban hành các chiến lược, chính sách và hạn mức rủi ro liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty; (ii) Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty; (iii) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; (iv) Đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính và việc phát triển kinh doanh, quản lý và phát triển vốn và tài sản của Công ty.

Thành phần của Ủy ban gồm 05 Thành viên

Ông Nguyễn Quang Hưng
TV.HĐQT không điều hành
Chủ nhiệm Ủy ban;

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch HĐQT
Thành viên;

Ông Nhữ Đình Hòa
TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên;

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Thành viên;

Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR
Thành viên;

04. Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Chức năng và nhiệm vụ

Uỷ ban Kiểm toán là một bộ phận chức năng trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các hoạt động: (i) Đánh giá về các hoạt động của Công ty đối với việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, chính sách và quy định nội bộ của Công ty; (ii) Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty; (iii) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; (iv) Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Thành phần của Ủy ban gồm 05 Thành viên

Ông Lê Xuân Nam
Thành viên độc lập HĐQT
Chủ nhiệm Ủy ban;

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch HĐQT
Thành viên;

Ông Như Đình Hòa
TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên;

Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR
Thành viên;

Bà Nguyễn Thị Hằng
Chuyên viên Kiểm toán nội bộ
Thành viên;

Đào tạo về Quản trị Công ty

Năm 2020, các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký và Người phụ trách quản trị công ty và các cán bộ quản lý khác thường xuyên cập nhật nghiên cứu quy định mới của pháp luật về quản trị công ty như: Luật doanh nghiệp 2020 và các Nghị định hướng dẫn thi hành; các quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và công ty chứng khoán của Luật chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và các thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định này. Ngoài ra, các thành viên còn tích cực tham gia các khóa đào tạo, diễn đàn, hội thảo liên quan đến quản trị công ty như: các Hội thảo điểm mới Luật chứng khoán 2019; Luật doanh nghiệp 2020; Hội thảo đào tạo Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp ngành chứng khoán do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam tổ chức; Hội thảo chuyên sâu nâng cao năng lực quản trị công ty tại các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam do HNX và HSX với sự hỗ trợ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) tổ chức...

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÓ CHỨNG CHỈ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Như Đình Hòa *Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc*	Chứng chỉ quản trị công ty số: 10/QĐ193-TTNC do UBCKNN ngày 31/07/2013.
Bà Bùi Thị Mai Hiên *Thư ký công ty*	Chứng chỉ quản trị công ty số: 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.

Hoạt động của HĐQT năm 2020

Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ và theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2020, trước những cơ hội và thách thức trong năm vừa qua, HĐQT BVSC đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt và chỉ đạo Công ty vượt qua các khó khăn thử thách của TTCK, đặc biệt trong 06 tháng đầu năm, giai đoạn ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch bệnh Covid-19; Cụ thể các hoạt động của HĐQT diễn ra trong năm như sau:

TỔ CHỨC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN

HĐQT đã triệu tập thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 22/06/2020. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua các vấn đề quan trọng do HĐQT trình như: Kế hoạch kinh doanh năm 2020, thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán, việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020, bầu HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2020 -2025, thông qua việc thành lập 03 Ủy ban trực thuộc HĐQT ....

(Chi tiết các vấn đề được thông qua xem thêm tại mục ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 từ trang 40 đến trang 41 của Báo cáo này)

QUYẾT ĐỊNH CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN

Căn cứ vào quy định của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty, HĐQT thông qua các chính sách và các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Để xem xét quyết định các vấn đề một cách cẩn trọng và hiệu quả, HĐQT thực hiện thông qua các phương thức sau:

(i) Tổ chức các cuộc họp của HĐQT để thảo luận thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp: định kỳ mỗi quý 01 cuộc họp và 01 cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT ngay sau khi có kết quả bầu HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025. Tất cả các cuộc họp này đều mời các Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự. Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty, quy định của Pháp luật. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác dự họp; và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

04. Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

QUYẾT ĐỊNH CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN (TIẾP THEO)

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Hồng Tuấn	05	100%	
2	Nguyễn Anh Tuấn	05	100%	
3	Nhữ Đình Hòa	05	100%	
4	Lê Văn Bình	02	100%	Ngày 22/06/2020, hết nhiệm kỳ Thành viên HĐQT.
5	Nguyễn Quang Hưng	05 (có 02 lần UQ tham dự họp)	100%	
6	Lê Xuân Nam	03	100%	Bầu làm Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 22/06/2020.

(ii) Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định giải quyết các đề xuất, các nội dung thuộc thẩm quyền

Ngoài việc tổ chức các phiên họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản như. Trong năm, HĐQT tiến hành 17 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và thực hiện ban hành 24 Nghị quyết quan trọng, tập trung vào giải quyết và chỉ đạo các nội dung liên quan tới triển khai kế hoạch kinh doanh ("KHKD") năm 2020; thành lập 03 ủy ban trực thuộc HĐQT; việc kiện toàn mô hình tổ chức của Công ty; Phê duyệt Phương án thực hiện hoạt động tự doanh trong giai đoạn chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19… cũng như các nội dung khác liên quan việc quản trị Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Công ty đã thực hiện công bố chi tiết các Nghị quyết HĐQT trong năm tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 được Công ty phát hành ngày 29/01/2021; và hiện đang lưu trữ tại trang tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: https://bvsc.com.vn/News/2021129/858459/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2020.aspx

Ngoài việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo phân công thông qua các kỳ họp HĐQT, cho ý kiến trả lời đối với các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT, các thành viên HĐQT còn là thành viên các ủy ban trực thuộc HĐQT, đồng thời tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty như: cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản lý rủi ro; cuộc họp liên quan bổ nhiệm các lãnh đạo cấp trung của Công ty; hay cuộc họp của hội đồng đầu tư. Ngoài ra, các thành viên HĐQT còn trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường, cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Ngay sau khi được thành lập, các Ủy ban đã triển khai các hoạt động sau đây để hỗ trợ và tham mưu cho HĐQT quản lý Công ty một cách hiệu quả:

ỦY BAN QTCT, BN&TL 01

Hoạt động của Ủy ban trong năm 2020

Trong năm Ủy ban QTCT,BN&TL tổ chức 02 phiên họp trực tiếp:

- (i) Cuộc họp lần 1 thảo luận xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban;
- (ii) Cuộc họp lần 2 thảo luận: về việc rà soát, đánh giá thực hiện Chiến lược hoạt động kinh doanh của BVSC giai đoạn 2016 -2020; định hướng hoạt động của Ủy băn năm 2021.

Ngoài ra, Ủy ban QTCT,BN&TL còn thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với các Thành viên để triển khai các công việc liên quan:

- (i) Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty;
- (ii) Tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực;
- (iii) Kiến nghị HĐQT xem xét những vấn đề mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị công ty, chính sách quản lý lao động, cán bộ và tiền lương của Công ty;
- (iv) Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của công ty;
- (v) Thẩm định Dự thảo Quy chế quản lý cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và Quy định về tiêu chuẩn cán bộ giữ Chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách thuộc BVSC do Công ty trình để báo cáo HĐQT xem xét ban hành.

Định hướng hoạt động năm 2021

Ủy ban QTCT,BN&TL sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan:

- (i) việc xây dựng Chiến lược hoạt động kinh doanh của BVSC giai đoạn 2021 -2025;
- (ii) việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản trị công ty như: Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi lần thứ 11, Dự thảo Quy chế nội nội về quản trị công ty sửa đổi lần thứ 1; Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT; Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua;
- (iii) Tư vấn cho HĐQT chính sách về quản trị công ty nhằm nâng cao hiệu quả quản trị điều hành tập trung;
- (iv) Tư vấn cho HĐQT chính sách về quản trị công ty, quản trị nhân sự và chính sách về tiền lương để đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty.

04. Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

ỦY BAN QTRR & ALCO 02

Hoạt động của Ủy ban trong năm 2020

Năm 2020 Ủy ban QTRR&ALCO tổ chức 02 phiên họp trực tiếp:

- (i) Cuộc họp lần 1 thảo luận xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban;
- (ii) Cuộc họp lần 2 thảo luận: Đánh giá các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng cân đối kế toán của công ty nhằm đưa ra các khuyến nghị về chính sách, kế hoạch quản lý tài sản, quản lý rủi ro; định hướng hoạt động của Ủy ban năm 2021.

Bên cạnh đó Ủy ban QTRR&ALCO còn thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với các Thành viên để triển khai các công việc liên quan:

- (i) Thực hiện kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc;
- (ii) Thẩm định Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2021 Công ty trình để báo cáo HĐQT phê chuẩn ban hành áp dụng cho năm 2021;
- (iii) Tham gia vào việc rà soát, đánh giá thực hiện Chiến lược hoạt động kinh doanh của BVSC giai đoạn 2016 -2020.

Định hướng hoạt động năm 2021

Ủy ban QTRR&ALCO sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan:

- (i) việc xây dựng Chiến lược hoạt động kinh doanh của BVSC giai đoạn 2021 -2025;
- (ii) Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên bảng cân đối kế toán đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh bền vững của Công ty;
- (iii) Xem xét đánh giá các hoạt động của Công ty về việc tuân thủ Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2021;
- (iv) Chỉ đạo Bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty xây dựng Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2022 trình HĐQT phê duyệt.

ỦY BAN KIỂM TOÁN 03

Hoạt động của Ủy ban trong năm 2020

Trong năm Ủy ban Kiểm toán tổ chức 02 phiên họp trực tiếp: (i) Cuộc họp lần 1 thảo luận xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban; (ii) Cuộc họp lần 2 thảo luận: về việc tư vấn cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC 03 năm 2021, 2022 và 2023 của Công ty; định hướng hoạt động của Ủy băn năm 2021.

Ngoài ra, Ủy ban Kiểm toán còn thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với các Thành viên để triển khai các công việc liên quan:

- (i) Thẩm định Quy chế về tổ chức và hoạt động của Bộ phận KTNB Công ty để báo cáo HĐQT ban hành;
- (ii) Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Bộ phận KTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2020;
- (iii) chỉ đạo Bộ phận KTNB thực hiện các kỳ kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán năm 2020 đã được HĐQT phê duyệt (kể từ thời điểm được thành lập ngày 06/08/2020 đến hết năm 2020, Ủy ban chỉ đạo Bộ phận KTNB thực hiện 04 kỳ kiểm toán);
- (iv) Chỉ đạo Bộ phận KTNB lập Báo cáo Kiểm toán năm 2020 và Kế hoạch Kiểm toán năm 2021 trình HĐQT ban hành;
- (v) Tham gia vào việc rà soát, đánh giá thực hiện Chiến lược hoạt động kinh doanh của BVSC giai đoạn 2016 -2020.

Định hướng hoạt động năm 2021

Năm 2021, Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động:

- (i) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Bộ phận KTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2021 đã được HĐQT phê duyệt;
- (ii) Giám sát tính trung thực BCTC của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
- (iii) Tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2021 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Uỷ ban kiểm toán trong việc tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2021 của BVSC.

04. Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2020

KẾT THÚC NĂM 2020, THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT GỬI BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ HĐQT VỚI NỘI DUNG NHƯ SAU:

- Mức độ tuân thủ và hiệu quả trong cơ cấu quản trị Công ty: Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, Công ty đã tiến hành bầu HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025, các thành viên được bầu đều đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện trở thành viên HĐQT và Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật. Với 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT BVSC đáp ứng tốt các tiêu chí tuân thủ quy định pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngoài việc, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty đối với từng thành viên HĐQT; đã thành lập 03 ủy ban Uỷ ban QTCT,BN&TL; Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý để rà soát và nắm bắt và ra quyết định kịp thời đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Các phiên họp định kỳ do Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì đều có sự tham gia của Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết của HĐQT được đưa ra trên cơ sở tỷ lệ đồng thuận cao nhất.

- Bên cạnh việc tổ chức họp định kỳ, để giải quyết kịp thời các kiến nghị và đề xuất của Công ty giữa các kỳ họp, HĐQT tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Đồng thời các nội dung lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đều được cung cấp đầy đủ tới BKS, Ban Tổng Giám đốc. Qua đó, BKS thường xuyên có ý kiến kịp thời tới HĐQT về các nội dung được cung cấp. Thông qua những hoạt động này, BKS đã phát huy tốt vai trò giám sát của mình để đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm đều được thực hiện cẩn trọng trên nguyên tắc đảm bảo tối đa lợi ích của Công ty và cổ đông.

- Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ; bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như diễn biến của thị trường chứng khoán với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của BVSC.

- Các thành viên HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành là không đồng thời làm thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty. Trong quá trình làm việc, thành viên HĐQT luôn thực hiện công việc một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

05. Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2020-2025 với các thành viên như sau:

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm
1.	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	Kể từ ngày 15/04/2015	
2.	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	
3.	Ông Hoàng Giang Bình	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	

Thông tin về các thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2025 vui Chương 2 Mục 2 phần "Nhân sự chủ chốt – Hội đồng Quản trị" từ trang 32 của Báo cáo này .

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2020, Ban Kiểm soát tiến hành năm (05) cuộc họp. Các cuộc họp này đều đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty và Pháp luật. Cụ thể như sau:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên BKS tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 năm 2020 ngày 18/03/2020	• Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh Quý I/2020. • Thông qua nội dung Thông báo của BKS về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2019 của BVSC. • Kế hoạch công tác Quý II năm 2020 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 2 năm 2020 ngày 11/06/2020	• Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 05 tháng và ước thực hiện kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020. • Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS giữa 02 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2019 – 2020. • Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2020 -2021. • Kế hoạch công tác Quý III năm 2020 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 3 năm 2020 ngày 22/06/2020	• Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 họp bầu Trưởng Ban Kiểm soát.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 4 năm 2020 ngày 07/08/2020	• Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng ước thực hiện kết quả kinh doanh 07 tháng đầu năm 2020. • Kế hoạch công tác Quý IV năm 2020 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 5 năm 2020 ngày 16/12/2020	• Thảo luận việc rà soát, đánh giá thực hiện Chiến lược hoạt động kinh doanh của BVSC giai đoạn 2016 -2020; và xây dựng Chiến lược hoạt động kinh doanh của BVSC giai đoạn 2021 -2025. • Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2020.	03/03	100%

Đánh giá của BKS về hoạt động của Công ty trong năm 2020

Năm 2020, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy trình kiểm tra, kiểm soát của BKS và triển khai kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020, kết quả giám sát như sau:

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời phê duyệt, ra quyết sách chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty bám sát với diễn biến của TTCK, thực tiễn kinh doanh.
- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, với phương châm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty nhằm đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời phục vụ hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.
- Các Nghị quyết và các quyết sách của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của Công ty; đồng thời tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; quy định của Pháp luật có liên quan.

Qua quá trình giám sát, BKS thấy rằng: HĐQT đã hoạt động đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật; HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý Công ty; BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong hoạt động quản trị, quản lý của HĐQT nói chung và các Thành viên HĐQT nói riêng.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm 2020, số lượng Thành viên Ban Tổng Giám đốc giảm từ 03 xuống còn 02 Thành viên (do 01 Phó Tổng Giám đốc từ trần do lâm trọng bệnh). Tuy nhiên, 02 Thành viên Ban Tổng Giám đốc còn lại đều là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập, là những người tâm huyết và luôn nỗ lực tối đa với quyết tâm cao nhất trong việc triển khai thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; đồng thời đã đảm bảo cho hoạt động của Công ty thông suốt không bị ảnh hưởng.
- Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng, hàng quý Ban Tổng Giám đốc đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng, trong quý và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng, của quý tiếp theo báo cáo HĐQT và BKS;
- Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện cung cấp kịp thời, đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Kết quả giám sát, BKS thấy rằng: căn cứ vào diễn biến của TTCK và tình hình thực tế của Công ty, Ban Tổng Giám đốc luôn chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đề ra những giải pháp căn cơ, quyết sách đúng đắn và hiệu quả nhằm duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và bền vững; không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong quá trình điều hành Công ty của Ban Tổng Giám đốc.

05. Ban kiểm soát (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ BCTC

01

Các BCTC quý, bán niên và cả năm 2020 đã được Công ty trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC bán niên, cả năm 2020 đã được soát xét/kiểm toán bởi Ernst & Young Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán độc lập.

BKS thống nhất ý kiến với đơn vị kiểm toán độc lập là các BCTC năm 2020 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020; cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

02

Trong năm 2020, hoạt động của Công ty luôn đảm bảo thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin áp dung đối với công ty chứng hoán có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty đã triển khai thực hiện đúng các quyết định của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, cụ thể: việc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2020 hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao; hoàn thành việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và thanh toán cổ tức với 10% mệnh giá cổ phần; HĐQT hoàn thành việc thành lập 03 Ủy ban trực thuộc; hoàn thành việc Lựa chọn Công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021, 2022 và 2023.

ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NHỮNG NGƯỜI NÀY; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH.

03

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, giám sát, BKS thấy các giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của những người này; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: đã được Công ty thực hiện theo đúng Điều 52 của Điều lệ công ty và các quy định của Luật doanh nghiệp quy định về giao dịch giữa Công ty với người liên quan, đảm bảo theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Cụ thể:

- Tình hình thực hiện các giao dịch:
  - Giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc: Ngoại trừ thu phí giao dịch chứng khoán do một số thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc đầu tư chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại Công ty, trong năm Công ty không ký kết, thực hiện các hợp đồng đối với những người này.
  - Giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc: giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: trong năm, Công ty có ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Bảo Việt, các công ty thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, Ngân hàng TMCP Bảo Việt với tổng giá trị giao dịch là: 274.659.283.003 đồng (trong đó có 43.281.193.00 đồng là số tiền cổ tức năm 2019 BVSC thanh toán cho Tập đoàn Bảo Việt theo như Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020).
- Đánh giá tình hình thực hiện các giao dịch:
  - Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Tập đoàn Bảo Việt, các công ty thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, Ngân hàng TMCP Bảo Việt đều có giá trị nhỏ hơn 35% Tổng tài sản của Công ty ghi trong BCTC gần nhất; nên theo Điều 52.2 của Điều lệ Công ty hiện hành các giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty. Các hợp đồng, giao dịch này được HĐQT chấp thuận đảm bảo theo đúng quy định Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan quy định tại Điều 52.2 của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.
  - Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng này đều được Công ty thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT tại của các Nghị quyết HĐQT; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - Công ty cũng đã thực hiện công bố thông tin công khai về các giao dịch này tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 được phát hành ngày 29/01/2021 và hiện đang lưu trữ tại trang tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: https://bvsc.com.vn/News/2021129/858459/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2020.aspx; đồng thời nêu tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

05. Ban kiểm soát (Tiếp theo)

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong quá trình thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình, BKS luôn phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông với mục tiêu vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Cụ thể công tác phối hợp giữa HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông đạt được như sau:

- HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc hoạt động độc lập, song luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động, đảm bảo thực thi quyền và nghĩa vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, mẫn cán, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, cũng như tuân thủ các quy định tại Điều lệ, các văn bản nội bộ khác của Công ty đã ban hành và các quy định của Pháp luật.
- Trong quá trình thực thi các quyền hạn của mình, BKS đảm bảo không cản trở các hoạt động quản lý của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Đối với cổ đông: Năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.

Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ của BVSC, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đối với công tác quản trị, điều hành Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- BKS đã hoạt động đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các văn bản của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của LDN, Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC KIỂM SOÁT VIÊN

Các Kiểm soát viên đã tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, các phiên họp BKS; đã hoạt động tích cực trong công tác giám sát hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề: kiện toàn mô hình tổ chức của Công ty; góp ý kiến xây dựng Chiến lược hoạt động kinh doanh của BVSC giai đoạn 2021 -2025 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua; giám sát quá trình kiểm toán các BCTC năm 2020 của BVSC....; phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban chức năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Trong các phiên họp và các hoạt động của BKS, các Kiểm soát viên đã làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp các ý kiến, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản nội bộ của Công ty, để BKS đưa ra các quyết định kịp thời, hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Kiểm soát viên luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Thù lao và chi phí hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên năm 2020

- Năm 2020, các Kiểm soát viên đã nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tuân thủ theo đúng như quy định tại Điểm e, Khoản 1 Điều 8 và Điều 9 của Nghị quyết số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua vào ngày 22/06/2020.
- Chi phí hoạt động của BKS năm 2020: Tuân thủ Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty; Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

Chi tiết việc chi trả thù lao & các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên vui lòng xem thêm tại Chương II – từ trang 66 đến trang 69 của Báo cáo này.

Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2021 – 2022

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2021 – 2022 như sau:

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định liên quan đến hoạt động của BKS.
- Thực hiện tốt chức năng giám sát công tác quản trị, điều hành, việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thông qua công tác kiểm soát định kỳ, tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập và kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; Giám sát việc Công ty thực hiện Thư quản lý năm 2020 của Kiểm toán độc lập.
- Tham gia góp ý kiến sửa đổi đối với Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 11, Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần thứ 1, Quy chế hoạt động của HĐQT; soạn thảo Quy chế hoạt động của BKS để ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.
- Nghiên cứu, cập nhật các cơ chế chính sách mới ban hành; giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp tại Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của Pháp luật.

06. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm Soát, và Ban Tổng Giám Đốc

Lương, Thưởng, Thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và Thư ký Công ty năm 2020

NGUYÊN TẮC CHI TRẢ LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO

Đối với HĐQT, Ban Kiểm Soát, Thư ký Công ty và Người phụ trách QTCT:

- Chế độ lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số: 02/20219/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019.
- Việc chi trả thù lao, các chi phí hoạt động và chế độ thưởng đối với các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty, người phụ trách QTCT được thực hiện theo Nghị quyết số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua vào ngày 22/06/2020 và Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/5/2019.

Đối với Ban Tổng Giám đốc & các cán bộ quản lý khác:

Việc chi trả lương thưởng được thực hiện theo quy chế tiền lương hiện hành của Công ty và dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm cũng như đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ trong năm.

Mức lương, thưởng, thù lao đã thực hiện trong năm 2020

ĐỐI VỚI THU NHẬP CỦA HĐQT, BKS, THƯ KÝ CÔNG TY & NGƯỜI PHỤ TRÁCH QTCT

Thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Điều 9 của Nghị quyết số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ, mức chi cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao
1	Thành viên HĐQT	5.000.000đ/người/tháng
2	Trưởng Ban kiểm soát	5.000.000đ/người/tháng
3	Thành viên Ban kiểm soát	4.000.000đ/người/tháng
4	Thư ký Công ty/ Người phụ trách quản trị Công ty	4.000.000đ/người/tháng

- Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách không thực hiện chi trả thù lao mà thực hiện chế độ lương từ Quỹ tiền lương theo phê duyệt tại Nghị quyết số 02/2019/NQ - HĐQT của Hội đồng quản trị ban hành ngày 13/02/2019.
- Tổng thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty: 4.467.457.499 đồng, trong đó bao gồm tiền thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo phê duyệt tại Nghị quyết số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên 2020, các khoản thù lao và các khoản chi có tính chất tiền lương & phúc lợi khác bằng tiền phát sinh trong năm 2020.

ĐỐI VỚI THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2020: 5.987.760.157 đồng.
- Tổng thu nhập của các cán bộ quản lý khác (không bao gồm Ban Tổng Giám đốc) trong năm 2020: 45.485.221.787 đồng.

Ghi chú: Tổng thu nhập bao gồm lương chi trả hàng tháng, lương & thưởng bổ sung dựa trên kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả làm việc của các năm 2019 & 2020 và một số khoản phúc lợi từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty phát sinh trong năm 2020.

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BKS, THƯ KÝ CÔNG TY, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Chế độ bảo hiểm

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Kiểm soát viên: Hiện nay, các thành viên này đều là lãnh đạo, chuyên viên làm việc chuyên trách tại các doanh nghiệp khác nên hưởng các chế độ bảo hiểm tại các doanh nghiệp này.
- Chủ tịch HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty, Người phụ trách QTCT và các cán bộ quản lý khác: được tham gia các chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty bao gồm:

Danh mục	Chủ tịch HĐQT/Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý khác
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty.	Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty.
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (HeathCare)	Áp dụng theo chương trình bảo hiểm có mức bồi thường tối đa là 5.2 tỷ đồng/người, được bảo lãnh toàn bộ chi phí khám chữa bệnh phát sinh trên phạm vi toàn cầu.	Áp dụng chương trình bảo hiểm có mức bồi thường tối đa là 1.05 tỷ đồng/ người, được bảo lãnh chi phí khám chữa bệnh trên phạm vi khu vực châu Á - Thái Bình Dương
Bảo hiểm Nhân thọ	Được mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với mức phí 48 triệu đồng/người/ năm.	Được mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với mức phí 24 triệu đồng/ người/ năm.
Bảo hiểm các bệnh ung thư (K - care)	Áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1.17 tỷ đồng/ người.	Áp dụng theo chương trình có mức bảo hiểm tối đa là 585 triệu đồng/ người.

06. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm Soát, và Ban Tổng Giám Đốc (Tiếp theo)

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BKS, THƯ KÝ CÔNG TY, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC (TIẾP THEO)

Chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm

- Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty: được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được chi trả theo phát sinh thực tế tại bệnh viên, cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam.
- Thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty và các cán bộ quản lý khác: được khám sức khỏe định kỳ theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm dành cho người lao động của Công ty.

Chế độ sử dụng điện thoại

- Trang bị máy điện thoại: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty được trang bị điện thoại di động theo mức từ 15.000.000 đồng/ người đến 30.000.000 đồng/ người trong khoảng thời gian 2 năm/lần.
- Thanh toán cước phí điện thoại: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc được thanh toán cước phí điện thoại hàng tháng theo mức thực tế phát sinh. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Phó Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty được thanh toán cước phí điện thoại theo hóa đơn thực tế hàng tháng và trong phạm vi hạn mức từ 800.000 đồng/ tháng đến 1.500.000 đồng/tháng.
- Trong trường hợp đi công tác nước ngoài, cước phí điện thoại sẽ được thanh toán theo phát sinh thực tế được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Chế độ sử dụng ô tô

- Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty và các cán bộ quản lý khác được sử dụng xe ô tô của Công ty để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.
- Trường hợp Công ty không thể bố trí được xe ô tô, Công ty trang bị thẻ taxi và/ hoặc taxi công nghệ để phục vụ đi lại, công tác, giao dịch và thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh.

Chế độ công tác phí

- Trong trường hợp đi công tác nước ngoài, cước phí điện thoại sẽ được thanh toán theo phát sinh thực tế được Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Công tác phí trong nước: Công ty xây dựng chế độ công tác phí bao gồm chi phí vé máy bay, khách sạn, phụ cấp lưu trú theo từng cấp bậc và thanh toán dựa trên hóa đơn chứng từ.
- Công tác phí nước ngoài: Được thực hiện tham chiếu theo quy đinh của Bộ Tài chính.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Căn cứ quy định về Báo cáo tình hình quản trị công ty tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty đã thực hiện công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết trên trang tin điện tử Công ty ngày 29/01/2021. Đồng thời, Công ty gửi báo cáo tới UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh để đăng tải lên trang tin điện tử của các cơ quan này. Trong Báo cáo bao gồm cả Danh sách người có liên quan của BVSC và giao dịch giữa BVSC với cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; danh sách được cập nhật và bổ sung đầy đủ cho tới thời điểm 31/12/2020. Hiện các báo cáo và danh sách này đang được lưu trữ trên Trang tin điện tử Công ty tại đường link:

https://bvsc.com.vn/News/2021129/858459/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2020.aspx

07. Kiểm toán nội bộ

Mô Hình Ba Tuyến

BVSC áp dụng Mô hình Ba tuyến trong quản trị và quản lý rủi ro, trong đó, vai trò của HĐQT cùng với những vai trò của tuyến thứ nhất, tuyến thứ hai, tuyến thứ ba cùng nhau đóng góp cho việc tạo ra và bảo vệ các giá trị. BVSC hướng tới việc quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý, không chỉ đơn thuần là giảm thiểu rủi ro, phòng vệ lại các rủi ro. Tất cả các phòng ban làm việc cùng nhau, phối hợp công việc để đảm bảo tính tin cậy, chặt chẽ và minh bạch của thông tin cần thiết cho quá trình đưa ra quyết định trên cơ sở rủi ro.

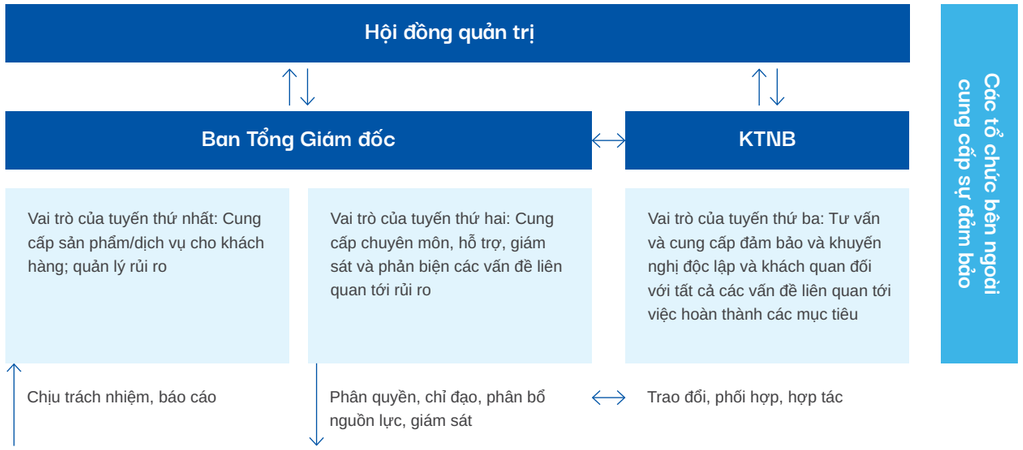

TUYẾN THỨ NHẤT

có các vai trò gắn trực tiếp với việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng: các Phòng ban chức năng/bộ phận kinh doanh trực tiếp, và bao gồm cả các vai trò có chức năng hỗ trợ như nhân sự, hành chính, công nghệ thông tin... Nhiệm vụ chính của tuyến thứ nhất là cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, tác nghiệp; đồng thời, xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành. Nhiệm vụ trên được thực hiện thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của các biện pháp quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ tại các Phòng ban, bộ phận.

TUYẾN THỨ HAI

Tuyến thứ hai có các vai trò đặt trọng tâm vào những khía cạnh cụ thể của quản lý rủi ro: đảm bảo tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, kiểm soát nội bộ, an toàn công nghệ và thông tin, tính bền vững và đảm bảo chất lượng. Nhiệm vụ của tuyến này là kiểm soát tuân thủ; hỗ trợ, giám sát và cung cấp tư vấn, phản biện cho Tuyến thứ nhất.

TUYẾN THỨ BA

là bộ phận Kiểm toán nội bộ. Bộ phận có nhiệm vụ cung cấp các tư vấn và đảm bảo độc lập và khách quan về sự đầy đủ và hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Kiểm toán nội bộ báo cáo tất cả các vấn đề liên quan tới việc hoàn thành các mục tiêu cho Ban Tổng Giám đốc, Uỷ ban kiểm toán và HĐQT để thúc đẩy việc cải thiện liên tục, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Chức năng, nhiệm vụ

Bộ phận KTNB thuộc tuyến thứ ba trong hệ thống quản trị rủi ro. Bộ phận Kiểm toán nội bộ cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo sự phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, các chính sách và quy trình nội bộ tại BVSC.

Quy trình kiểm toán nội bộ

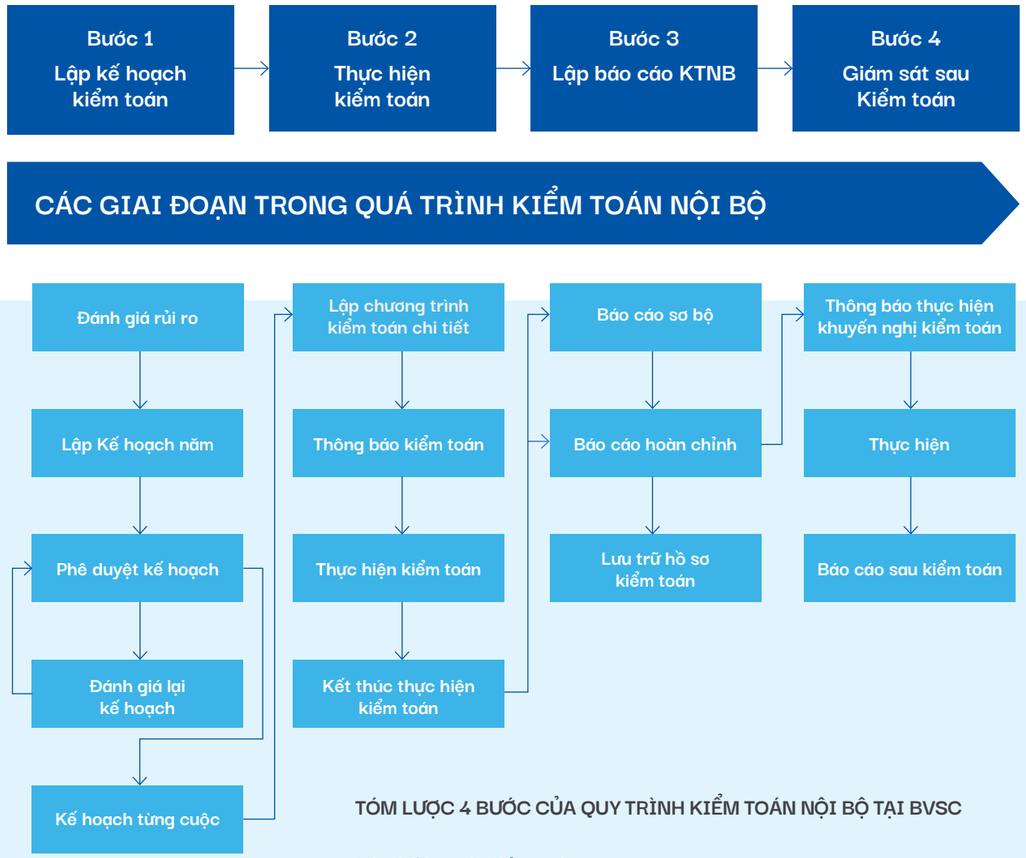

TÓM LƯỢC 4 BƯỚC CỦA QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI BVSC

Lập kế hoạch kiểm toán

Trước 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB lập và gửi kế hoạch kiểm toán năm tới Ủy ban Kiểm toán xét duyệt trước khi trình HĐQT phê duyệt ban hành. Kế hoạch kiểm toán gồm các nội dung: Khái quát về tình hình TTCK năm trước, mục tiêu định hướng trong năm của bộ phận, đánh giá rủi ro, kế hoạch kiểm toán, thời gian kiểm toán, các công việc khác dự kiến trong năm, kiến nghị và đề xuất khác (nếu có).

07. Kiểm toán nội bộ (Tiếp theo)

TÓM LƯỢC 4 BƯỚC CỦA QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI BVSC (TIẾP THEO)

Thực hiện kiểm toán

Bộ phận KTNB lập chương trình kế hoạch chi tiết cuộc kiểm toán và thông báo tới đối tượng được kiểm toán về thời gian thực hiện, căn cứ thực hiện, phạm vi thực hiện, phương pháp thực hiện, nhân sự tham gia, các yêu cầu cung cấp hồ sơ... Trên cơ sở đó, bộ phận KTNB triển khai thực hiện kiểm toán bao gồm các công việc: chọn mẫu kiểm toán; soát xét chứng từ trong quá trình thực hiện kiểm toán, từ đó, xác định các phát hiện trong quá trình kiểm toán; kết thúc cuộc kiểm toán (thỏa luận và thống nhất các nội dung phát hiện với đơn vị được kiểm toán, hoàn tất các hồ sơ, tài liệu của cuộc kiểm toán).

Lập báo cáo kiểm toán nội bộ

Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo kiểm toán từng cuộc kiểm toán: Báo cáo phải trình bày đầy đủ nội dung và kết quả kiểm toán theo mục tiêu, yêu cầu đã đề ra cho từng cuộc kiểm toán; đề xuất các khuyến nghị, các biện pháp xử lý các sai sót, các giải pháp cần thiết để hoàn thiện hệ thống KSNB, cải tiến quy trình nghiệp vụ... từ đó nâng cao tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo KTNB hàng năm: Trước ngày 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB trình báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm trước lên HĐQT và gửi đồng thời đến Uỷ ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc.

Bộ phận KTNB thực hiện báo cáo khác theo yêu cầu từ Uỷ ban kiểm toán và HĐQT phát sinh trong năm.

Giám sát sau kiểm toán

Đây là bước cuối cùng của quy trình KTNB tại BVSC nhằm đảm bảo đối tượng được kiểm toán thực hiện các hành động khắc phục hoặc cải thiện theo những khuyến nghị tại báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp đối tượng kiểm toán không đưa ra các biện pháp chỉnh sửa, hoàn thiện, bộ phận KTNB yêu cầu làm rõ và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Hoạt động của Kiểm toán nội bộ năm 2020

Trong năm 2020, bộ phận KTNB tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB Công ty thực hiện các kỳ kiểm toán định kỳ đối với một số hoạt động, nghiệp vụ trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự phối hợp giữa 02 bộ phận giúp tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tránh trùng lặp về nội dung và phạm vi công việc giữa các cuộc KTNB và KSNB, tiết kiệm thời gian làm việc của các phòng nghiệp vụ trong Công ty; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng giữa 02 bộ phận.

Dưới sự chỉ đạo của Uỷ ban kiểm toán và HĐQT, trong năm 2020, bộ phận KTNB đã hoàn thành các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

STT	Đối tượng kiểm toán	Nội dung
1	• Phòng Tài chính kế toán. • Phòng Tổng hợp.	Kiểm toán tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ và quy trình mua sắm, quản lý tài sản.
2	• Các Phòng ban chức năng được kiểm toán trong 02 năm 2018 – 2019.	Kiểm toán tình hình thực hiện khuyến nghị của các Phòng ban chức năng được kiểm toán.
3	• Phòng Công nghệ thông tin.	Kiểm toán tuân thủ quy trình vận hành hệ thống CNTT, cấp quyền truy cập, cập nhật phần mềm giao dịch chứng khoán; và các quy định của Sở giao dịch chứng khoán về hạ tầng công nghệ thông tin.
4	• Phòng Lưu ký. • Phòng Tài chính kế toán.	Kiểm toán tuân thủ công tác tiếp nhận, xử lý nghiệp vụ và hạch toán các giao dịch tiền và ký gửi/chuyển khoản chứng khoán của khách hàng.
5	• Các Phòng Giao dịch và Phòng Khách hàng Tổ chức	Kiểm toán tuân thủ giao dịch liên quan hoạt động ủy quyền giao dịch chứng khoán.
6	• Phòng Tư vấn.	Kiểm toán thực trạng lưu trữ hợp đồng tư vấn.
7	• Phòng Tổng Hợp. • Phòng Quản lý giao dịch. • Phòng Tài chính kế toán.	Kiểm toán tuân thủ công tác khai báo, tính toán và chi trả thu nhập cho đối tác giới thiệu khách hàng tại Trụ sở Công ty.
8	• Các Phòng Giao dịch. • Phòng Quản lý giao dịch. • Phòng Tài chính kế toán.	Kiểm toán tuân thủ quy trình giao dịch trái phiếu Ibond tại Trụ sở Công ty.
9	• Phòng Đầu Tư.	Kiểm toán tuân thủ hoạt động đầu tư tự doanh.
10	• Các Phòng Giao dịch và Phòng Khách hàng Tổ chức tại Chi nhánh.	Kiểm toán tuân thủ công tác giải quyết hồ sơ giao dịch và xử lý lệnh giao dịch của đối tượng khách hàng nước ngoài tại Chi nhánh.
11	Các báo cáo khác: • Các Báo cáo tra soát nhanh phát sinh theo yêu cầu của HĐQT và đề nghị của Ban Tổng Giám đốc để đem lại các thông tin nhanh chóng và hiệu quả phục vụ công tác quản trị. • Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm 2019 và kế hoạch KTNB cho năm 2020. • Báo cáo phòng chống rửa tiền năm 2020. • Xây dựng Quy chế KTNB để cập nhật những thông lệ quốc tế mới cũng như những thay đổi trong quy định của pháp luật về kiểm toán nội bộ.	

Kết quả năm 2020 không ghi nhận sự kiện rủi ro hoặc vi phạm tuân thủ nào mang tính trọng yếu đối với các hoạt động được kiểm toán. Công tác tuân thủ theo quy trình và chính sách pháp luật được cán bộ nhân viên Công ty thực hiện tốt. Các sai sót trong quá trình tác nghiệp đều được các phòng nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của bộ phận KTNB, giúp cải thiện và nâng cao hơn chất lượng công việc sau các kỳ tra soát.

Kế hoạch kiểm toán năm 2021

Ghi nhận từ kết quả các cuộc kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong năm 2020; tham khảo báo cáo rủi ro hàng tháng cùng báo cáo quý từ các cuộc họp của Hội đồng quản lý rủi ro BVSC, bộ phận KTNB nhận thấy các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của BVSC được đánh giá ở mức độ thấp và trung bình. Từ đánh giá này, bộ phận KTNB xây dựng kế hoạch KNTB năm 2021 là tiếp tục triển khai các hoạt động kiểm toán định kỳ, phối hợp với bộ phận KSNB để xây dựng kế hoạch kiểm toán cho các năm tiếp theo, hoàn thành các công việc HĐQT đã giao theo đúng kế hoạch.

08. Quản trị rủi ro

CÁC RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

Với các vai trò nằm trong tuyến thứ hai của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, bộ phận QTRR là nơi quản lý những rủi ro tổng thể, rủi ro tích tụ; đồng thời cũng là nơi hệ thống lại những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty, để nhận diện rủi ro nhằm đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp. Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm tổng hợp các báo cáo, thông tin về rủi ro từ các phòng chức năng và bộ phận KSNB nhằm nhận diện, đánh giá, tổng hợp ý kiến và đưa ra đề xuất về những giải pháp cho các vấn đề liên quan để Ban Tổng Giám đốc quyết định, xử lý. Định kỳ, Công ty tiến hành nhóm họp nhằm đánh giá lại các vấn đề phát sinh trong kỳ, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QTRR; từ đó, đưa ra những giải pháp, cũng như kế hoạch hành động liên quan đến QTRR của toàn Công ty.

Để quản trị rủi ro tại BVSC, BVSC đã xây dựng chính sách rủi ro hàng năm phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. BVSC đã xác định khẩu vị rủi ro của Công ty đó là chấp nhận rủi ro ở mức thấp và trung bình. Mức trung bình mà BVSC chấp nhận là do hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động bởi tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán. Các loại rủi ro BVSC nhận diện và chủ động quản trị gồm 6 rủi ro chính là: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng. Do tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán nên phương pháp xác định rủi ro để quản trị rủi ro tại BVSC được thực hiện theo tiêu chí định lượng và định tính, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng khi xảy ra rủi ro.

Rủi ro thị trường 01

NHẬN DIỆN

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của BVSC theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư đó không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường.

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

- ***Phương pháp trao đổi, thảo luận, đánh giá và báo cáo đa chiều*** giữa các phòng nghiệp vụ có liên quan để đánh giá về biến động của nhân tố rủi ro chung (rủi ro hệ thống) của rủi ro thị trường như: lãi suất trên thị trường ngân hàng; chỉ số VN-Index; mức tăng trưởng GDP… Những rủi ro hệ thống cần được xác định trước khi tiến hành các bước tiếp theo để xác định rủi ro.
- ***Phương pháp theo dõi và phân tích thường xuyên*** áp dụng với những khoản đầu tư cụ thể (rủi ro phi hệ thống) như: Lãi suất tương ứng với các kỳ hạn tại từng ngân hàng; Biến động về giá cổ phiếu; Tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp. Một hoặc một số các mô hình phân tích: SWOT, công thức Dupont, mô hình PESTEL... có thể được sử dụng để xác định rủi ro cụ thể đối với tài sản BVSC có ý định đầu tư.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro liên quan đến biến động về giá cổ phiếu, lãi suất tiền gửi.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng danh mục đầu tư cổ phiếu. Bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt, Công ty còn chú trọng vào phân tích các yếu tố cơ bản và kỹ thuật khi lựa chọn cổ phiếu đầu tư.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phân tích kịch bản (scenario analysis) và tính toán VAR. Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường, theo những mức độ rủi ro thị trường khác nhau, những tác động tới danh mục đầu tư cổ phiếu cũng như kết quả kinh doanh của Công ty được đánh giá, lượng hóa một cách thường xuyên và chủ động.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức độ thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, để nhằm giảm tác động của biến động lãi suất lên danh mục tiền gửi, trong năm 2020, Công ty đã chủ động cơ cấu lại danh mục đầu tư tiền gửi. Kết quả là năm 2020, Công ty không gặp phải bất cứ sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch kinh doanh cũng như kết quả đầu tư.

08. Quản trị rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng 02

NHẬN DIỆN

Đây là rủi ro xảy ra khi đối tác của BVSC không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian cam kết.

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

Rủi ro tín dụng được nhận diện theo từng đối tác và từng danh mục công nợ, bao quát các nghiệp vụ được đánh giá có tiềm ẩn rủi ro thanh toán. Ví dụ, đối với rủi ro tín dụng trong nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, năng lực tài chính mức độ tín nhiệm của khách hàng được đánh giá thông qua các tiêu chí định lượng như giá trị tài sản ròng, thời gian và giá trị giao dịch trước đó, tỷ lệ ký quỹ thực tế của món vay… và các tiêu chí định tính bổ sung như đánh giá tiềm năng về mối quan hệ, khả năng tài chính của khách hàng… Rủi ro tín dụng trong nghiệp vụ đầu tư trái phiếu được đánh giá qua các chỉ tiêu tài chính của tổ chức phát hành như phân tích tình hình tài chính; dự báo dòng tiền của doanh nghiệp để đánh giá khả năng trả gốc và lãi khi đến hạn; tỷ lệ giá trị tài sản đảm bảo so với tổng giá trị trái phiếu phát hành…

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây thiệt hại/tổn thất trong các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ. Để phòng ngừa, BVSC đã nhận diện, đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro đối với các hoạt động mà rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới. Cụ thể:

Đối với hoạt động tiền gửi có kỳ hạn

BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi/ hạn mức rủi ro tín dụng mà HĐQT phê duyệt hàng năm. Bên cạnh đó, BVSC cũng lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Tập đoàn Bảo Việt.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu

Đối với cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do HĐQT quy định. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau quá trình thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp cần được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và BVSC đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro thanh toán của Tổ chức phát hành (trái chủ).

Đối với hoạt động giao dịch ký quỹ

Công ty tiếp tục duy trì các chính sách quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có dấu hiệu rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về Giao dịch ký quỹ; và danh sách các cổ phiếu không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ của các Sở Giao dịch chứng khoán. Định kỳ rà soát danh mục và hạn mức giao dịch ký quỹ cho từng cổ phiếu.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, tuân thủ công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay; và thực hiện công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho Công ty trong quá trình cho vay ký quỹ.

Rủi ro thanh khoản 03

NHẬN DIỆN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi BVSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn; hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng, đối tác.

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

Rủi ro thanh khoản được xác định thông qua đánh giá tình hình tài chính và triển vọng kinh doanh của BVSC. Ngoài ra, tính thanh khoản và biến động về giá, khối lượng giao dịch của chứng khoán so với thị trường được đo lường, theo dõi và giám sát trong thời gian ít nhất là 03 tháng gần nhất.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Với BVSC, đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ rất thấp do Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư. BVSC luôn thực hiện đầy đủ chính xác các nghĩa vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, các Sở Giao dịch và các khách hàng giao dịch chứng khoán. Nếu tiêu chí An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của Công ty chứng khoán thì tại BVSC trong năm 2020, tỷ lệ này tiếp tục đạt mức trung bình của cả năm trên 500%, vượt xa tỷ lệ quy định 180% của UBCK Nhà nước.

08. Quản trị rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro hoạt động 04

NHẬN DIỆN

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

- ***Phương pháp xác định rủi ro dựa vào mục tiêu:*** Phương pháp này xem xét những yếu tố khiến BVSC có khả năng không đạt được mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong hoạt động môi giới và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư: trình độ chuyên môn của cán bộ môi giới, cán bộ tư vấn; sản phẩm và chất lượng các gói dịch vụ chưa đủ tính cạnh tranh. Với mục tiêu đảm bảo việc vận hành ổn định của hệ thống công nghệ thông tin, các kịch bản sự cố liên quan tới lỗi hệ thống phần mềm, lỗi đường truyền, lỗi kỹ thuật khác trong hệ thống công nghệ thông tin được xây dựng để có biện pháp xử lý hiệu quả và kịp thời.

- ***Phương pháp xác định rủi ro dựa vào tình huống:*** Phương pháp này cần đặt ra giả thiết về tình huống có thể xảy ra trong thực tế, từ đó xem xét các phương tiện kỹ thuật, năng lực cán bộ trong các phòng để có thể xử lý hoặc giải quyết những tình huống này hay không.

- ***Phương pháp xác định rủi ro dựa vào kinh nghiệm và tiền lệ:*** Trong một số tình huống đã từng xảy ra trong quá khứ, phương pháp này dựa vào kinh nghiệm và tiền lệ đã xảy ra để nhận diện và đánh giá các rủi ro. Các biện pháp đã từng áp dụng trong quá khứ cần được phân tích kỹ lưỡng, nếu là giải pháp hợp lý có thể coi đó như là tiền lệ để áp dụng cho các rủi ro tương tự về sau.

- ***Phương pháp hỗn hợp để xác định rủi ro:*** Phương pháp này áp dụng kết hợp nhiều phương pháp ở trên nhằm nhận diện những rủi ro tiềm ẩn, khả năng xảy ra cũng như mức độ tác động. Biện pháp hỗn hợp được sử dụng thông qua việc rà soát định kỳ tiến hành hàng năm bởi KSNB và QTRR đối với tất cả các Phòng ban chức năng. Qua việc tiến hành rà soát về quy trình, quy chế, chức năng nhiệm vụ và tính tuân thủ, những rủi ro tiềm ẩn có thể được xác định và đánh giá. Đồng thời, kết hợp với việc đánh giá rủi ro qua mục tiêu, nhiệm vụ của các Phòng ban chức năng, các tình huống rủi ro có thể được nhận diện; từ đó, các phương án xử lý khi phát sinh biến cố không lường trước được đưa ra xem xét.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 04 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo Công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài… Là một công ty đại chúng, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong bốn công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức hậu kiểm báo cáo thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán (FLEX); phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

Rủi ro con người

Rủi ro này được BVSC kiểm soát tốt do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn - đào tạo - huấn luyện và kiểm soát đánh giá công việc chặt chẽ. Bên cạnh đó, từ năm 2008, Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Do đó, đối với cán bộ làm việc tại BVSC, ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp luôn được ưu tiên hàng đầu.

Rủi ro quy trình/thủ tục

Rủi ro quy trình/thủ tục là một trong những rủi ro mà Công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện được mức độ trọng yếu của rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp cụ thể, chi tiết, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành theo đúng theo quy trình đề ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận KTNB phối hợp với bộ phận KSNB của Công ty định kỳ tổ chức các đợt rà soát, kiểm tra tuân thủ nhằm đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình so với thực tiễn công việc, đồng thời phân tích khả năng xảy ra rủi ro để từ đó có thể hoàn thiện quy trình tốt hơn, phù hợp hơn với các quy định pháp luật, quy chế và chính sách của Công ty.

08. Quản trị rủi ro (Tiếp theo)

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Tại BVSC, rủi ro này được đánh giá ở mức độ trung bình thấp bởi rủi ro đã được quản trị qua những chính sách cụ thể như quy trình vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Thêm vào đó, BVSC còn xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống. Hệ thống máy chủ, cơ sở dữ liệu của BVSC tại Hà Nội được đặt tại trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt đạt chuẩn TIERII; tại Thành phố Hồ Chi Minh đặt tại Trung Tâm Dữ Liệu Hose đạt tiêu chuẩn Tier III. Ngoài ra, định kỳ Công ty tiếp tục thực hiện đánh giá các sự kiện đã xảy ra để phân tích, dự đoán các rủi ro tiềm ẩn, từ đó có phương án quản trị những rủi ro đó.

Ở cấp độ là người sử dụng các phần mềm nghiệp vụ, Công ty ban hành chính sách phân quyền chặt chẽ và phù hợp theo nhiệm vụ của từng phòng, cá nhân sử dụng với mục tiêu giảm thiểu các rủi ro. Công ty thực hiện kiểm tra, rà soát định kỳ hàng năm quy trình vận hành hệ thống công nghệ thông tin nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành hệ thống.

Rủi ro pháp lý 05

NHẬN DIỆN

Rủi ro pháp lý được nhận diện là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

Rủi ro pháp lý được xác định thông qua công tác phối hợp giữa bộ phận QTRR, Pháp chế, Kiểm soát nội bộ và các phòng ban khác trong việc rà soát hệ thống quy trình, quy chế, các loại văn bản sử dụng để đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh của BVSC được phân tích và đúc kết kinh nghiệm.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. Công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong Công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong Công ty, từ đó, mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về trách nhiệm tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

Rủi ro danh tiếng 06

NHẬN DIỆN

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu.

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

Rủi ro danh tiếng có thể xảy ra từ sự kiện rủi ro của các rủi ro khác, đặc biệt là rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý như việc cán bộ làm sai quy trình, vi phạm đạo đức nghề nghiệp dẫn đến việc khách hàng kiện tụng, cán bộ vi phạm pháp luật; việc không bảo mật thông tin nội bộ, từ việc phát ngôn mất kiểm soát gây ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp, việc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin (chậm, không đầy đủ, kịp thời…).

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại BVSC. Mặc dù vậy, Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Các phản hồi từ khách hàng, cổ đông và đối tác luôn là nguồn thông tin quý báu để BVSC tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, thắt chặt hơn mối quan hệ với cổ đông, đối tác để giữ vững vị trí là một Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, năng động và chuyên nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng luôn chú trọng xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty

08. Quản trị rủi ro (Tiếp theo)

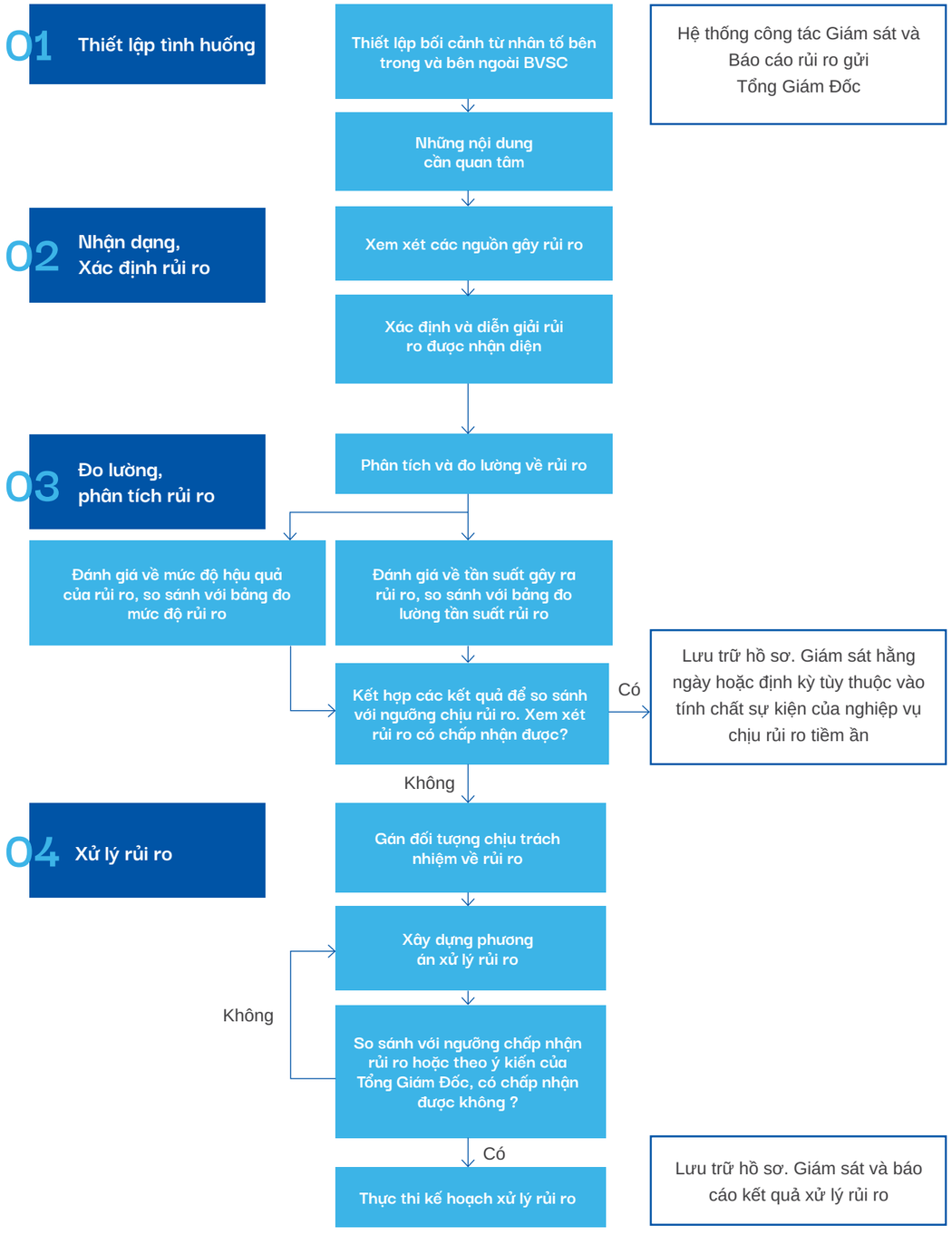

TÓM LƯỢC 4 BƯỚC CỦA QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO:

- ***Thiết lập tình huống:*** Được xây dựng nhằm xác định các thông số cơ bản cho việc quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi cũng như tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được thiết lập thông qua các nguồn dữ liệu khác nhau, ví dụ như: khi có thay đổi chiến lược kinh doanh, thay đổi chính sách của cơ quan quản lý, khi xây dựng nghiệp vụ/sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý nhà nước…

- ***Xác định rủi ro:*** Là hoạt động nhận diện và ghi lại rủi ro, trong đó phải nêu được tối thiểu 3 nội dung chính: Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro; Đối tượng bị tác động bởi rủi ro và Chủ sở hữu rủi ro.

- ***Đo lường rủi ro:*** Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính hoặc định lượng, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng của rủi ro. Tần suất và mức độ ảnh hưởng của rủi ro là cơ sở để xác định cấp độ của rủi ro. Hạn mức rủi ro được HĐQT phê duyệt hàng năm là một tiêu chí để kết hợp đánh giá về cấp độ rủi ro của sự kiện. Tại BVSC áp dụng 3 cấp độ rủi ro: Rủi ro cao; Rủi ro ở ngưỡng cảnh báo; Rủi ro chấp nhận được.

- ***Xử lý rủi ro:*** Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo các phương án chính gồm: Chấp nhận rủi ro; Tránh rủi ro; Giảm thiểu rủi ro hoặc Chia sẻ rủi ro. Việc áp dụng biện pháp nào phụ thuộc và mức độ của sự kiện rủi ro đã được đo lường ở bước trên cũng như cân nhắc giữa chi phí và hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro đó.

Công tác giám sát hạn mức rủi ro và báo cáo rủi ro được thực hiện hàng ngày hoặc định kỳ tháng, quý tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại sự kiện rủi ro. Mục tiêu của giám sát và báo cáo nhằm đảm bảo trạng thái của rủi ro luôn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Nếu như có sự kiện rơi vào ngưỡng cảnh báo, bộ phận QTRR sẽ phối hợp với phòng nghiệp vụ hoặc chủ sở hữu rủi ro đưa ra kế hoạch hành động để đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

08. Quản trị rủi ro (Tiếp theo)

Hoạt động QTRR trong năm 2020

Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR đã được chuẩn hóa và cập nhật lại hàng năm, công tác QTRR tại BVSC trong năm 2020 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các phòng ban chức năng của Công ty. Kết quả nhận diện, đánh giá đo lường, biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro được thông báo đến các trưởng bộ phận có liên quan để xử lý kịp thời, nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Các hoạt động được triển khai bao gồm:

THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP QTRR ĐỂ ĐẢM BẢO TÍNH LIÊN TỤC CỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG BỐI CẢNH COVID-19

Để tránh dịch Covid-19 ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, ngay sau khi có dấu hiệu dịch bệnh, Công ty đã chủ động đánh giá tình hình, phân tích nguy cơ và xây dựng các kịch bản đối phó, từ đó sớm triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh trong bối cảnh Covid – 19:

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19 do Tổng Giám đốc làm trưởng ban và ban hành quy định nội bộ về phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại Công ty.
- Thực hiện diễn tập các tình huống phòng ngừa rủi ro gián đoạn hoạt động kinh doanh; Chuẩn bị các kịch bản ứng phó với các tình huống khẩn cấp khi có nhân viên bị nhiễm bệnh hoặc bị cách ly, trụ sở chính/các Phòng giao dịch bị phong tỏa để đảm bảo hoạt động kinh doanh vẫn diễn ra bình thường, không bị gián đoạn.
- Trong giai đoạn giãn cách xã hội, Công ty đã nhanh chóng tổ chức chế độ luân phiên làm việc tại nhà/tại các địa điểm khác nhau trong hệ thống công ty để phòng ngừa rủi ro lây nhiễm; cũng như để đảm bảo tính liên tục trong trường hợp một địa điểm bị cách ly. Tất cả các cuộc họp được chuyển sang hình thức họp trực tuyến.
- Tăng cường truyền thông liên tục tới người lao động & các khách hàng về việc tuân thủ các chỉ thị & hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa như yêu cầu khai báo y tế đối với toàn bộ nhân viên, đeo khẩu trang, hạn chế tập trung đông người, tăng cường công tác vệ sinh văn phòng...

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG NĂM 2020

Định kỳ các quý trong năm 2020, Công ty tổ chức họp Hội đồng quản lý rủi ro của BVSC gồm có Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Chi nhánh, các Lãnh đạo Phòng, BP QTRR và có sự tham gia tư vấn, phản biện đến từ Ủy ban QTRR & ALCO của BVSC. Các cuộc họp nhằm mục đích rà soát, đánh giá hiệu quả toàn bộ hoạt động quản lý rủi ro đang được tiến hành tại Công ty, đưa ra các khuôn khổ, hành động, biện pháp cần được thực hiện để đảm bảo quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý. Nội dung các kỳ họp Hội đồng quản lý rủi ro trong năm 2020 cụ thể như sau:

Kỳ họp lần 1 ngày 27/02/2020:

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 4 năm 2019.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý IV/2019 và nhận diện xu hướng rủi ro quý I/2020.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý I và quý II/2020.
- Xây dựng kế hoạch họp Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro năm 2020.

Kỳ họp lần 2 ngày 28/05/2020:

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 1 năm 2020.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý I/2020 và nhận diện xu hướng rủi ro quý II và quý III/2020.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý II và quý III/2020.
- Lập kế hoạch thực hiện Nhận diện và đăng ký rủi ro tại tất cả các phòng nghiệp vụ trong Công ty trong quý III/2020.

Kỳ họp lần 3 ngày 27/08/2020:

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 2 năm 2020.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý II/2020 và nhận diện xu hướng rủi ro quý III và quý IV/2020.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý III và quý IV/2020.
- Báo cáo kết quả Nhận diện và đăng ký rủi ro năm 2020 tại tất cả các phòng nghiệp vụ của Công ty.

Kỳ họp lần 4 ngày 10/12/2020:

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 3 năm 2020.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý III/2020 và nhận diện xu hướng rủi ro quý IV/2020 và quý I/2021.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý IV/2020 và quý I/2021.
- Lập kế hoạch rà soát, cập nhật Chính sách rủi ro 2021 và Hạn mức rủi ro 2021 để trình HĐQT phê duyệt và báo cáo về QTRR cho cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

08. Quản trị rủi ro (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

THỰC HIỆN CÁC BÁO CÁO QTRR

Hoạt động	Mô tả
Báo cáo Tháng	• Báo cáo rủi ro hàng tháng được gửi tới Ban Tổng Giám đốc để báo cáo về 6 loại rủi ro được nhận diện, đo lường, đánh giá trong tháng. Đồng thời báo cáo còn cập nhật tiến độ thực hiện biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp quý trước đó, đảm bảo các rủi ro đã được xử lý phù hợp và kịp thời. • Báo cáo chuyên biệt hàng tháng về rủi ro tích tụ trong dịch vụ ký quỹ. Báo cáo đưa ra các thông tin hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc đánh giá về tính chất tập trung trên phương diện dư nợ và room ký quỹ đang sử dụng cũng như tạo tiền đề cho việc đánh giá và điều chỉnh danh mục cho vay ký quỹ tháng tiếp theo.
Báo cáo Quý	Báo cáo hàng quý phản ánh toàn diện về các rủi ro trọng yếu diễn ra trong Quý. Báo cáo Quý được trình bày trước Hội Đồng QLRR của BVSC để trao đổi, phân tích và đưa ra các biện pháp quản trị kịp thời và hiệu quả.
Báo cáo Bán niên	Báo cáo QTRR 6 tháng đầu và 6 tháng cuối năm 2020 được gửi tới UBCKNN. Báo cáo đã chi tiết về các rủi ro tác động đến hoạt động của BVSC, về việc tuân thủ hạn mức rủi ro, thống kê số lượng nhân sự, đánh giá tình hình biến động tăng trưởng kinh doanh của BVSC...
Báo cáo năm	Báo cáo thực hiện chính sách rủi ro năm 2019 và ban hành chính sách rủi ro năm 2020 được gửi tới UBCK. Báo cáo đã tóm lược công tác QTRR mà BVSC đã thực hiện trong năm 2019 và định hướng triển khai QTRR sẽ thực hiện tại BVSC trong năm 2020.

XÂY DỰNG VĂN HÓA QTRR

Hoạt động	Mô tả
Đào tạo văn hóa tuân thủ và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC	Để phát huy văn hóa tuân thủ trong Công ty cũng như ý thức, trách nghiệm nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự kế cận, Công ty đã xây dựng chuyên đề về văn hóa tuân thủ, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC và thực hiện đào tạo cho toàn bộ học viên Future Broker.

NHẬN DIỆN, ĐÁNH GIÁ VÀ RÀ SOÁT RỦI RO

Hoạt động	Mô tả
Đăng ký rủi ro và cập nhật hồ sơ rủi ro	Các phòng nghiệp vụ phối hợp với bộ phận QTRR thực hiện rà soát, đánh giá mức độ rủi ro và cập nhật sự kiện rủi ro định kỳ; từ đó, cập nhật hồ sơ rủi ro và đưa ra các biện pháp quản trị cũng như phương án xử lý rủi ro. Hoạt động được thực hiện định kỳ hàng năm giúp BVSC giảm thiểu đáng kể các rủi ro mang tính hệ thống.

RÀ SOÁT, CẬP NHẬT VĂN BẢN CHÍNH SÁCH RỦI RO

Hoạt động	Mô tả
Cập nhật hạn mức rủi ro năm 2021	• Hạn mức rủi ro năm 2021 được cập nhật phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam, những thực tế phát sinh của năm 2020 và những thay đổi trong định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021. • Hạn mức rủi ro năm 2021 đã bổ sung hạn mức cho một số rủi ro hoạt động chính của Công ty.

BVSC KHÔNG XẢY RA SỰ KIỆN RỦI RO TRONG NĂM 2020

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành công ty; TTCK trải qua những đợt sụt giảm mạnh đầu năm trước khi tăng trưởng và bùng nổ về giá trị giao dịch vào cuối năm, thông qua các hoạt động quản trị rủi ro một cách hiệu quả cho thấy khả năng thích ứng nhanh của BVSC trước các thay đổi từ bên ngoài, kết quả như sau:

- BVSC không để xảy ra sự cố gây gián đoạn hoạt động kinh doanh: đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục ngay cả trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội theo quy định của Chính phủ. Các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 như đeo khẩu trang, khử trùng tay, kiểm tra nhiệt độ và thực hiện khai báo y tế đã được thực hiện nghiêm túc trong phạm vi toàn công ty trong cả năm giúp đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và khách hàng của Công ty. Qua đó giúp BVSC nhanh chóng thích nghi với trạng thái "bình thường mới".
- Trong các đợt sụt giảm mạnh của thị trường cuối Quý I năm 2020, công tác xử lý tài sản đảm bảo được thực hiện kịp thời; không phát sinh trường hợp sau khi xử lý bán hết tài sản đảm bảo khách hàng vẫn còn nợ Công ty. Khi thị trường hồi phục, đi kèm với việc gia tăng nguồn cho vay dịch vụ giao dịch ký quỹ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, rủi ro thanh khoản của Công ty được theo dõi và quản lý chặt chẽ, đảm bảo không để xảy ra sự kiện rủi ro về thanh khoản.
- Các hạn mức rủi ro luôn được đảm bảo tuân thủ; văn hóa quản trị rủi ro tiếp tục được duy trì và phát huy là yếu tố quan trọng, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

08. Quản trị rủi ro (Tiếp theo)

Một số định hướng quản trị rủi ro năm 2021

Năm 2021 dự báo dịch bệnh Covid-19 có thể vẫn diễn biến phức tạp do quan ngại chủng biến thể mới của Covid-19; đồng thời cũng là năm Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán có hiệu lực. Những yếu tố này sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVSC, do đó đòi hỏi hoạt động quản trị rủi ro cần tiếp tục được chú trọng thực hiện nghiêm túc trên cơ sở một số định hướng như sau:

- Thực hiện rà soát sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo phù hợp với các quy định mới pháp luật về chứng khoán liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Triển khai khóa đào tạo cho các phòng ban chịu tác động bởi các quy định mới pháp luật hay do các quy trình nghiệp vụ thay đổi; qua đó góp phần củng cố văn hóa quản trị rủi ro, nâng cao nhận thức về rủi ro pháp lý.
- Theo dõi và quản lý thường xuyên và liên tục các loại rủi ro để đưa ra nhận định, đánh giá về xu hướng rủi ro và kịp thời có những biện pháp xử lý rủi ro cũng như những điều chỉnh trong hoạt động kinh doanh, trong đó chú trọng tới các rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và đặc biệt là rủi ro hoạt động nhằm phòng ngừa tình huống dịch bệnh bùng phát trở lại.
- Xây dựng kịch bản và tổ chức diễn tập các tình huống khẩn cấp để đảm bảo các Phòng có liên quan xử lý kịp thời và hiệu quả các tình huống bất ngờ phát sinh trong hoạt động kinh doanh.
- Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2021. Thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị của Ủy ban QLRR & ALCO và Hội đồng quản trị.
- Đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro khi Công ty triển khai sản phẩm, dịch vụ mới.

09. Thực hiện các quy định về quản trị công ty

Là một công ty niêm yết trên TTCK, chúng tôi ý thức rằng xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả là xây dựng khuôn khổ quản trị tốt dựa trên bốn trụ cột là công bằng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và minh bạch; nhằm bảo đảm sự bền vững của Công ty vì lợi ích tốt nhất của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty trong năm 2020 của BVSC diễn ra như sau:

- Tuân thủ tốt quy định tại nghị định số 71/2017/NĐ-CP trong quá trình Tổ chức ĐHĐCĐ 2020, việc bầu mới HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025; các thành viên được bầu đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn áp dụng đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên của công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo hoạt động của BKS tại Đại hội đã được BVSC trình bày theo đúng các nội dung quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP;
- Trong năm 2020, Cơ cấu HĐQT luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành (cao hơn so với tỷ lệ quy định tại Điều 13 Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP); có 01 Thành viên là thành viên độc lập HĐQT; Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;
- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 02 Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh quản lý hay kiêm nhiệm các công việc khác tại BVSC;
- HĐQT ban hành Nghị quyết số:19/2020/NQ-HĐQT thành lập 03 Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban QTCT,BM&TL; Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán. Với việc thành lập 03 Ủy ban trực thuộc này hỗ trợ cho HĐQT thực hiện quản lý Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích;.
- BVSC thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng; cũng như tuân thủ tốt quy định về lập báo cáo Báo cáo thường niên đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Báo cáo thường niên của Công ty được bình chọn trong TOP 10 Doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất thuộc nhóm Vốn hóa vừa tại cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2020;
- Xây dựng khung pháp lý liên quan đến quản trị Công ty: Năm 2020 Cơ quan quản lý nhà nước ban hành nhiều văn bản điều chỉnh về quản trị, điều hành của Công ty như: Luật doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán 2019, Thông tư số: 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của công ty chứng khoán ....Các văn bản pháp luật này đều có hiệu lực thi hành vào đầu năm 2021. Do đó để đảm bảo các văn bản quản trị công ty tuân thủ các quy định pháp luật mới ban hành, HĐQT chỉ đạo Công ty: (i) rà soát, sửa đổi Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và soạn thảo Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua đảm bảo tuân thủ Khoản 20 , Điều 310 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

09. Thực hiện các quy định về quản trị công ty (Tiếp theo)

* Nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty

Từ thực tế hoạt động trong năm 2020, đối chiếu với các quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết, BVSC nhận thấy còn tồn tại nội dung chưa thực hiện tốt, cụ thể: Đối chiếu với Khoản 1, Điều 17 của Nghị định 71/2017/NĐ-CP, quy định Ủy ban Quản trị công ty, bổ nhiệm và thù lao phải do 01 thành viên độc lập của HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban, tuy nhiên hiện nay HĐQT BVSC chỉ có 01 thành viên độc lập và là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm toán để đảm bảo tuân thủ khuyến nghị của Nguyên tắc 4.1.2 về Ủy ban kiểm toán theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng ở Việt Nam. Kế hoạch khắc phục: BVSC đặt mục tiêu sớm kiện toàn nhân sự HĐQT, bổ sung thêm thành viên độc lập để đáp ứng tốt hơn quy định trên.

*** ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THEO QUY CHẾ CAMEL

Khi thực hiện phân tích các tiêu chí dưới góc độ quản trị Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán).

Theo hệ thống đánh giá này, trong năm 2020, BVSC đạt tổng điểm về quản trị là 90,7/100 điểm, cao hơn 3 điểm so với năm 2019. Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 03 kỳ báo cáo gần nhất hơn 10% là yếu tố giúp gia tăng tổng điểm về quản trị Công ty.

(Tham khảo Phụ lục 1 – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL tại trang 214 báo cáo này)

Đánh giá theo thẻ điểm Quản trị công ty Asean và theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam do UBCKNN phối hợp với IFC ban hành tháng 08/2019

Kể từ năm 2016, với mong muốn hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty theo chuẩn mực thị trường khu vực và quốc tế, BVSC đã thực hiện tự đánh giá về hệ thống quản trị của mình tham chiếu theo các tiêu chí tại Thẻ điểm quản trị Asean, qua đó công ty đặt mục tiêu cải thiện qua từng năm. Bên cạnh đó, tháng 08 năm 2019 UBCKNN phối hợp với IFC ban hành Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, BVSC tiên phong tự đánh giá rà soát hệ thống quản trị của mình dựa trên các chuẩn mực này để có kế hoạch cải thiện hàng năm.

Tham chiếu theo chuẩn mực này, trong những năm qua, thông qua việc đánh giá và rà soát lại trên cơ sở đối chiếu với bộ câu hỏi thuộc 5 nhóm chuẩn mực bao gồm Quyền của cổ đông, Đối xử bình đẳng với cổ đông, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, Công bố thông tin và tính minh bạch và Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, kết quả cho thấy BVSC tuân thủ hầu hết các chuẩn mực này. Bên cạnh đó, BVSC cũng nhận diện một số nội dung cần cải thiện và xác định thứ tự ưu tiên để thực hiện, trong đó trong các năm 2019 & 2020 BVSC đã và đang thực hiện tốt các nội dung như sau: bổ sung CBTT bằng tiếng Anh, Thành viên HĐQT đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi thực hiện chiến lược của Công ty ít nhất một năm (tiêu chí E 1.5 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); Thực hiện lập kế hoạch họp HĐQT khi bắt đầu năm tài chính (tiêu chí E 3.1 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); Công ty đã cải thiện rõ ràng nhất đối với tiêu chí (B).C.1.1. thuộc nhóm chuẩn mực (B)C Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, theo đó Công ty thực hiện báo cáo phát triển bền vững 2019 & 2020 tuân theo các chuẩn mực của tổ chức GRI. Nội dung báo cáo phát triển bền vững được chúng tôi trình bày trong cuốn báo cáo thường niên này.

Một điểm nổi bật trong năm 2020 là BVSC đã hoàn tất thành lập 03 ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm Ủy ban QTCT,BN&TL; Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán trên cơ sở hướng dẫn và khuyến nghị của Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam. Với việc thành lập 03 ủy ban trực thuộc này, mô hình quản trị của BVSC đã và đang tiệm cận theo những thông lệ tốt nhất trên thị trường, góp phần hiệu quả trong việc gia tăng giá trị công ty cho cổ đông.

Tăng sức bền

Covid – 19 tạo nên sự thay đổi trong toàn xã hội, tạo nên một cú hích để mỗi doanh nghiệp tự điều chỉnh chính mình để thích nghi và phát triển. Năm 2020 với BVSC, Covid – 19 không hoàn toàn là trở ngại, mà là cơ hội để chúng tôi mạnh dạn triển khai các sản phẩm mới cũng như thực thi những sáng kiến mới trong vận hành công ty nhằm hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh đặt ra.

03

Báo cáo tình hình hoạt động 2020

- Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 96
- Tổng quan nền Kinh tế và TTCK 2020 98
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị 102
- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc 110

01. Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020

Chiến lược hoạt động giai đoạn 2016-2020 của BVSC được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua ngày 12/5/2016, và được ĐHĐCĐ thường niên 2017 phê duyệt điều chỉnh vào phiên họp ngày 27/6/2017, cụ thể như sau:

Tầm nhìn và mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020

TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

Giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2020

- Doanh thu: đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 9%.
- Lợi nhuận sau thuế: đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6,5%.
- Vốn điều lệ đến năm 2020: Dự kiến tăng lên 1.500 tỷ đồng.
- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE): đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 7%, tới năm 2020 dự kiến đạt 8%.
- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (ROCC): đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 11%.
- Tỷ trọng doanh thu môi giới/Tổng doanh thu: đặt mục tiêu đạt từ 40%-50%.
- Thị phần CP&CCQ: đặt mục tiêu tới năm 2020 đạt vị thế trong Top 5 CTCK thị phần lớn nhất.

Định hướng triển khai chiến lược giai đoạn 2016-2020

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 hướng tới tầm nhìn và mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

CHIẾN LƯỢC KHÁCH HÀNG, SẢN PHẨM, KÊNH PHÂN PHỐI, ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Tập trung phát triển thị trường tại các Trung tâm tài chính trong nước là Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng… và triển khai khai thác thị trường nước ngoài thông qua văn phòng đại diện hoặc hợp tác kinh doanh.
- Tập trung phát triển khách hàng tổ chức.
- Mở rộng mạng lưới: tăng số lượng các Phòng Giao dịch và tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới.
- Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn, giữ vững thương hiệu nhà tư vấn M&A hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

- Chiến lược đầu tư tự doanh linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn nhằm tận dụng các cơ hội từ thị trường chứng khoán và phù hợp với nhu cầu triển khai kinh doanh chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền có bảo đảm để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận/vốn để gia tăng giá trị cho cổ đông của Công ty.

CHIẾN LƯỢC VỐN

- Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, BVSC sẽ cần mức vốn điều lệ tối thiểu 1.200 tỷ đồng, tới năm 2020 đặt mục tiêu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC.
- BVSC sẽ triển khai phát hành tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược.
- Cơ cấu sử dụng vốn được ưu tiên cho định hướng kinh doanh nêu trên, tập trung nguồn lực cho hoạt động môi giới, tự doanh, hoạt động IB, và các hoạt động hỗ trợ môi giới như margin, ứng trước, đầu tư công nghệ thông tin và các dịch vụ khác…

TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Mô hình Quản trị tập trung đối với xây dựng chiến lược phát triển & chính sách sản phẩm, dịch vụ xuyên suốt; quản trị rủi ro, nguồn nhân lực, công nghệ, thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh.
- Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ.
- Kiện toàn tổ chức Đảng.

Chiến lược ngành nghề	Chiến lược Tài chính	Mô hình Quản trị
3 trụ cột chính bao gồm: • Môi giới và dịch vụ tài chính • Tư vấn • Tự doanh	Phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược để nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC	• Quản trị tập trung đối với các chức năng: Quản trị tài chính; Quản trị nguồn nhân lực; Quản trị Rủi ro; Phát triển sản phẩm; Công nghệ thông tin; Nghiên cứu phân tích. Thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh. • Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ. • Kiện toàn tổ chức Đảng đoàn

02. Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán 2020

Cơ hội trong năm 2020

Biểu đồ tăng trưởng GDP theo Quý

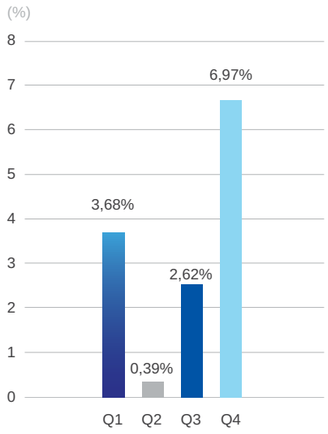

Mức hỗ trợ của Chính phủ cho người lao động, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi COVID-19

~62.000

tỷ đồng

GDP CỦA VIỆT NAM NĂM 2020 TĂNG 2,91% SO VỚI NĂM 2019.

Trong đó, tăng trưởng bốn quý đạt lần lượt 3,68%; 0,39%, 2,62% và 6,97%. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020, nhưng trong bối cảnh của dịch Covid-19 thì đó là một thành công với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới.

CHÍNH PHỦ VIỆT NAM KIỂM SOÁT TỐT DỊCH BỆNH.

Việt Nam kiểm soát thành công hai lần bùng phát dịch lớn trong năm 2020 ở Hà Nội và Đà Nẵng. Nhờ việc kiểm soát dịch bệnh sớm và tốt hơn nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, các doanh nghiệp vẫn có thể vận hành ổn định trong phần lớn thời gian của năm 2020, giao thương hàng hóa vẫn đảm bảo duy trì và không tạo ra xáo trộn lớn trong vận hành của nền kinh tế.

NHIỀU CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH TẾ ĐƯỢC ĐƯA RA

Chính phủ đã ban hành nhiều giải pháp nhằm hồi phục kinh tế trong và sau đại dịch như: Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất; tạm dừng đóng quỹ bảo hiểm hưu trí, tử tuất; doanh nghiệp được hỗ trợ tiền để trả lương trong trường hợp người lao động ngừng việc tạm thời... Ngoài ra, Chính phủ còn có gói hỗ trợ cho các đối tượng với tổng mức hỗ trợ của Chính phủ cho người lao động, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi COVID-19 khoảng 62.000 tỷ đồng.

VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐƯỢC ĐẨY MẠNH

Bất chấp những khó khăn từ đại dịch Covid-19, tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước vẫn đạt được kết quả cao trong năm 2020. Cụ thể, đầu tư từ NSNN ước đạt xấp xỉ 467 nghìn tỷ đồng, đạt trên 99% kế hoạch Chính phủ đề ra, tăng 36,2% so với cùng kỳ, mức tăng luỹ kế cao nhất kể từ năm 2011 tới nay.

MẶT BẰNG LÃI SUẤT THẤP

Với sự xuất hiện của đại dịch Covic-19, trong năm NHTW các nước trên thế giới đều thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ một cách quyết liệt bằng cách hạ lãi suất điều hành và tăng cường các gói nới lỏng định lượng (QE). Trong khi đó, ở phương diện chính sách tài khóa, các gói chi tiêu quy mô lớn cũng được ban hành với việc tăng đầu tư cho y tế, cơ sở hạ tầng, công nghệ và trợ cấp trực tiếp cho người lao động mất việc.

Thách thức trong năm 2020

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI SỤT GIẢM MẠNH

Đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã khiến bức tranh kinh tế thế giới năm 2020 nhiều màu xám. Thương mại toàn cầu bị đình trệ, kéo theo hoạt động kinh tế tại hầu hết các nền kinh tế lớn đều chậm lại. Tăng trưởng tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam đều suy giảm khiến kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mặc dù vẫn tăng trưởng 7% nhưng mức tăng này chỉ bằng một nửa so với trung bình 3 năm trước đó.

SỰ ĐỨT GÃY, GIÁN ĐOẠN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG HÀNG HÓA ẢNH HƯỞNG TỚI NHIỀU NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2020 chứng kiến sự gián đoạn chưa từng có của chuỗi cung ứng toàn cầu bởi dịch Covid-19 gây gián đoạn các hoạt động thương mại. Các chuyến tàu chở đầy ắp hàng hóa bị ách lại tại các cảng biển bởi sự bùng phát của dịch bệnh. Khoảng 90% hoạt động thương mại thế giới diễn ra trên tuyến đường biển. Do đó, việc hàng hóa không thể xuất khẩu làm ảnh hưởng đến đầu vào cả về nguyên liệu và linh kiện, khiến hoạt động sản xuất đình trệ.

NHIỀU NGÀNH KINH TẾ, TRONG ĐÓ CÁC NGÀNH DU LỊCH, HÀNG KHÔNG CHỊU TÁC ĐỘNG MẠNH TỪ DỊCH BỆNH

Ngành du lịch và hàng không chịu thiệt hại trầm trọng do dịch Covid-19 khiến các chuyến bay bị hủy, chính phủ các nước cấm hoặc hạn chế nhập cảnh. Lệnh hạn chế bay, giãn cách xã hội đã khiến toàn bộ các đường bay quốc tế và nhiều đường bay nội địa phải đóng cửa.

02. Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán 2020

Thị trường chứng khoán

CƠ HỘI TRONG NĂM 2020

- **Chỉ số VnIndex tăng điểm khá tích cực trong năm 2020.** Nhờ việc kiểm soát dịch bệnh sớm và tốt hơn nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, các doanh nghiệp vẫn có thể vận hành ổn định trong phần lớn thời gian của năm 2020, giao thương hàng hóa vẫn đảm bảo duy trì và không tạo ra xáo trộn lớn trong vận hành của nền kinh tế. Trong bối cảnh thuận lợi, TTCK Việt Nam đã có mức tăng trưởng vượt bậc so với các TTCK khác trong khu vực cả về chỉ số và vốn hóa thị trường. Kết thúc năm, chỉ số VnIndex đóng cửa tại 1.103,87 điểm, tăng 14,87%; chỉ số HnxIndex đóng cửa tại 203,12 điểm tăng 98,15%; chỉ số UpcomIndex đóng cửa tại 74,45 điểm, tăng 31,63%.

Biểu đồ tốc độ tăng trưởng của các TTCK trong khu vực

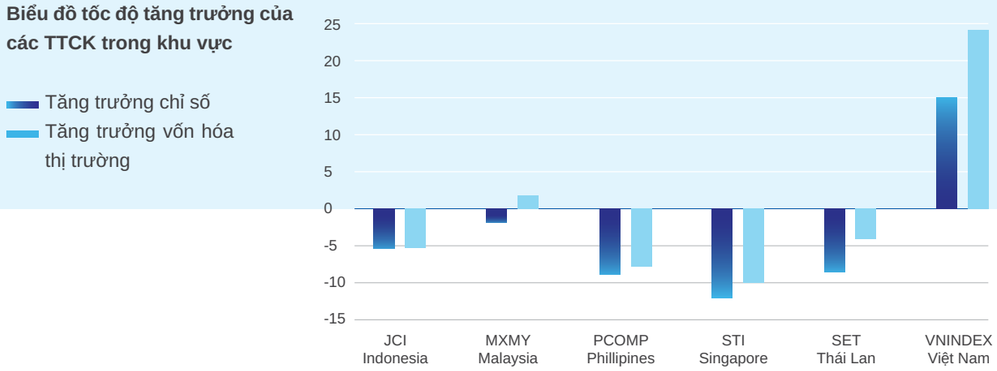

Chỉ số VnIndex và vốn hóa thị trường cổ phiếu của Việt Nam tiếp tục có mức tăng trưởng mạnh so với các thị trường cổ phiếu khác trong khu vực.

- **Mặt bằng lãi suất thấp nhất trong nhiều năm.** Yếu tố tiền rẻ là động lực lớn trong năm 2020, giúp TTCK thăng hoa trong nửa cuối năm. Cả thanh khoản và điểm số đều được cải thiện mạnh. Giá trị giao dịch trung bình phiên liên tục bứt phá và tạo các kỷ lục mới. Trong quý đầu tiên của năm, giá trị giao dịch trung bình phiên trên cả 3 sàn chỉ tương đương với năm trước, đạt 4.620 tỷ đồng mỗi phiên. Nhưng trong các quý sau đó, giá trị giao dịch tiếp tục tăng mạnh, đặc biệt là quý 4 lập kỷ lục thanh khoản với 11.589 tỷ đồng/phiên. Bình quân mỗi phiên trên cả 3 sàn giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 7.435 tỷ đồng, tăng tới 60% so với năm 2019.

- **Lượng nhà đầu tư mới (F0) tham gia thị trường cao kỷ lục:** Năm 2020, lượng lớn nhà đầu tư mới tham gia thị trường (F0) đã giúp thị trường sôi động hơn bao giờ hết. Trong năm 2020, số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư trong nước đạt 393.659 tài khoản tăng 109% so với cùng kỳ (188.646 tài khoản mở mới năm 2019). Kết thúc năm 2020, số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt 2,77 triệu tài khoản, tăng 16,7% so với cuối năm 2019. Trong đó, số lượng tài khoản trong nước đạt gần 2,74 triệu tài khoản, tăng 16,8% so với cuối năm 2019. Nhà đầu tư nước ngoài cũng tăng 8,9%, đạt 35.071 tài khoản.

Biểu đồ Chỉ số và thanh khoản thị trường

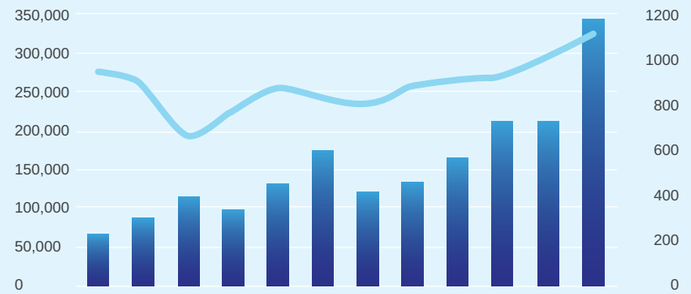

Giá trị giao dịch bình quân phiên của 03 sàn đạt mức 7.435 tỷ/ phiên, tăng 60% so với năm 2019

THÁCH THỨC TRONG NĂM 2020

- **Covid – 19 tác động khiến thị trường giảm sâu trong quý I.** Tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng mạnh, tình trạng bán tháo ồ ạt khiến cho VnIndex giảm điểm liên tục. Đà giảm kéo dài đến cuối quý I, kết thúc phiên 30/03/2020, VnIndex đóng cửa ở mức 662,26 điểm, giảm 31,09% so với đóng cửa năm 2019. Diễn biến giảm mạnh, cùng triển vọng không khả quan của nền kinh tế đã ảnh hưởng tới quyết định của nhiều nhà đầu tư.

- **KQKD của các doanh nghiệp niêm yết sụt giảm do ảnh hưởng của đại dịch.** Không chỉ các doanh nghiệp trong các ngành bị ảnh hưởng trực tiếp như du lịch, hàng không… mà các doanh nghiệp trong ngành sản xuất cũng chịu ảnh hưởng nặng nề do các biện pháp giãn cách xã hội và chuỗi chung ứng toàn cầu bị đứt gãy.

- **Khối ngoại thực hiện bán ròng với giá trị lớn, trên cả 2 sàn HSX và HNX.** Trên sàn HSX, khối ngoại mua vào 133.737 tỷ đồng và bán ra 136.136 tỷ đồng, chênh lệch bán ròng 2.399 tỷ đồng. Còn tại sàn HNX, khối ngoại mua vào 1.449 tỷ đồng và bán ra 3.798 tỷ đồng, chênh lệch bán ròng 2.349 tỷ đồng.

03. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động của Công ty năm 2020

VỀ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020

VỀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KINH DOANH

Trước ảnh hưởng nặng nề của Covid – 19 trong quý I khiến cho hầu hết các công ty chứng khoán báo lỗ, trong đó BVSC không là ngoại lệ. Bên cạnh đó, cạnh tranh gay gắt trên thị trường, đặc biệt cạnh tranh về phí môi giới chứng khoán, lãi suất đối với dịch vụ margin&ứng trước chủ yếu đến từ khối công ty chứng khoán ngoại có lợi thế vốn rẻ, trong khi BVSC với những điểm hạn chế về quy mô vốn và thiếu các sản phẩm phái sinh dẫn đến năng lực cạnh tranh so với các CTCK trên thị trường suy giảm. Nhận thức rõ những thách thức và khó khăn này, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đề ra những quyết sách kịp thời, giải pháp căn cơ với mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 giao. Cụ thể kết quả kinh doanh năm 2020 đã đạt như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2020	TH 2020 so với KH 2020	TH 2020 so với cùng kỳ
1	**Tổng doanh thu và thu nhập khác**	**594,46**	**483,38**	**122,98%**	**105,39%**
	Doanh thu và thu nhập khác đã thực hiện	518,23	425,38	121,83%	103,60%
2	Tổng chi phí	**440,13**	**392,07**	**112,26%**	**106,60%**
	Chi phí đã thực hiện	393,76	322,07	122,26%	110,32%
3	**LN trước thuế**	**154,33**	**91,30**	**169,03%**	**102,10%**
	LN trước thuế đã thực hiện	124,47	103,30	120,49%	86,86%
4	**LN sau thuế**	**132,38**	**79,30**	**166,93%**	**97,69%**
	LN sau thuế đã thực hiện	105,03	91,30	115,04%	82,10%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020

Kết quả kinh doanh năm 2020 vui lòng xem thêm tại Chương III, Phần Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 110 đến trang 141 của Báo cáo này.

Với kết quả doanh thu và lợi nhuận sau thuế thực hiện lần lượt đạt 122% và 115% so với kế hoạch đề ra, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt việc triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2020.

VỀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KHÁC

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm thanh toán cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phần, trích lập các quỹ dự phòng, quỹ khen thưởng phúc lợi cho Người lao động, quỹ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập công ty…;
- HĐQT phối hợp với BKS hoàn tất việc lựa chọn Công ty kiểm toán kiểm toán BCTC năm 2021, 2022 và 2023 của Công ty là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- HĐQT hoàn tất thành lập và đưa 03 ủy ban là Uỷ ban QTCT,BN&TL, Uỷ ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán và vận hành các ủy ban này hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ của mỗi ủy ban.

03. Báo cáo của Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ SỨC CẠNH TRANH CỦA CÔNG TY

Nhằm nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường, HĐQT chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các mảng hoạt động, cụ thể:

Công tác quản trị và điều hành: (i) Công ty nhanh chóng triển khai đồng loạt các giải pháp kịp thời để đối phó với dịch Covid – 19, đặc biệt trong giai đoạn cao điểm dãn cách toàn xã hội theo chỉ thị của Chính phủ, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được diễn ra thông suốt không bị gián (ii) HĐQT đã ban hành Nghị quyết số: 05/2020/NQ-HĐQT ngày 19/03/2020 về việc kiện toàn mô hình cơ cấu tổ chức. Công ty hoàn tất việc kiện toàn mô hình tổ chức thông qua việc hợp nhất các phòng quản lý và hỗ trợ, bao gồm các Phòng Tổng hợp,, Tài chính Kế toán, Lưu ký để quản lý tập trung, đảm bảo tính nhất quán trong công tác điều hành, sự đồng bộ từ định hướng chiến lược đến thực thi giải pháp.

Phát triển sản phẩm và dịch vụ mới: Trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT về việc phát triển sản phẩm mới, Ban Tổng Giám đốc đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới cung cấp cho khách hàng. Kết quả, năm 2020 BVSC liên tục bổ sung hàng hóa mới cho sản phẩm Ibond; chính thức ra mắt sản phẩm Ideposit giúp khách hàng sinh lời ngay trên tài khoản giao dịch chứng khoán; thực hiện chạy các chương trình kích cầu đúng thời điểm như gói margin lãi suất 6,5%...

Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin: Dịch Covid-19 đã như một cú hích để mỗi doanh nghiệp phải nhanh chóng có sự dịch chuyển chính mình nhằm thích nghi, như tổ chức lại công việc, từ việc giao tiếp, chỉ đạo, họp hành, ra quyết định, đến triển khai thực hiện... đều có thể dựa trên nên tảng trực tuyến. Trong bối cảnh này, một lần nữa cho thấy các chỉ đạo của HĐQT về việc đẩy mạnh đầu tư mạnh mẽ hơn nữa cho hạ tầng công nghệ thông tin từ nhiều năm trước đó là một hướng đi đúng đắn, không chỉ gia tăng khả năng cạnh tranh của công ty trước những biến động từ bên ngoài, mà còn phù hợp xu thế số hóa ngày một mạnh mẽ. Trong năm 2020 BVSC đã chính thức ra mắt nền tảng giao dịch trực tuyến hoàn toàn mới với tên gọi FB-Wise, thay thế nền tảng cũ BVS@Trade, cũng như đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng công việc như Any Desk, họp trực tuyến trên Zoom....giúp đảm bảo tính liên tục ổn định của hoạt động kinh doanh mà không bị cản trở bởi Covid 19.

Tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro: HĐQT đã rà soát và thông qua các Chính sách Rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2020 theo đề xuất của Công ty, trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty đã tuân thủ và thực hiệm nghiêm túc Chính sách và Hạn mức rủi ro năm 2020. Ngoài ra, HĐQT đề nghị Công ty tiếp tục chủ động phòng ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động, bảo mật và an toàn thông tin đối với hệ thống giao dịch của BVSC, tăng cường công tác quản lý và thu hồi các khoản nợ khó đòi.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2020, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT dựa trên các mặt hoạt động sau:

Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ: Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi HĐQT và BKS. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch và quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động.

Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản trong năm. (Chi tiết các nghị quyết và quyết định trong năm vui lòng xem tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 được Công ty phát hành ngày 29/01/2021; và hiện đang lưu trữ tại trang tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: https://bvsc.com.vn/News/2021129/858459/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2020.aspx)

Thông qua vai trò của Kiểm toán nội bộ: Thông qua vai trò và chức năng nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ, HĐQT đã nắm bắt và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, giám sát tính tuân thủ quy định pháp luật, các chính sách và quy trình nội bộ trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh tại Công ty.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát: HĐQT đã phối hợp tích cực với BKS, dưới sự giám sát hoạt động của BKS để duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế quản trị và hoạt động của BVSC;

Thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát nêu trên, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc trong năm 2020: (i) đã luôn chủ động, bám sát diễn biến thị trường nhằm đề ra những giải pháp kinh doanh đúng đắn, căn cơ và nắm bắt cơ hội thị trường để có được kết quả kinh doanh hoàn thành vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao; (ii) BVSC đã duy trì một chính sách nhân sự ổn định, không những đảm bảo cho người lao động sự an toàn về việc làm, về sức khỏe và sự ổn định về thu nhập, mà còn triển khai được nhiều hoạt động hiểu quả thiết thực cho mục tiêu phát triển trung và dài hạn; (iii) BVSC phát triển được những sản phẩm mới giúp khách hàng đa dạnh hóa danh mục và tọa nên những trải nghiệm mới cho khách hàng; (iv) đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao luôn cẩn trọng, trung thực, hiệu quả và công khai các lợi ích liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

03. Báo cáo của Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Về thù lao & các khoản lợi ích của HĐQT

Năm 2020, HĐQT đã nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tuân thủ theo đúng như quy định tại Điểm e, Khoản 1 Điều 8 và Điều 9 của Nghị quyết số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua vào ngày 22/06/2020.

Chi tiết việc chi trả thù lao & các khoản lợi ích khác của HĐQT vui lòng xem thêm tại Chương II – tại chương II, từ trang 66 đến 69 của Báo cáo này.

Các cuộc họp của HĐQT, các nghị quyết và quyết định của HĐQT

Chi tiết các các cuộc họp của HĐQT, các nghị quyết và quyết định của HĐQT vui lòng xem tại Chương II, từ trang 53 đến trang 57 của Báo cáo này.

Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Kết thúc năm 2020, Thành viên độc lập HĐQT Công ty là ông Lê Xuân Nam đã có Báo cáo nhận xét và đánh giá hoạt động HĐQT trong năm.

Chi tiết báo cáo vui lòng xem thêm tại Chương II, từ trang 58 đến trang 59 của Báo cáo này.

Hoạt động của các Ủy ban và các bộ phận trực thuộc HĐQT

6.1. Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2020:

vui lòng xem tại Chương II, từ trang 55 đến trang 57 của Báo cáo này.

6.2. Hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ năm 2020:

vui lòng xem tại Chương II, từ trang 70 đến trang 73.

Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của những người này; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

TÍNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC GIAO DỊCH:

vui lòng xem chương II, tại trang 63 của Báo cáo này

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC GIAO DỊCH:

- Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Tập đoàn Bảo Việt, các công ty thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, Ngân hàng TMCP Bảo Việt đều có giá trị nhỏ hơn 35% Tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Do đó theo Điều 52.2 của Điều lệ Công ty hiện hành các giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty. Trước khi thực hiện các hợp đồng, giao dịch này, Công ty báo cáo xin phê duyệt của HĐQT; và được HĐQT chấp thuận đảm bảo theo đúng quy định Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan quy định tại Điều 52.2 của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng này đều được Công ty thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT tại của các Nghị quyết HĐQT; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Công ty cũng đã thực hiện công bố thông tin công khai về các giao dịch này tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 được phát hành ngày 29/01/2021 và hiện đang lưu trữ tại trang tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: *https://bvsc.com.vn/News/2021129/858459/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2020.aspx;* đồng thời nêu tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính xin vui lòng xem thêm tại Chương VI - từ trang 222 đến trang 341 của Báo cáo này.

03. Báo cáo của Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Thực hiện các mục tiêu xã hội và bảo vệ môi trường

Song hành những mục tiêu kinh tế, HĐQT nhận thức mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm cộng đồng, xã hội chính là các yếu tố nền tảng cho sự thành công lâu dài, bền vững của BVSC. Do đó năm 2020 HĐQT chỉ đạo Công ty tích cực triển khai: các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng và an sinh xã hội; ứng dụng công nghệ để giảm thiểu các tác động đến môi trường; tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

(Thông tin chi tiết về nội dung thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường vui lòng xem thêm tại Chương Phát triển bền vững, từ trang 162 đến trang 215 báo cáo này).

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2021 (vui lòng tham khảo tại chương IV, từ trang 144 đến trang 147 báo cáo này), HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 như sau:

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHỈ ĐẠO CÔNG TY XÂY DỰNG KHKD 2021 ĐỂ TRÌNH ĐHĐCĐ 2021 THÔNG QUA VỚI CÁC CHỈ TIÊU DỰ KIẾN SAU:

Tổng doanh thu

661 ***tỷ đồng***
tương ứng ***111%*** so năm 2020, trong đó:

Doanh thu thực hiện đạt

600 ***tỷ đồng***
tương ứng ***116%*** so năm 2020

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("LNST"):

133 ***tỷ đồng***
trong đó:

LNST thực hiện:

116 ***tỷ đồng***
tương ứng ***110%*** với LNST thực hiện năm 2020.

KHKD này gắn với dự báo tăng trưởng kinh tế vĩ mô và diễn biến TTCK như được trình bày tại Chương IV của Báo cáo này; và có thể được điều chỉnh để sát với tình hình thực tế tăng trưởng kinh tế và TTCK năm 2021

Định hướng kinh doanh trong năm 2021, BVSC tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động môi giới, tư vấn, hoạt động tự doanh, đầu tư; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại; tăng cường quản trị rủi ro; đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới cung cấp cho khách hàng, đồng thời để thu hút nhà đầu tư mới nhằm nâng cao hơn nữa năng lực canh tranh BVSC trên thị trường; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai hiệu quả các sản phẩm phái sinh khi Công ty đáp ứng điều kiện về Vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GIỮ VAI TRÒ ĐỊNH HƯỚNG VÀ THÚC ĐẨY CÔNG TY NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ SỨC CẠNH TRANH THÔNG QUA CHỈ ĐẠO CÁC HOẠT ĐỘNG SAU:

Hoạt động môi giới:
(i) Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các sản phẩm tư vấn đầu tư, các dịch vụ tiện ích giao dịch nhằm thu hút khách hàng giao dịch; (ii) Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn & chú trọng khai thác khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt (iii) Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ thông tin để đa dạng hóa các trải nghiệm khách hàng.

Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành:
(i) Đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, song song triển khai các mảng tư vấn vốn là thế mạnh của BVSC như: M&A, tư vấn cổ phần hóa gắn với hoạt động IR; (ii) Khai thác lợi thế bán chéo trong Tập đoàn Bảo Việt để mở rộng thêm mạng lưới khách hàng để triển khai các hợp đồng tư vấn thuộc thế mạnh của BVSC.

Hoạt động tự doanh:
(i) xây dựng chính sách đầu tư linh hoạt, phân bổ tỷ trọng đầu tư hợp lý giữa các danh mục đầu tư căn cứ vào đánh giá thực tế diễn biến vĩ mô và diễn biến thị trường trong từng giai đoạn để mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cũng như quản trị rủi ro tốt nhất; (ii) Đẩy mạnh hơn nữa mảng đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tạo nguồn hàng cho dịch vụ bán lẻ trái phiếu iBond.

Hoạt động cho vay và phải thu:
(i) xây dựng chính sách lãi suất linh hoạt, có tính cạnh tranh đối với dịch vụ margin và ứng trước, qua đó thúc đẩy hoạt động môi giới cũng như khai thác hiệu quả, tối ưu nguồn vốn; (ii) phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhằm gia tăng năng lực tài chính của Công ty, để đảm bảo nguồn vốn ổn định phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công tác nhân sự:
(i duy trì chính sách nhân sự ổn định, đảm bảo cho người lao động về việc làm, về sức khỏe và sự ổn định về thu nhập; (ii) triển khai tuyển dụng và đào tạo có tính quy mô, có chiều sâu hơn, kiểm soát được chất lượng đầu vào và đầu ra cho mục tiêu phát triển trung và dài hạn Công ty.

Công nghệ thông tin:
Chỉ đạo Công ty tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm, đang từng bước thực hiện quá trình chuyển đổi số trong các khâu hoạt động để đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh và quản trị điều hành Công ty trong thời đại chuyển đổi số tại các đang diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng.

Hợp lực với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bảo Việt:
Chỉ đạo Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án hợp lực trong khuôn khổ các đề án hợp lực giữa Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Tình hình hoạt động trong năm 2020

BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG – CƠ HỘI & THÁCH THỨC TRONG NĂM 2020:

Trong năm 2020, lượng lớn nhà đầu tư mới tham gia thị trường (F0) đã giúp thị trường sôi động hơn bao giờ hết. Kết thúc năm 2020, số lượng tài khoản nhà đầu tư tăng 16,7% so với cuối năm 2019. Yếu tố tiền rẻ là động lực lớn trong năm 2020, giúp thị trường chứng khoán thăng hoa trong nửa cuối năm. Cả thanh khoản và điểm số đều được cải thiện mạnh. Giá trị giao dịch trung bình phiên liên tục bứt phá và tạo các kỷ lục mới, trung bình mỗi phiên trên cả 3 sàn đạt 7.435 tỷ đồng, tăng tới 60% so với năm 2019. Thanh khoản tăng cao, hỗ trợ rất lớn tới doanh thu môi giới của các CTCK. Phần lớn các cổ phiếu trên thị trường đều tăng giá trong năm 2020, đây chính là cơ hội tốt thu hút các nhà đầu tư và thuận lợi cho hoạt động tự doanh.

Giá trị giao dịch trung bình phiên

7.435 *tỷ đồng*

tăng tới ***60%*** so với năm 2019.

Mặt bằng lãi suất thấp cũng đã thúc đẩy thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát triển. Trong năm 2020, tổng giá trị phát hành TPDN đạt trên 430.000 tỷ đồng. Lãi suất TPDN trung bình trong năm 2020 tiếp tục duy trì quanh mức 9,3%, cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái (8,8% năm 2019). Thị trường TPDN phát triển là cơ hội thu xếp vốn lớn với các CTCK.

Tổng giá trị phát hành TPDN đạt trên

430.000 *tỷ đồng*

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi trên, dịch Covid-19 xuất hiện đã khiến cho nền kinh tế toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề. Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết sụt giảm nghiêm trọng do ảnh hưởng của đại dịch. Điều này khiến việc tìm kiếm cơ hội đầu tư dựa trên triển vọng kinh doanh, dựa trên các yếu tố cơ bản của doanh nghiệp trở nên khó khăn hơn. Bên cạnh đó, tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng mạnh, tình trạng bán tháo ồ ạt khiến cho VnIndex giảm điểm liên tục ngay trong quý I khi dịch bệnh lần đầu bùng phát. Bối cảnh kinh tế vĩ mô và TTCK cùng với những thách thức đặt ra trong năm 2020 như đã phân tích tại Phần I của Chương này, vừa mang lại cơ hội kinh doanh cho các CTCK vừa đặt ra những yêu cầu thách thức hơn trong việc gia tăng lợi thế cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ, công tác quản trị nhằm phòng ngừa rủi ro để đạt được mục tiêu tăng trưởng.

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI BVSC

Trong nhiều năm qua, BVSC đã đẩy mạnh việc đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin cũng như chú trọng việc thiết lập, vận hành hệ thống quản trị rủi ro một cách chuyên nghiệp, do đó, khi đối mặt với biến cố của đại dịch Covid – 19, BVSC đã nhanh chóng thích nghi trước những thay đổi, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định ngay cả trong giai đoạn dãn cách xã hội. Bên cạnh đó, BVSC có lợi thế là CTCK uy tín, có lịch sử hoạt động lâu dài, ổn định, am hiểu thị trường, cùng với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp đã ***"biến nguy thành cơ"***, tận dụng tốt các cơ hội của thị trường khi triển khai các hoạt động kinh doanh trong năm 2020.

Thách thức lớn nhất đối với BVSC là về nguồn vốn kinh doanh, đồng thời kế hoạch tăng vốn điều lệ chưa được triển khai do một số nhân tố khách quan và chủ quan, nên BVSC chưa thể triển khai được chứng khoán phái sinh. Điều này đã làm giảm lợi thế cạnh tranh đối với các dịch vụ tài chính và ảnh hưởng tới thị phần môi giới của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BVSC TRONG NĂM 2020

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2020	TH 2020 so với KH 2020	TH 2020 so với cùng kỳ
1	**Tổng doanh thu và thu nhập khác**	**594,46**	**483,38**	**122,98%**	**105,39%**
	Doanh thu và thu nhập khác đã thực hiện	518,23	425,38	121,83%	103,60%
2	**Tổng chi phí**	**440,13**	**392,07**	**112,26%**	**106,60%**
	Chi phí đã thực hiện	393,76	322,07	122,26%	110,32%
3	**LN trước thuế**	**154,33**	**91,30**	**169,03%**	**102,10%**
	LN trước thuế đã thực hiện	124,47	103,30	120,49%	86,86%
4	**LN sau thuế**	**132,38**	**79,30**	**166,93%**	**97,69%**
	LN sau thuế đã thực hiện	105,03	91,30	115,04%	82,10%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020

- Tổng doanh thu và thu nhập khác 2020 của Công ty đạt 594,46 tỷ đồng, trong đó doanh thu thực hiện là 518,23 tỷ đồng bằng 121,83% so với kế hoạch và bằng 103,60% so với cùng kỳ năm trước. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty vẫn là 3 mảng hoạt động chính bao gồm môi giới, tự doanh và doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu chiếm tới hơn 90% cơ cấu tổng doanh thu của Công ty.
- Lợi nhuận trước thuế cả năm là 154,33 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 124,47 tỷ đồng bằng 120,49% so với kế hoạch và bằng 86,86% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 132,38 tỷ đồng trong đó, lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 105,03 tỷ đồng, bằng 115,04% kế hoạch và bằng 82,10% so với cùng kỳ năm trước.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

CHỈ TIÊU	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	So sánh %	
				Tỷ lệ thực hiện lũy kế so với KH năm	Tỷ lệ thực hiện so với kỳ trước
I. Tổng Doanh thu. trong đó:	**563.655**	**594.150**	**483.375**	**122,92%**	**105,41%**
1. Doanh thu hoạt động	**541.264**	**568.060**	**465.675**	**121,99%**	**104,95%**
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	135.859	151.392	125.500	120,63%	111,43%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	193.702	174.089	162.200	107,33%	89,87%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính (hoạt động đầu tư tự doanh)	192.826	212.909	160.315	132,81%	110,42%
Trong đó: Lãi tài sản tài chính đã thực hiện	*128.988*	*136.674*	*102.315*	*133,58%*	*105,96%*
Lãi tài sản tài chính chưa thực hiện	*63.838*	*76.235*	*58.000*	*131,44%*	*119,42%*
1.4. Doanh thu hoạt động tư vấn và Bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.	11.086	21.471	11.160	192,40%	193,69%
- Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán	*63*	*14.621*	*7.660*	*190,88%*	*23355,81%*
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	*11.023*	*6.850*	*3.500*	*195,71%*	*62,14%*
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.846	5.677	5.000	113,55%	97,11%
1.6. Doanh thu hoạt động khác	1.945	2.521	1.500	168,10%	129,61%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	**22.391**	**26.091**	**17.700**	**147,41%**	**116,52%**

CHỈ TIÊU	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	So sánh %	
				Tỷ lệ thực hiện lũy kế so với KH năm	Tỷ lệ thực hiện so với kỳ trước
II. Tổng chi phí	**(412.363)**	**(439.777)**	**(392.073)**	**112,17%**	**106,65%**
1. Chi phí hoạt động	(284.703)	(318.404)	(280.873)	113,36%	111,84%
Trong đó: chi phí thực hiện	*(228.736)*	*(272.032)*	*(210.873)*	*129,00%*	*118,93%*
chi phí chưa thực hiện	*(55.967)*	*(46.372)*	*(70.000)*	*66,24%*	*82,85%*
2. Chi phí hoạt động tài chính	(39.505)	(32.741)	(31.750)	103,12%	82,88%
3. Chi phí quản lý	(88.156)	(88.632)	(79.450)	111,56%	100,54%
III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**151.292**	**154.374**	**91.302**	**169,08%**	**102,04%**
IV. Lợi nhuận/ Lỗ khác	**(129)**	**(42)**			
V. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	**151.163**	**154.332**	**91.302**	**169,03%**	**102,10%**
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện trước thuế	143.292	124.469	103.302	120,49%	86,86%
VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	**(15.653)**	**(21.952)**	**(12.000)**	**182,93%**	**140,24%**
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(15.362)	(19.440)	(12.000)	162,00%	126,55%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(291)	(2.512)			861,87%
IX. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	**135.510**	**132.380**	**79.302**	**166,93%**	**97,69%**
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện sau thuế	127.930	105.029	91.302	115,04%	82,10%

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH (TIẾP THEO)

VỀ DOANH THU:

- ***Doanh thu hoạt động môi giới*** đạt 151,39 tỷ đồng, bằng 120,63% so với kế hoạch, bằng 111,43% so với cùng kỳ năm trước. Thanh khoản thị trường tăng cao là yếu tố rất lớn hỗ trợ hoạt động môi giới của Công ty hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh.

- ***Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu*** cũng đạt 174,09 tỷ đồng, bằng 107,33% so với kế hoạch và bằng 89,87% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù còn khá hạn chế về nguồn vốn kinh doanh, tuy nhiên, trong năm 2020, Công ty đã nỗ lực khai thác và quản trị nguồn vốn hợp lý, cùng với tốc độ tăng trưởng của hoạt động môi giới, hoạt động cho vay và phải thu cũng đã hoàn thành kế hoạch doanh thu đã đề ra.

- ***Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính*** (bao gồm lãi từ đầu tư chứng khoán tự doanh và tiền gửi có kỳ hạn) đạt 212,91 tỷ đồng, trong đó doanh thu thực hiện tài sản tài chính đạt 136,67 tỷ đồng bằng 133,58% so với kế hoạch và bằng 105,96% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả trên đạt được là do Công ty bám sát diễn biến thị trường và có chiến lược đầu tư linh hoạt theo từng giai đoạn trong năm. Thời điểm Quý 1 và những tháng đầu Quý 2 khi TTCK giảm sâu, Công ty chủ động giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ để kiểm soát rủi ro, chuyển nguồn sang cho vay giao dịch ký quỹ hoặc hoạt động khác như đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tạo nguồn hàng cho sản phẩm iBond; những tháng cuối năm 2020 với diễn biến thuận lợi của thị trường, Công ty chủ động nâng tỷ trọng đầu tư đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ để gia tăng lợi nhuận, đồng thời thực hiện tốt kiểm soát rủi ro từ hoạt động tự doanh.

Doanh thu thực hiện tài sản tài chính đạt

136,67

tỷ đồng

▲ bằng ***133,58%*** so với kế hoạch và bằng ***105,96%*** so với cùng kỳ năm trước.

- ***Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán*** đạt 21,47 tỷ đồng, bằng 192,40% so với kế hoạch và bằng 193,69% so với cùng kỳ năm trước. Nắm bắt được cơ hội phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, trong năm 2020, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã đóng góp tỷ trọng lớn vào kết quả chung của hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán. Cùng với các hợp đồng tư vấn tài chính truyền thống khác, năm 2020, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và đại lý phát hành của Công ty đã hoàn thành xuất sắc vượt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

- ***Doanh thu hoạt động lưu ký*** đạt 5,68 tỷ đồng, bằng 113,55% so với kế hoạch và bằng 97,11% so với cùng kỳ năm trước. Sự giảm nhẹ về doanh thu lưu ký so với năm 2019 do Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) đã có chính sách giảm phí lưu ký để hỗ trợ giao dịch đối với nhà đầu tư trước những diễn biến ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19.

- ***Doanh thu khác*** đạt 2,52 tỷ đồng, đạt 168,10% so với kế hoạch và bằng 129,61% so với cùng kỳ năm trước.

- ***Doanh thu từ hoạt động tài chính*** đạt 26,09 tỷ đồng, bằng 147,41% so với kế hoạch và bằng 116,52% so với cùng kỳ năm trước.

VỀ CHI PHÍ:

TỔNG CHI PHÍ NĂM 2020 LÀ 439,78 TỶ ĐỒNG BẰNG 112,17% SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ BẰNG 106,65% SO VỚI NĂM TRƯỚC, CỤ THỂ:

- ***Chi phí hoạt động kinh doanh*** là 318,40 tỷ đồng bằng 113,36% so với kế hoạch và bằng 111,84% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí hoạt động kinh doanh tăng chủ yếu là do: chi phí cho hoạt động môi giới tăng bởi chi phí trả Sở, phí lưu ký và chi phí gián tiếp khác của hoạt động môi giới tăng; chi phí cho hoạt động Tự doanh tăng; chi phí cho hoạt động tư vấn tăng. Mức tăng phù hợp với tỷ lệ tăng doanh thu của các nghiệp vụ tương ứng.

- ***Chi phí hoạt động tài chính*** trong kỳ đạt 32,74 tỷ đồng bằng 103,12% kế hoạch và bằng 82,88% so với cùng kỳ năm trước. Việc giảm khoản chi này so với kỳ trước chủ yếu là do lãi trái phiếu phải trả giảm khi dư nợ trái phiếu Công ty giảm từ 400 tỷ đồng cuối năm 2019 xuống còn 100 tỷ đồng cuối năm 2020. Ngoài ra, Công ty đã khai thác tốt nguồn vốn vay ngắn hạn với lãi suất thấp tận dụng điều kiện vốn rẻ của thị trường từ đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Năm 2020, chênh lệch tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ phát sinh chi phí rất nhỏ là 287.184 đồng.

- ***Chi phí quản lý*** phát sinh trong năm 2020 là 88,63 tỷ đồng, chỉ tăng nhẹ gần 476 triệu đồng, bằng 111,56% so với số kế hoạch và tăng 0,54% với cùng kỳ năm trước. Trong giai đoạn đầu năm khi tình hình dịch Covid -19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới TTCK cũng như kết quả kinh doanh của BVSC, Công ty chủ động cắt giảm nhiều khoản mục chi phí không thực sự thiết yếu. Ngay cả khi tình hình kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực, chi phí quản lý tăng nhẹ nhưng vẫn được kiểm soát tốt, linh hoạt, tiết kiệm và hiệu quả, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH (TIẾP THEO)

PHÂN TÍCH CƠ CẤU, TỶ TRỌNG DOANH THU:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2019	Tỷ trọng	Thực hiện 2020	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Doanh thu hoạt động	**541.264**	**96,03%**	**568,060**	**95,61%**	**4,95%**
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	135.859	24,10%	151.392	25,48%	11,43%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	193.702	34,37%	174.089	29,30%	-10,13%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	192.826	34,21%	212.909	35,83%	10,42%
Trong đó: doanh thu thực hiện	*128.988*	*22,88%*	*136.674*	*23,00%*	*5,96%*
doanh thu chưa thực hiện	*63.838*	*11,33%*	*76.235*	*12,83%*	*19,42%*
1.4. Doanh thu hoạt động tư vấn và Bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.	11.086	1,97%	21.471	3,61%	93,69%
- Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	63	0,01%	14.621	2,46%	23255,81%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	11.023	1,96%	6.850	1,15%	-37,86%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.846	1,04%	5.677	0,96%	-2,89%
1.6, Doanh thu hoạt động khác	1.945	0,35%	2.521	0,42%	29,61%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	**22.391**	**3,97%**	**26.091**	**4,39%**	**16,52%**
TỔNG DOANH THU (1) + (2)	**563.655**	**100%**	**594.150**	**100%**	**5,41%**

Doanh thu của Công ty đến từ các hoạt động nghiệp vụ chính như môi giới, cho vay và phải thu, đầu tư tài sản tài chính (tự doanh), lưu ký, tư vấn và doanh thu khác, trong đó chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu là doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lãi các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính.

PHÂN TÍCH CƠ CẤU, TỶ TRỌNG CHI PHÍ:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu chi phí	Thực hiện 2019	Tỷ trọng	Thực hiện 2020	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	(284.703)	69,04%	(318.404)	72,40%	11,84%
Trong đó: chi phí thực hiện	*(228.736)*	*55,47%*	*(272.032)*	*61,86%*	*18,93%*
chi phí chưa thực hiện	*(55.967)*	*13,57%*	*(46.372)*	*10,54%*	*-17,14%*
2. Chi phí tài chính	(39.505)	9,58%	(32.741)	7,45%	-17,12%
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(88.156)	21,38%	(88.632)	20,15%	0,54%
TỔNG CHI PHÍ	**(412.363)**	**100%**	**(439.777)**	**100%**	**6,65%**

Biểu đồ tỷ trọng chi Phí

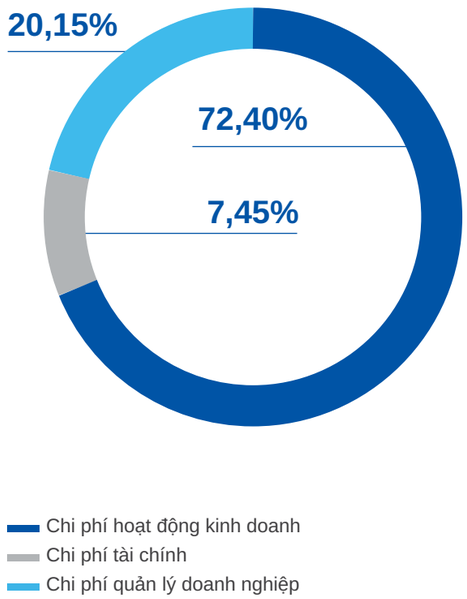

Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là chi phí hoạt động kinh doanh (chiếm 72.40% tổng chi phí). Chi phí hoạt động kinh doanh là những chi phí phát sinh trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của Công ty (bao gồm như phí giao dịch trả Sở, phí lưu ký trả VSD, chi phí hoạt động tự doanh...) và chi phí hoạt động cho khối kinh doanh (như chi phí thuê nhà, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài...).

Cơ cấu chi phí được phân bổ hợp lý, chủ yếu tập trung cho các mảng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty như môi giới, dịch vụ tài chính cho khách hàng, tự doanh, cùng với việc kiểm soát hợp lý chi phí quản lý đã góp phần vào kết quả hoàn thành lợi nhuận của Công ty.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

Đánh giá các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong năm 2020

MÔI GIỚI

Kết quả hoạt động Môi giới năm 2020

Chỉ tiêu	Năm 2019	KH năm 2020	Năm 2020	% TH so với cùng kỳ	% TH so với KH 2020
Doanh thu (Tỷ Đồng)	**135,86**	**125,5**	**151,39**	**111,43%**	**120,63%**
Thị phần giao dịch (%)	3,74%	3,46%	2,62%	70,05%	75,72%
Số lượng tài khoản	66.649	68.911	69.317	104,00%	100,59%

Ghi chú: Số liệu thị phần là số liệu theo tính toán của BVSC tại cả 3 sàn giao dịch

Thanh khoản thị trường tăng là nhân tố thuận lợi để Công ty hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Mặc dù gặp những hạn chế về nguồn vốn và áp lực cạnh tranh lớn trên thị trường, tuy nhiên trong năm Công ty đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để thúc đẩy hoạt động môi giới, cụ thể như sau:

- ***Giải pháp về CNTT:*** Năm 2020, BVSC đã chính thức thay đổi nền tảng giao dịch trực tuyến mới B-wise cho khách hàng thay thế nền tảng cũ mang lại nhiều tiện ích giao dịch hơn, tốc độ xử lý nhanh và linh hoạt. Đây là nền móng quan trọng để BVSC sẽ tiếp tục nâng cấp các ứng dụng hỗ trợ hoạt động giao dịch cho khách hàng và cho môi giới hướng tới mục tiêu chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo.

- ***Sản phẩm dịch vụ:*** Trong năm BVSC liên tục bổ sung các gói dịch vụ margin với lãi suất hấp dẫn để thu hút khách hàng như: Gói dịch vụ ưu đãi lãi suất margin 9%; Gói mừng sinh nhật – đón xuân sang với ưu đãi lãi suất margin 6.5. Bên cạnh việc bổ sung thêm hàng hóa vào sản phẩm trái phiếu iBond, BVSC đã cho ra mắt sản phẩm mới iDeposit nhằm giúp khách hàng tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư, linh hoạt phân bổ tài sản phù hợp với diễn biến TTCK.

- ***Giải pháp về nguồn nhân lực:*** BVSC tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt là hoạt động đào tạo nội bộ đối với các kỹ năng phân tích nhằm nâng cao chất lượng tư vấn của đội ngũ môi giới, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng của Công ty. Các chương trình thi đua nội bộ được phát động thường xuyên nhằm khuyến khích, tạo động lực cho CBNV như: Chương trình "Thi đua Khối Môi giới", chương trình dự đoán chỉ số "Dự đoán hay – Nhận ngay quà lớn". Một hoạt động mới và tiêu biểu trong năm 2020 là Công ty đã triển khai thành công Chương trình Future Broker 2020 tại Hà Nội và TP. HCM tạo nguồn cung nhân lực chủ động và kiểm soát được chất lượng nhân sự cho đội ngũ môi giới, từ đó tạo nền tảng xây dựng thế hệ nhân sự mới cho tương lai.

TỰ DOANH

Năm 2020 do chịu tác động dịch Covid -19, TTCK có diễn biến phức tạp trải qua những đợt sụt giảm mạnh đầu năm trước khi tăng trưởng và bùng nổ về giá trị giao dịch vào cuối năm. Trong bối cảnh này, việc triển khai hoạt động tự doanh đã được BVSC bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2016-2020 là *"đầu tư linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn nhằm tận dụng các cơ hội từ thị trường để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận/vốn để gia tăng giá trị cho cổ đông của công ty"*. Chiến lược tự doanh linh hoạt và bám sát diễn biến thị trường trong từng quý, Công ty chủ động giảm tỷ trọng đầu tư và có những quyết định kịp thời vào thời điểm Quý 1 và những tháng đầu Quý 2 khi TTCK giảm sâu để kiểm soát rủi ro. Ngay khi thị trường có tín hiệu chuyển biến tích cực sau khi dịch bệnh được kiểm soát, Công ty chủ động nâng tỷ trọng đầu tư đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ để gia tăng lợi nhuận, đồng thời thực hiện tốt kiểm soát rủi ro từ hoạt động tự doanh.

"Đầu tư linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn nhằm tận dụng các cơ hội từ thị trường để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận/vốn để gia tăng giá trị cho cổ đông của công ty".

Trong năm hoạt động giao dịch chứng chỉ quỹ ETF cũng được BVSC đặc biệt chú trọng, nhằm nâng cao vai trò làm thành viên lập quỹ (AP) đối với các quỹ ETF. Hiện tại, BVSC đã trở thành AP của một số quỹ ETF mới được thành lập như: quỹ ETF VFMVN30; quỹ ETF Vinacapital VN100, ETF VFMVN Diamond,… Việc trở thành AP của các quỹ ETF tạo điều kiện hỗ trợ để BVSC có thể thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ ETF đáp ứng nhu cầu khách hàng, ngoài ra việc các quỹ ETF này thực hiện một phần các giao dịch rebalancing tại BVSC giúp gia tăng thị phần giao dịch của Công ty.

LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Luôn tuân thủ chặt chẽ quy định của VSD, đảm bảo sự chuẩn mực, cẩn trọng trong quá trình triển khai nghiệp vụ, năm 2020 là năm thứ 3 liên tiếp BVSC được VSD vinh danh với giải thưởng Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở.

Trong năm Công ty đã tiếp nhận lưu ký chứng khoán cho các công ty mới niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX, UPCOM với số lượng trên 410 triệu cổ phần. Thực hiện chốt 4.500 danh sách lưu ký cổ phiếu và trái phiếu để tiến hành trả cổ tức, phát hành thêm cổ phiếu, lấy ý kiến cổ đông, đại hội cổ đông... Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 5,68 tỷ đồng, đạt 113,5% so với kế hoạch.

BVSC phối hợp chặt chẽ cùng với các Ngân hàng đáp ứng tốt các yêu cầu nộp rút tiền của khách hàng, thực hiện 772 giao dịch nộp và 3.813 giao dịch rút với tổng số tiền 2.108 tỷ đồng.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

Năm 2020, nắm bắt được cơ hội của thị trường TPDN, BVSC đã tập trung đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn thông qua phát hành TPDN. Kết quả đem lại cho hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành đạt mức tăng trưởng cao so với kế hoạch và cùng kỳ 2019, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2019	KH năm 2020	Năm 2020	% TH so với cùng kỳ	% TH so với KH 2020
Doanh thu hoạt động tư vấn và Bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.	11.086	11.160	21.471	193,69%	192,40%
- Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán	*63*	*7.660*	*14.621*	*23355,81%*	*190,88%*
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	*11.023*	*3.500*	*6.850*	*62,14%*	*195,71%*

Tổng giá trị TPDN phân phối thông qua BVSC là 2.200 tỷ đồng với nhiều thương vụ tiêu biểu như 02 đợt phát hành cho Công ty CP Đầu tư Bất động sản Hưng Lộc Phát, 02 đợt cho Công ty CP Danh Khôi Holdings....Bên cạnh đó, BVSC vẫn tiếp tục triển khai các hoạt động tư vấn truyền thống vốn là thế mạnh của BVSC như tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp, thu xếp vốn... Mảng hoạt động M&A cũng đang được tích cực đẩy mạnh, đặc biệt là phát triển được một số network buyside trong và ngoài nước (chủ yếu là buyside Nhật Bản, Hàn Quốc, Hongkong, Singapore). Năm 2020, Công ty đã hoàn thành tư vấn thương vụ hợp nhất CTCP Than Cao Sơn và CTCP Than Tây Nam Đá mài với tổng giá trị tài sản hơn 3.204 tỷ đồng.

Mặc dù chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong cơ cấu doanh thu, tuy nhiên doanh thu tư vấn đã liên tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong 3 năm qua, cho thấy định hướng dịch chuyển cung cấp dịch vụ phù hợp hơn với nhu cầu thị trường đã mang lại hiệu quả thực tế.

Tổng giá trị TPDN phân phối thông qua BVSC

2.200 *tỷ đồng*

Doanh thu Tư vấn & Bảo lãnh phát hành trong 3 năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

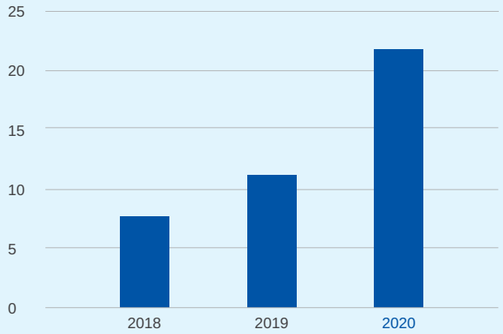

Tại Diễn đàn M&A 2020, BVSC tiếp tục được tôn vinh với giải thưởng "Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu của năm 2019-2020-Hạng mục Công ty Chứng khoán".

CÁC HOẠT ĐỘNG CHO VAY, PHẢI THU VÀ LÃI TIỀN GỬI

Hoạt động cho vay và phải thu đóng góp tỷ trọng doanh thu khá lớn vào kết quả kinh doanh năm 2020. Với quy mô vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu không lớn nhưng Công ty đã khai thác và quản trị nguồn vốn hợp lý, linh hoạt nhằm tối ưu hóa hiệu quả mang lại cho Công ty. Công ty đã khai thác tốt nguồn vốn vay ngắn hạn với lãi suất thấp tận dụng điều kiện vốn rẻ của thị trường. Phần lớn nguồn vốn được sử dụng để đảm bảo duy trì ổn định phục vụ cho hoạt động margin, ứng trước nhằm hỗ trợ thúc đẩy hoạt động môi giới, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Doanh thu hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi đạt 201,31 tỷ đồng bằng 111,90% so với kế hoạch.

Doanh thu hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi đạt

201,31

tỷ đồng

▲ bằng ***111,90%*** so với kế hoạch

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

Công tác quản lý và hỗ trợ

QUẢN LÝ GIAO DỊCH VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Hệ thống giao dịch của Công ty luôn được đảm bảo thông suốt, an toàn, đáp ứng quy mô giao dịch của khách hàng, cũng như cập nhật đầy đủ, nhanh chóng những thay đổi hệ thống để đáp ứng các quy định về giao dịch của Cơ quan quản lý, đặc biệt là việc vận hành hệ thống giao dịch thông suốt trong những giai đoạn công ty phải tổ chức làm việc từ xa để đối phó với Covid – 19.

Trong năm qua, bên cạnh việc liên tục bổ sung hàng hóa cho sản phẩm Ibond để đáp ứng nhu cầu khách hàng, BVSC đã chính thức cung cấp sản phẩm mới iDeposit nhằm giúp khách hàng tối ưu hiệu quả quản lý sử dụng nguồn vốn đầu tư, linh hoạt phân bổ tài sản phù hợp với diễn biến TTCK. Sự ra đời của iDeposit đã làm đa dạng hóa thêm danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh và chất lượng dịch vụ khách hàng của công ty.

NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH

Với gần 600 báo cáo phân tích theo các dòng sản phẩm khác nhau được thiết kế bám sát nhu cầu khách hàng như báo cáo ngành và công ty, báo cáo vĩ mô và thị trường, báo cáo định kỳ hàng ngày, tháng, quý cùng với các tư vấn thường xuyên trong phiên… hoạt động nghiên cứu và phân tích của BVSC đã và đang liên tục được cải thiện, nâng cao chất lượng, và bám sát nhu cầu nhà đầu tư. Mức độ bao phủ của các báo cáo phân tích trên tổng vốn hóa thị trường là 78,35% tại HNX và 85,25% tại HSX.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi Hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho các quỹ, tham gia các buổi trả lời phỏng vấn, tọa đàm thông qua báo chí, truyền hình … Thông qua các hoạt động này góp phần thúc đẩy xây dựng thương hiệu và nâng cao hình ảnh của BVSC.

Tên sản phẩm	Số lượng
01 Báo cáo phân tích ngành và công ty định kỳ hàng quý và hàng tháng	146
02 Báo cáo vĩ mô, phân tích kỹ thuật và thị trường hàng ngày	385
03 Báo cáo thăm doanh nghiệp (Company visit notes)	10

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nhận thức rõ từ sớm tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với mỗi doanh nghiệp, trong những năm gần đây việc chuyển đổi số luôn được BVSC chú trọng trên nhiều hoạt động, đặc biệt là việc duy trì và nâng cao hiệu năng của hệ thống công nghệ thông tin. Việc chuyển đổi số bước đầu đã đem lại thành quả cho BVSC như giúp cho khách hàng truy cập vào các dịch vụ trực tuyến dễ dàng hơn, giúp Ban lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác nhờ hệ thống báo cáo thông suốt, kịp thời. Khả năng thích ứng và phản ứng kịp thời của BVSC được minh chứng rõ hơn trong năm 2020 vừa qua trước bối cảnh Covid-19, BVSC nhanh chóng tổ chức lại quá trình vận hành từ việc giao tiếp, chỉ đạo, hội nghị, ra quyết định, đến triển khai thực hiện... đều có thể dựa trên các nền tảng trực tuyến. Qua đó đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được diễn ra liên tục ngay cả trong giai đoạn thực hiện cách ly xã hội theo quy định của Chính phủ.

Năm 2020, có thể nói là một năm tạo nền móng cho việc phát triển và mở rộng các dịch vụ mới hướng tới mục tiêu chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo. Mọi hoạt động công nghệ thông tin được tập trung vào 3 yếu tố: Hoàn thiện hạ tầng cơ sở, Phát triển nguồn nhân lực, Xây dựng ứng dụng cốt lõi, cụ thể như sau:

- BVSC đã hoàn tất dự án SD – Wan; triển khai hệ thống Disaster Recovery và điểm phát dịch vụ dự phòng DC HSX giúp BVSC có thể nâng cao tự chủ quản lý hệ thống mạng giao dịch trực tuyến cũng như khả năng backup, dự phòng sau thảm họa với các dữ liệu cốt lõi.

- Nguồn nhân lực cho hoạt động công nghệ thông tin đã được tái cơ cấu, sắp xếp chuyên nghiệp hóa, đào tạo nâng cao khả năng phản ứng trước những sự việc phát sinh một cách nhanh chóng và chủ động hơn, giảm thiểu các sự cố và rủi ro phát sinh về cả số lượng lẫn mức độ nghiêm trọng.

- BVSC hoàn tất dự án thay đổi hệ thống giao dịch trực tuyến mới B – wise, tạo nền tảng phát triển các ứng dụng mới cũng như nâng cao khả năng cạnh tranh về mặt công nghệ so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

PHÁP CHẾ VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Pháp chế

Một điểm nổi bật trong công tác pháp chế trong năm 2020, với sự ra đời của rất nhiều văn bản pháp lý quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty như: Luật doanh nghiệp 2020; 03 Nghị định và 11 Thông tư hướng dẫn Luật chứng khoán 2019. Luật chứng khoán 2019 và các Nghị định, thông tư hướng dẫn sẽ có hiệu lực thi hành từ đầu năm 2021 với nhiều điểm thay đổi đáng chú ý về tổ chức TTCK như: cơ chế bù trừ đối tác trung tâm; hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ; công bố thông tin; quản trị công ty; hoạt động của CTCK… điều này đặt ra thách thức trong công tác pháp chế phải chủ động nắm bắt, nghiên cứu có chiều sâu để Công ty triển khai vận hành hoạt động trên thực tế phù hợp với những thay đổi từ khung pháp lý. Trên nền tảng thay đổi của Luật và các Nghị định nêu trên, BVSC đã hoàn tất sửa đổi các văn bản nội bộ như Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty, và soạn thảo Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS và dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua, tạo nền tảng cho hoạt động trong năm 2021 khi các văn bản trên chính thức có hiệu lực.

Kiểm soát nội bộ

Kiểm soát tuân thủ định kỳ

Trong năm 2020, các phạm vi hoạt động của Công ty tiếp tục được mở rộng kiểm tra, rà soát, trong đó, chú trọng tới các phạm vi liên quan đến sản phẩm, nghiệp vụ Công ty mới triển khai cũng như những hoạt động tiềm ẩn rủi ro. Báo cáo KSNB thực hiện đánh giá tính tuân thủ của các phòng ban/bộ phận trong Công ty nhằm phát hiện những sai sót, rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của các bộ phận tác nghiệp và kinh doanh trực tiếp, từ đó, đưa ra các khuyến nghị.

Trong năm Công ty thực hiện 10 đợt kiểm soát tuân thủ tập trung vào các mảng hoạt động trọng yếu, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao như kiểm soát tuân thủ vận hành hệ thống CNTT, quy trình tác nghiệp và hạch toán giao dịch tiền, ký gửi chứng khoán, kiểm soát việc thực hiện các quy định về ủy quyền giao dịch, công tác lưu trữ hồ sơ tư vấn .... Bên cạnh đó, việc kiểm soát tuân thủ quy trình giao dịch trái phiếu Ibond là một nội dung mới được triển khai sau khi Công ty cho ra mắt sản phẩm Ibond.

Kết quả của các đợt kiểm soát tuân thủ định kỳ năm 2020 cho thấy:

- Các Phòng ban trong Công ty tuân thủ tốt theo các quy trình nội bộ Công ty và các quy định của pháp luật. Không có vi phạm tuân thủ hay sai sót ở mức độ trọng yếu trong quá trình tác nghiệp của các Phòng ban.
- Các sai sót đã được phát hiện từ các đợt kiểm soát tuân thủ định kỳ của các năm trước đều có xu hướng giảm, được các Phòng ban cải thiện và chỉnh sửa.
- Tiền và tài sản của khách hàng được quản lý tách bạch với tiền và tài sản của Công ty. Tài sản của Công ty được quản lý tốt hướng tới mục tiêu toàn vẹn và an toàn. Thông tin tài chính, thông tin quản lý, dữ liệu hoạt động kinh doanh đảm bảo tính tin cậy, chính xác, trung thực và được bảo mật.

Soát xét các báo cáo và hồ sơ giao dịch chứng khoán

Trong năm 2020, KSNB phối hợp với các phòng liên quan trong công tác soát xét báo cáo gửi tới các cơ quan quản lý Nhà nước. Bộ phận KSNB đã thực hiện soát xét hơn 103 báo cáo liên quan báo cáo hoạt động tháng, báo cáo tỷ lệ an toàn vốn khả dụng, báo cáo số dư tiền của nhà đầu tư. Đồng thời, bộ phận KSNB đã tiếp nhận, kiểm tra và lưu trữ hơn 16 nghìn lượt hồ sơ và phiếu lệnh giao dịch của khách hàng đảm bảo tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của các tài liệu lưu trữ.

TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Đại dịch Covid-19 đã mang lại những thách thức phải thay đổi để thích ứng đối với hoạt động truyền thông - phát triển thương hiệu. Việc đẩy mạnh truyền thông nội bộ nâng cao nhận thức về tổ chức vận hành trong dịch bệnh được Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu trong năm 2020. Phong trào **"BVSC - Chung tay tiết kiệm" được lan tỏa rộng rãi** giúp kiểm soát tốt chi phí, là cầu nối để người lao động đồng hành cùng công ty qua giai đoạn khó khăn, hay cuộc thi **"BVSC – Plank Challenge" và "BVSC – Chạy vì miền Trung"** theo hình thức offline giúp nâng cao sức khỏe của CBNV, đồng thời chung sức hỗ trợ đồng bào tại khu vực chịu nhiều thiên tai trên cả nước.

Các hoạt động truyền thông quảng bá được BVSC tập trung thực hiện thông qua mạng xã hội như chiến dịch quảng bá chương trình Future Broker với hàng ngàn lượt tiếp cận, thu hút lượng lớn học viên trẻ chất lượng tạo nguồn cung nhân lực và kiểm soát chất lượng nhân sự đầu vào và đầu ra cho Công ty; quảng bá sự kiện ra mắt sản phẩm mới iDeposit và sự kiến thay đổi nền tảng giao dịch trực tuyến B-Wise ...

Trong năm 2020 BVSC tiếp tục khẳng định thương hiệu chứng khoán uy tín và DN niêm yết minh bạch thông qua các giải thưởng từ cơ quan quản lý lẫn giới truyền thông, như **"Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu tại HNX"**, **"TOP 10 Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu trên HNX năm 2020"**, **"Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2020"** do VSD trao tặng; **"Tổ chức Tư vấn M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2019-2020 – Hạng mục Công ty Chứng khoán"** tại Diễn đàn M&A thường niên, **"Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững năm 2020"**, **"Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2020 - Nhóm vốn hóa vừa" và "Top 10 Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất"** tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2020, và các giải thưởng quốc tế như **"Best Brokerage House Vietnam 2020"** do International Business Magazine bình chọn.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tuyển dụng

Tỷ lệ tuyển dụng mới năm 2020 là 15.8%, trong đó, tuyển dụng mới đội ngũ nhân viên tại các phòng Giao dịch chiếm tỷ trọng 85%, phù hợp với định hướng kinh doanh trong năm. Song song với các kênh tuyển dụng truyền thống, năm vừa qua BVSC chính thức nghiên cứu phát triển một chương trình tuyển dụng hoàn toàn mới, là sự kết hợp giữa tuyển dụng, đào tạo và kèm cặp dựa trên mô hình khung năng lực ASK. Chương trình với tên gọi Future Broker 2020, đã thu hút hàng trăm ứng viên tham gia và là một kênh tuyển dụng chủ lực tạo nguồn cung nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong trung và dài hạn cho BVSC.

Năm 2020, lần thứ 2 liên tiếp BVSC được bình chọn trong TOP 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam do Anphabe phối hợp với VCCI đồng tổ chức.

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2020 là

564 người

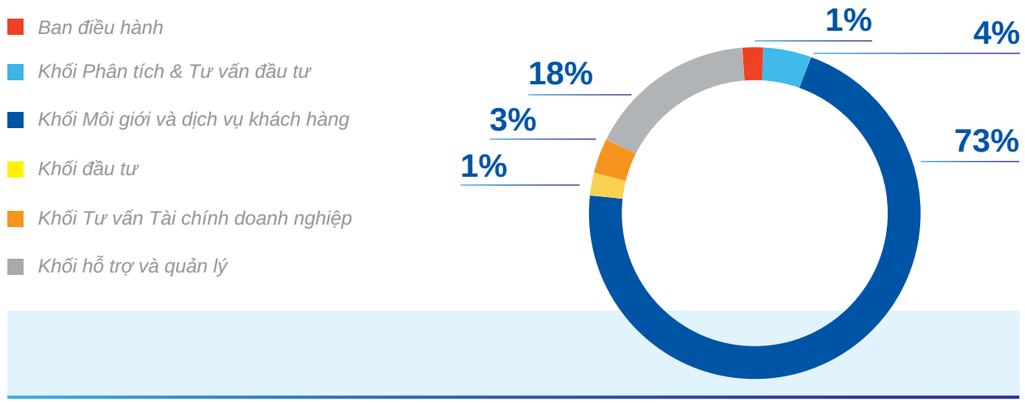

Đào tạo:

Số lượt cán bộ tham gia đào tạo

366 *lượt*

▲ ***9,6%*** so với năm 2019 (trong đó: 268 lượt cán bộ tham gia các chương trình đào tạo nội bộ).

Số giờ đào tạo đã thực hiện

11.462 *giờ*

▲ ***152%*** so với năm 2019 (trong đó 9.146 giờ đào tạo nội bộ và on job trainning).

Chi phí đào tạo năm 2020 đạt

1.6 *tỷ đồng*

▲ ***60%*** so với năm 2019.

- **Đào tạo nội bộ** tiếp tục được Công ty tập trung và đẩy mạnh trên nền tảng hệ thống đào tạo trực tuyến elearning và đào tạo trực tiếp. Chương trình Future Broker 2020 là một chương trình đào tạo nội bộ nổi bật nhất trong năm, do BVSC tự nghiên cứu phát triển. Chương trình được thiết kế với 03 giai đoạn Đào tạo – Huấn luyện – Thực chiến cùng 24 chuyên đề dành cho học viên định hướng theo đuổi nghề tư vấn đầu tư chuyên nghiệp.

- **Đào tạo nghiệp vụ chứng khoán (chứng chỉ hành nghề):** Trong năm Công ty cử 126 lượt cán bộ tham gia các khòa đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ chứng khoán.

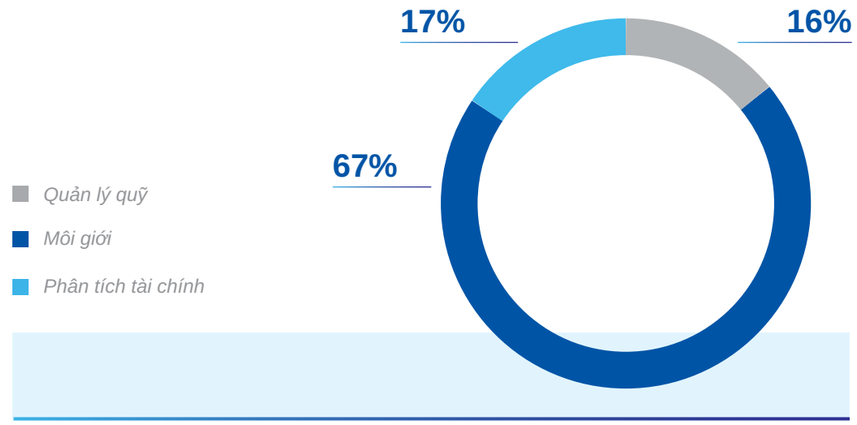

Biểu đồ cơ cấu lao động có CCHNCK

Đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng khác: Để đáp ứng nhu cầu phát triển Chương trình Future Broker 2020, Công ty đã triển khai một khóa đào tạo "Giảng viên nội bộ chuyên nghiệp" giúp trang bị kỹ năng dẫn giảng chuyên nghiệp các giảng viên nội bộ của BVSC. Bên cạnh việc thành công của chương trình Future Broker 2020 trên phương diện tuyển dụng và đào tạo nhân sự, thông qua chương trình này BVSC đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên nội bộ nòng cốt gồm 11 giảng viên nội bộ chuyên nghiệp, đáp ứng được nguồn lực cho nhu cầu đào tạo nội bộ trong những năm tiếp theo.

Song song, BVSC tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên thông qua các hình thức đa dạng (hội thảo, diễn đàn, tổ chức lớp học....) cho lao động tại tất cả các phòng ban theo hình thức cả trực tuyến lẫn trực tiếp, trong đó phần lớn là trực tuyến do ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (TIẾP THEO)

Đãi ngộ

Covid – 19 ảnh hưởng toàn bộ nền kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao và thu nhập của NLĐ tại nhiều ngành nghề bị sụt giảm, trong bối cảnh đó, thu nhập bình quân của người lao động tại BVSC đạt mức 21.7 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 8% so với năm 2019, các cơ hội việc làm và mọi chế độ phúc lợi cho người lao động được đảm bảo duy trì đầy đủ.

Lương hàng tháng được trả trên mức lương thỏa thuận với người lao động dựa trên 03 yếu tố chính là năng lực, khả năng giải quyết vấn đề, và phạm vi trách nhiệm. Trong năm 2020 Công ty cũng đã thực hiện xây dựng và ban hành thang bảng lương cơ bản mới nhằm đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên nguyên tắc cốt lõi là kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của từng cá nhân đóng góp vào kết quả chung của toàn Công ty. Đối với khối môi giới, chính sách thưởng kinh doanh được xây dựng dựa trên doanh thu và hiệu quả kinh doanh mang lại. Đối với khối quản lý và hỗ trợ, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm và thời gian làm việc thực tế trong năm. Điểm mới trong chính sách đãi ngộ năm 2020, cùng với sự ra mắt các sản phẩm, dịch vụ mới, công ty đã ban hành các chính sách mới như Thưởng kinh doanh đối với hoạt động iDeposit, Thưởng phân phối trái phiếu doanh nghiệp dành cho đội ngũ môi giới

Ngoài lương và thưởng, NLĐ được nhận các khoản phúc lợi bằng tiền mặt vào các dịp đặc biệt trong năm như ngày lễ 30/4 và 2/9, ngày thành lập Công ty.....và các khoản phụ cấp như ăn trưa, phụ cấp điện thoại,..

Tổng quan cơ cấu đãi ngộ tài chính năm 2020

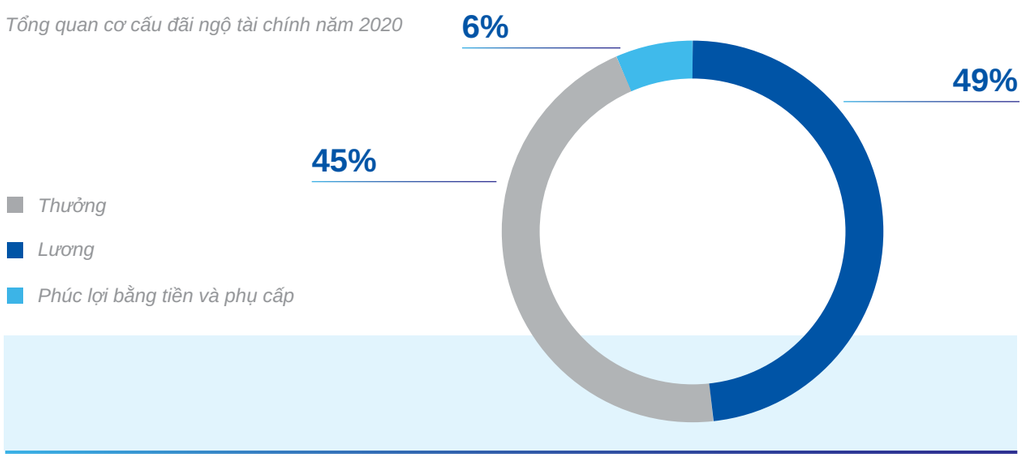

Danh mục đãi ngộ tài chính

Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng
Lương theo công việc	Ăn trưa	Thưởng HQLV (áp dụng đối với phòng ban khối quản lý và hỗ trợ)
Lương tháng thứ 13	Đồng phục	Thưởng kinh doanh (áp dụng đối với phòng ban kinh doanh)
Lương làm thêm giờ lên đến 350%	Điện thoại	Thưởng theo các chương trình thi đua
Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà NLĐ chưa nghỉ	Công việc đặc thù	

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (TIẾP THEO)

Về chính sách phúc lợi, năm 2020, Công ty đảm bảo duy trì đầy đủ các quyền lợi của người lao động. Gói sản phẩm bảo hiểm ưu việt của BVSC là một trong những chính sách phúc lợi chính dành cho người lao động bao gồm BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm nhân thọ và Bảo hiểm các bệnh ung thư.

Sản phẩm	Ý nghĩa	Quyền lợi	Thực hiện trong năm 2020
BHXH, BHYT, BHTN	• Đảm bảo tuân thủ theo đúng quỹ định của Nhà nước để xây dựng hệ thống an sinh xã hội • Hỗ trợ tài chính NLĐ khi ốm đau, tai nạn, thai sản, mất việc làm, nghỉ hưu lúc tuổi già	• Được hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước	• Thực hiện đóng bảo hiểm đầy đủ theo đúng quy định cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty • Tổng chi phí BHXH, BHYT, BHTN năm 2020: 6.8 tỷ đồng
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Từ năm 2010)	• Bảo vệ rủi ro và chia sẻ tài chính cho cán bộ trước những rủi ro tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc trong các trường hợp thai sản	• Được bảo vệ rủi ro trong phạm vi vùng lãnh thổ tại Việt Nam, khu vực Châu Á Thái Bình Dương và phạm vi toàn cầu tương ứng với từng cấp bậc nhân sự • Được chi trả quyền lợi bảo hiểm tối đa tương ứng với từng cấp bậc nhân sự, mức bảo hiểm từ 105 triệu đồng/ người tới 5.2 tỷ đồng/ người	• Số lượng cán bộ đã được khám và chữa bệnh năm 2020: 239 lượt cán bộ • Tổng quyền lợi bảo hiểm được chi trả năm 2020: 891 triệu đồng
Bảo hiểm nhân thọ (Từ năm 2015)	• Bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho NLĐ trước các rủi ro không mong muốn trong suốt quá trình làm việc tới khi nghỉ hưu • Tích lũy tài chính để bổ sung thêm thu nhập bên cạnh lương hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước khi nghỉ hưu	• NLĐ sẽ được hưởng giá trị giải ước của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khi nghỉ hưu hoặc một phần/ toàn bộ khi tất toán hợp đồng trước thời hạn nghỉ hưu • Nếu không may xảy ra rủi ro về tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn sẽ được cơ quan bảo hiểm chi trả bồi thường	• Công ty tiếp tục thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho toàn bộ NLĐ trong năm 2020
Bảo hiểm các bệnh Ung thư (K - Care) (Từ năm 2017)	• Chia sẻ rủi ro và hỗ trợ tài chính trước nguy cơ các bệnh ung thư ngày một gia tăng trước sức ép về ô nhiễm môi trường, thực phẩm ...	• Được chi trả quyền lợi bảo hiểm bằng tiền theo mức tối đa tương ứng với từng cấp bậc nhân sự ngay khi phát hiện bệnh để NLĐ có khoản tài chính chữa bệnh với mức bảo hiểm từ 292 triệu đồng/ người tới 1.17 tỷ đồng/ người	• Công ty tiếp tục thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm các bệnh Ung thư cho toàn bộ NLĐ trong năm 2020

Ngoài ra, năm 2020, Công ty đã thực hiện triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại Bệnh viện quốc tế với chất lượng khám và dịch vụ tốt, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật cũng như quyền lợi của người lao động, giúp người lao động thêm sự an tâm khi làm việc.

Danh mục Phúc lợi

Biểu đồ phúc lợi cho NLĐ năm 2018 – 2020

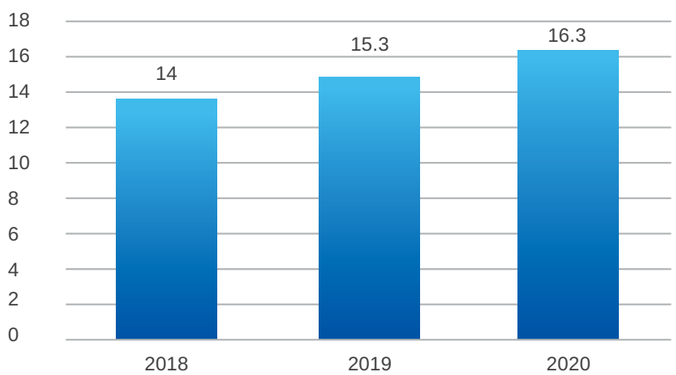

(Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương Phát triển bền vững, từ trang 162 đến trang 215 báo cáo này).

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

Phân tích tình hình tài chính

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*			
Tổng giá trị tài sản	2.397.853	3.412.993	42,34%
Doanh thu thuần	563.655	594.150	5,41%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	151.292	154.374	2,04%
Lợi nhuận khác	(129)	(42)	-67,83%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	151.163	154.332	2,10%
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện trước thuế	143.292	124.469	-13,14%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	135.510	132.380	-2,31%
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện sau thuế	127.930	105.029	-17,90%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.646	1.389	-15,61%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	714%	518%	-27,45%

- Tổng tài sản năm 2020 đạt 3.412,99 tỷ đồng, tăng 1.015,14 tỷ đồng, tương đương mức tăng 42,34% so với cùng kỳ năm trước. Các khoản mục tài sản của Công ty tăng chủ yếu là đầu tư tài sản tài chính và các khoản cho vay để đáp ứng cho các hoạt động đầu tư tự doanh và triển khai dịch vụ cho vay margin - ứng trước phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty.

- Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCKNN. Năm 2020, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 518%, bằng 2,88 lần so với mức tỷ lệ an toàn cho phép và ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty

Tổng tài sản

▲ 42,34%

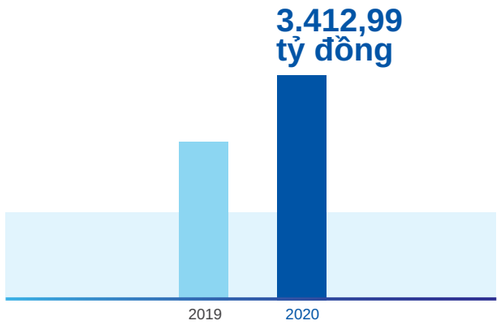

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán tổng quát: Tổng tài sản / Tổng nợ	4,06	2,22	-1,84
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	12,26	2,15	-10,11
+ Hệ số thanh toán nhanh *(Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn)*	12,02	2,13	-9,89
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Vốn chủ / Tổng Nguồn vốn	75,34%	54,93%	-20,41%
+ Hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn	24,66%	45,07%	20,41%
+ Hệ số vay ngắn hạn / Tổng nguồn vốn	4,17%	26,22%	22,05%
+ Hệ số vay dài hạn / Tổng nguồn vốn	17,11%	3,43%	7,14%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	32,72%	82,05%	49,33%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay các khoản phải thu *(Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân)*	16,26	18,42	2,17
+ Vòng quay Vốn lưu động *(Doanh thu thuần/Vốn Lưu động bình quân)*	0,31	0,32	0,02
+ Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)*	0,21	0,20	-0,01
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	26,82%	25,98%	-0,84%
Lợi nhuận thực hiện trước thuế / DT thuần	***25,42%***	***20,95%***	***-4,47%***
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	24,04%	22,28%	-1,76%
Lợi nhuận thực hiện sau thuế / DT thuần	***22,70%***	***17,68%***	***-5,02%***
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	26,84%	25,98%	-0,86%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE	7,50%	7,06%	-0,44%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	5,65%	3,88%	-1,77%

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Về khả năng thanh toán: Năm 2019, Công ty sử dụng đòn bẩy nợ tỷ lệ rất thấp với Hệ số nợ/Tổng Nguồn vốn chỉ đạt 24,66% và Hệ số nợ/Vốn Chủ sở hữu là 32,72%, do đó các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty rất cao, với hệ số khả năng thanh toán tổng quát là 4,06 lần, hệ số thanh toán nhanh là 12,02 lần, gấp 12 lần so với hệ số thanh toán an toàn là 1 lần. Năm 2020, Công ty đã có sự thay đổi khi tăng sử dụng đòn bẩy nợ, đồng thời dịch chuyển giảm nguồn vay nợ dài hạn từ phát hành trái phiếu sang tăng sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn nhằm giảm chi phí vốn cho Công ty, từ đó làm giảm các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty, tuy nhiên các chỉ tiêu khả năng thanh toán sau dịch chuyển vẫn ở mức cao. Cụ thể hệ số khả năng thanh toán tổng quát của Công ty đang ở mức 2,22 lần, giảm 1,84 lần so với cùng kỳ năm trước; hệ số thanh toán nhanh ở mức 2,13 lần, giảm 9,89 lần so với cùng kỳ năm trước. Các chỉ tiêu thanh toán của BVSC mặc dù có giảm nhưng vẫn ở mức gấp hơn 2 lần so với hệ số thanh toán an toàn là 1 lần, thể hiện khả năng thanh toán các nghĩa vụ phải trả của Công ty vẫn luôn được đảm bảo, trong năm không phát sinh khoản nợ xấu, nợ quá hạn phải trả, không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Các nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và đối tác/ khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như quy định cũng như cam kết giữa các bên.

Cơ cấu vốn của công ty

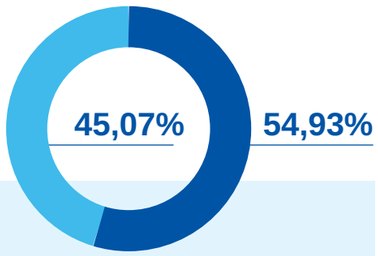

Về cơ cấu vốn: Năm 2020, Công ty đã đẩy mạnh việc tận dụng các nguồn vốn vay với lãi suất thấp trong ngắn hạn, giảm nguồn vay nợ dài hạn từ phát hành trái phiếu nhằm giảm chi phí vốn cho Công ty. Theo đó, cơ cấu vốn của Công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể giữa Vốn chủ sở hữu và các khoản Nợ phải trả, tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn giảm từ 75,34% năm 2019 xuống 54,93% tại ngày 31/12/2020 và tỷ lệ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn tăng từ 24,66% năm 2019 lên 45,07% năm 2020. Các hệ số vay/tổng nguồn vốn cũng có mức gia tăng nhưng chỉ tập trung tăng mạnh ở hệ số vay ngắn hạn/ tổng nguồn vốn từ 4,17% lên 26,22%; trong khi hệ số vay dài hạn/tổng nguồn vốn lại giảm mạnh từ 17,11% xuống còn 3,43%. Điều này cho thấy, năm 2020, BVSC đã đẩy mạnh việc tận dụng các nguồn vốn vay giá rẻ, lãi suất thấp trong ngắn hạn để để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chính, nâng cao đòn bẩy tài chính giúp gia tăng khả năng cung cấp dịch vụ cho vay của Công ty trong bối cảnh mặt bằng lãi suất cho vay sụt giảm mạnh năm vừa qua.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động gồm các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản cho biết khả năng "vận động" Công ty trong năm tài chính 2020, cụ thể:

- Hệ số vòng quay các khoản phải thu của Công ty năm 2020 đạt 18,42 lần, tăng 2,17 lần so với năm 2019, điều này cho thấy Công ty quản lý việc thu hồi công nợ tốt, tốc độ thu hồi các khoản phải thu tăng lên, trong năm không có phát sinh mới các khoản phải thu quá hạn và các khoản phải thu từ đối tác giảm mạnh so với năm trước, điều này giúp cho Công ty chủ động linh hoạt được luồng tiền trong hoạt động kinh doanh.

- Vòng quay vốn lưu động đạt 0,32 lần, tăng nhẹ 0,01 lần so với cùng kỳ năm trước. Đây là một chỉ tiêu tổng hợp đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty. Vòng quay Vốn lưu động của Công ty tăng nhẹ cho thấy tốc độ tăng Doanh thu lớn hơn tốc độ tăng Vốn lưu động bình quân trong năm. Năm 2020, Công ty đã bố trí cơ cấu vốn ở mức khá an toàn và hợp lý, hiệu quả tối ưu hóa nguồn vốn lưu động giúp doanh thu được cải thiện và gia tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Vòng quay Tổng tài sản của Công ty đạt 0,20 lần, giảm 0,01 lần so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty, mặc dù doanh thu tăng 5,41% so với cùng kỳ năm trước nhưng tổng tài sản bình quân của Công ty tăng 9,12% so với cùng kỳ năm trước do Công ty đẩy mạnh mở rộng quy mô hoạt động, thay đổi cơ cấu vốn, tăng nguồn đầu tư tài sản tài chính và cho vay vào thời điểm cuối năm nên hiệu quả tăng tài sản này chưa phản ánh kịp thời vào doanh thu trong kỳ.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời

- Năm 2020 các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của BVSC giảm nhẹ so với năm 2019. Cụ thể:
- Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần đạt 25,98% giảm nhẹ 0,84% so với năm trước, trong đó, Lợi nhuận thực hiện trước thuế/ Doanh thu thuần cũng đạt 20,95% và giảm 4,47% so với năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần của Công ty đạt 22,28% giảm 1,76% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Doanh thu thuần đạt 17,68% giảm 5,02% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2020, doanh thu của Công ty tăng 5,41% so với cùng kỳ năm trước nhưng tổng chi phí cũng tăng 6,65%, trong đó chi phí kinh doanh cũng tăng 11,84% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí kinh doanh tăng chủ yếu được dùng để thúc đẩy cho các hoạt động có sự tăng trưởng doanh thu mạnh như môi giới và tự doanh với mức tăng trưởng doanh thu lần lượt là 11,4% và 10,4% . Tuy nhiên, trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, và thị trường sự biến động mạnh do ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19, mặt bằng lãi suất sụt giảm mạnh trong năm 2020 nên doanh thu hoạt động cho vay và phải thu giảm dẫn đến tốc độ tăng trưởng doanh thu không cao. Theo đó, lợi nhuận của Công ty mặc dù hoàn thành kế hoạch kinh doanh nhưng đã có sự giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, làm cho chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 7,06% giảm nhẹ 0,44% so với cùng kỳ năm trước do Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm nay có suy giảm nhẹ 0,02% so với năm 2019, nhưng vẫn hoàn thành kế hoạch đề ra trong khi Vốn chủ sở hữu lại tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước do được bổ sung từ khoản lợi nhuận sau thuế năm 2020.

- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản ROA đạt 3,88% giảm 1,77% so với cùng kỳ năm trước do Lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm nhẹ trong khi đó tổng tài sản lại tăng cao (tăng 1.015,14 tỷ đồng tương ứng mức tăng 42,34% so với cùng kỳ năm trước) đến từ việc Công ty chuyển dịch cơ cấu, huy động nguồn vốn vay để bổ sung cho các hoạt động tự doanh, cho vay margin, ứng trước, cùng một số hoạt động kinh doanh khác.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng 2019	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	Số tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Tài sản ngắn hạn	**2.216.766**	**92,45%**	**3.057.482**	**89,58%**	**840.716**	**37,93%**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	174.237	7,27%	88.878	2,60%	(85.359)	-48,99%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.999.648	83,39%	2.941.570	86,19%	941.922	47,10%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	39.861	1,66%	24.644	0,72%	(15.217)	-38,18%
4. Tài sản ngắn hạn khác	3.020	0,13%	2.390	0,07%	(630)	-20,87%
B. Tài sản dài hạn	**181.087**	**7,55%**	**355.511**	**10,42%**	**174.424**	**96,32%**
5. Tài sản cố định	16.847	0,70%	17.249	0,51%	402	2,39%
6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	118.581	4,95%	304.361	8,92%	185.780	156,67%
7. Tài sản dài hạn khác	45.659	1,90%	33.901	0,99%	(11.758)	-25,75%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN:	**2.397.853**	**100%**	**3.412.993**	**100%**	**1.015.140**	**42,34%**

**** Cơ cấu tài sản:***

Tài sản năm 2020 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 89,58% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 10,42% tổng tài sản.

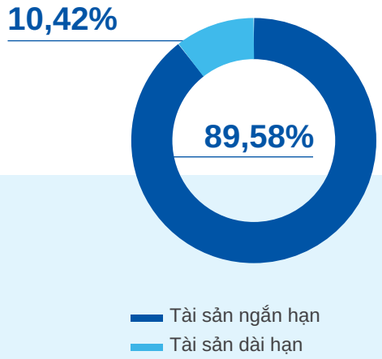

Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản:

- Tiền và tương đương tiền: bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền, chiếm 2,60% trong tổng tài sản.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn: gồm các khoản đầu tư tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay, đầu tư chứng khoán tự doanh, chiếm 86,19% trong tổng tài sản.
- Các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 0,79% trong tổng tài sản.

Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 8,92% và tài sản cố định, các khoản tài sản dài hạn khác chiếm 0,99% trong tổng tài sản.

**** Biến động của Tài sản:***

Tổng tài sản năm 2020 của Công ty đạt đạt 3.412,99 tỷ đồng, tăng 1.015,14 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 42,34% chủ yếu tăng từ tài sản ngắn hạn 840,72 tỷ đồng và tăng tài sản dài hạn 174,42 tỷ đồng, cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

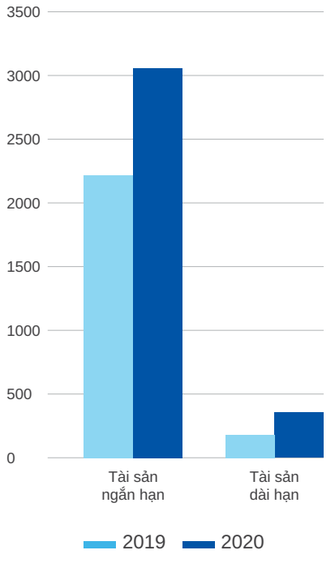

- Tài sản *ngắn hạn* tăng 840,71 tỷ đồng tương ứng mức tăng 37,93% chủ yếu từ:
  - Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 941,92 tỷ đồng tương ứng mức tăng 47,10% so với cùng kỳ năm trước, do trong năm 2020 thị trường chứng khoán biến động mạnh, Công ty tập trung nguồn lực và huy động vốn phục vụ hoạt động cho vay và đầu tư tự doanh (cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ…) theo diễn biến thuận lợi của thị trường.
  - Các khoản tiền và tương đương tiền giảm giảm 85,36 tỷ tương ứng mức giảm 48,99% đồng do trong năm Công ty giảm các khoản tiền gửi lãi suất thấp để dịch chuyển nguồn vốn sang đầu tư tài sản tài chính, cho vay ngắn hạn.

- Tài sản *dài hạn* tăng 174,42 tỷ đồng tương ứng mức tăng 96,32% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do khoản đầu tư chứng khoán dài hạn tăng 185,78 tỷ đồng tương ứng mức tăng 156,67% theo diễn biến tăng trưởng thuận lợi của thị trường chứng khoán thời điểm cuối năm 2020. Bên cạnh đó, khoản tài sản dài hạn khác giảm 11,76 tỷ đồng tương ứng mức giảm 25,75% do Công ty phân bổ các khoản trả trước dài hạn vào chi phí trong kỳ.

Phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

Phân tích tình hình tài chính (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN, TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng 2019	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	Số tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Nợ phải trả	**591.220**	**24,66%**	**1.538.249**	**45,07%**	**947.029**	**160,18%**
I. Nợ ngắn hạn	180.865	7,54%	1.421.266	41,64%	1.240.401	685,82%
II. Nợ dài hạn	410.355	17,11%	116.983	3,43%	(293.372)	-71,49%
B. Vốn chủ sở hữu	**1.806.633**	**75,34%**	**1.874.744**	**54,93%**	**68.110**	**3,77%**
I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332.096	55,55%	1.332.096	39,03%		
I. Các quỹ và LN chưa phân phối	474.537	19,79%	542.648	15,90%	68.110	14,35%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**2.397.853**	**100%**	**3.412.993**	**100%**	**(1.015.140)**	**42,34%**

Cơ cấu Nguồn vốn

Nguồn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nguồn vốn chủ sở hữu, chiếm 54,93% chủ yếu là vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối; phần còn lại là các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn phải trả chiếm 45,07% tổng nguồn vốn.

Biến động Nguồn vốn

- Nợ phải trả của Công ty năm 2020 là 1.538,25 tỷ đồng tăng 947,23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức tăng 160,18% chủ yếu tăng từ các khoản nợ phải trả ngắn hạn, cụ thể:
- Nợ ngắn hạn tăng 1.240,40 tỷ đồng tương ứng mức tăng 685,82% do tăng từ các khoản vay ngắn hạn 795,0 tỷ đồng, các khoản phải khác tăng 414,3 tỷ đồng (phải trả mua chứng khoán tự doanh, phải trả đặt cọc môi giới trái phiếu và các khoản phải trả khác).
- Nợ dài hạn giảm 293,37 tỷ đồng tương ứng mức giảm 71,49% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu giảm từ khoản trái phiếu Công ty phát hành đến kỳ đáo hạn.

Việc giảm mạnh các khoản nợ dài hạn và tăng các khoản nợ ngắn hạn cho thấy Công ty đang quản lý nguồn vốn rất linh hoạt, tận dụng những nguồn huy động vốn ngắn hạn với lãi suất thấp trên thị trường tài chính để bổ sung nguồn vốn kinh doanh; đáp ứng nguồn vốn cho đầu tư ngắn hạn và cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, làm đòn bẩy thúc đẩy hoạt động giao dịch và các hoạt đông khác, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Cùng với việc đẩy mạnh huy động nguồn vốn ngắn hạn, Công ty vẫn tăng cường kiểm soát nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán nợ đúng hạn. Công ty không có khoản nợ xấu và nợ quá hạn phải trả.

Vốn chủ sở hữu

Năm 2020 đạt 1.874,74 tỷ đồng tăng 68,11 tỷ đồng tương ứng mức tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước. Vốn chủ sở hữu tăng do được bổ sung từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau khi trừ đi cổ tức đã chi trả cho cổ đông và trích lập các quỹ theo quy định.

Qua phân tích tình hình tài chính năm 2020 cho thấy tình hình tài chính của BVSC có tính ổn định; Công ty đạt mục tiêu phát triển các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả nhưng vẫn chú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của BVSC luôn thể hiện tính minh bạch, hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quản lý và các đối tượng liên quan.

Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp theo quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một số tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán). Năm 2020, nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt **93/100** điểm. Tình hình tài chính ổn định, vững mạnh là một trong những yếu tố giúp Công ty được xếp loại A theo quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán của Ủy ban chứng khoán.

(Tham khảm tại trang 217 báo cáo này.)

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

Những tiến bộ trong năm

KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG NHANH TRƯỚC THÁCH THỨC CỦA ĐẠI DỊCH COVID - 19

Ngay khi Việt Nam có dấu hiệu bùng phát dịch Covid – 19, BVSC đã nhanh chóng đánh giá rủi ro và đưa ra các biện pháp ứng phó và phòng chống dịch nghiêm ngặt nhằm đảm bảo giữ vững hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn. BVSC đã nhanh chóng triển khai đồng loạt các nhóm giải pháp để đối phó với Covid – 19. Công ty thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid – 19 bao gồm toàn bộ Ban điều hành và các lãnh đạo chủ chốt để thường xuyên liên tục chỉ đạo kịp thời về các tình huống phát sinh, tổ chức vận hành chế độ làm việc từ xa (WFH) dựa trên các nền tảng công nghệ như Zoom meeting, AnyDesk, Mobile Trading....; Toàn bộ NLĐ tại BVSC triển khai khai báo y tế hàng ngày, đồng thời tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của NLĐ và Khách hàng trong việc tuân thủ các biện pháp phòng dịch, xây dựng kế hoạch cắt giảm chi phí vận hành không thực sự thiết yếu & phát động các phong trào để NLĐ đồng hành cùng Công ty vượt qua giai đoạn Covid – 19.....Với một loạt biện pháp được triển khai đồng bộ và nhất quán đã đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh ngay cả trong giai đoạn dãn cách xã hội, góp phần duy trì sự ổn định về dịch vụ đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng, Công ty hoàn thành vượt kế hoạch mục tiêu đề ra, đảm bảo ổn định về sức khỏe và thu nhập cho NLĐ.

RA MẮT NỀN TẢNG WEB TRADING MỚI VỚI TÊN GỌI B-WISE & SẢN PHẨM MỚI IDEPOSIT

Nền tảng giao dịch trực tuyến B-Wise đã chính thức ra mắt vào ngày 26/11/2020, thay thế hệ thống BVS@Trade là phiên bản web trading đầu tiên của BVSC. B-Wise là sự kết hợp giữa phần lõi CNTT bảo mật, hiện đại và giao diện trải nghiệm liền mạch, xuyên suốt, hỗ trợ quá trình đầu tư chứng khoán của khách hàng. Với B-Wise, khách hàng có thể Đặt lệnh ngay trên bảng giá BVS@LiveBoard cùng với các tính năng vượt trội là công cụ hỗ trợ KH quản lý tài sản hiệu quả. Đây là nền tảng quan trọng cho việc phát triển các ứng dụng số dành cho khách hàng trong thời gian tới.

Tháng 10/2020, Công ty đã chính thức cung cấp sản phẩm mới iDeposit nhằm giúp khách hàng tối ưu hiệu quả quản lý sử dụng nguồn vốn đầu tư, linh hoạt phân bổ tài sản phù hợp với diễn biến TTCK. Sự ra đời của sản phẩm iDeposit đã làm đa dạng hóa thêm danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh và chất lượng dịch vụ khách hàng của công ty

TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH FUTURE BROKER 2020 - XÂY DỰNG THẾ HỆ NHÂN SỰ MỚI

BVSC chính thức nghiên cứu phát triển một chương trình tuyển dụng hoàn toàn mới, là sự kết hợp giữa tuyển dụng, đào tạo và kèm cặp dựa trên mô hình khung năng lực ASK. Chương trình với tên gọi Future Broker 2020, đã thu hút hàng trăm ứng viên tham gia và là một kênh tuyển dụng chủ lực tạo nguồn cung nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong trung và dài hạn cho BVSC. Thành công của chương trình Future Broker 2020 không chỉ trên phương diện tuyển dụng và đào tạo nhân sự, thông qua chương trình này BVSC đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên nội bộ nòng cốt gồm 11 giảng viên nội bộ chuyên nghiệp, đáp ứng được nguồn lực cho nhu cầu đào tạo nội bộ trong những năm tiếp theo.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý trong năm

- Công ty đã thực hiện thành lập 03 ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm Ủy ban quản trị công ty, bổ nhiệm, và thù lao; Ủy ban quản trị rủi ro và Alco, Ủy ban kiểm toán. Việc thành lập 03 Ủy ban này giúp mô hình quản trị của BVSC tiếp tục được kiện toàn dựa trên những thông lệ quốc tế tốt về quản trị công ty, đồng thời theo chuẩn mực khu vực Asean.

- Công ty đã hoàn tất các thủ tục liên quan đến hợp nhất các phòng ban hỗ trợ và quản lý tại Trụ sở chính và Chi nhánh TP. HCM bao gồm Phòng Tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Lưu ký, BP Kiểm soát nội bộ nhằm quản lý tập trung, đảm bảo tính nhất quán trong công tác điều hành, sự đồng bộ từ định hướng chiến lược đến thực thi giải pháp, xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Trong năm 2020, Công ty ban hành một số chính sách mới trong công tác quản lý như Quy định về chế độ làm việc từ xa, chính sách trả thưởng phân phối trái phiếu DN.... nhằm đáp ứng những thay đổi trong thực tế hoạt động.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó, không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

04

Kế hoạch 2021

- Dự báo nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán năm 2021 144
- Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2021 148

01. Dự báo nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2021

Dự báo nền Kinh tế

CƠ HỘI 2021

Đại hội Đảng lần thứ XIII thành công

Mở đầu cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2026; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của giai đoạn 2021-2030 cũng như là tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045. Với bộ máy nhân sự mới, nền kinh tế được kỳ vọng có một môi trường mới và ổn định để phát triển.

Chính phủ tiếp tục quan tâm tới hỗ trợ tăng trưởng

Tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Trong năm 2020, Chính phủ đã ban hành nhiều giải pháp, chính sách quan trọng về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Năm 2021, một số chính sách vẫn còn hiệu lực cùng với một số chính sách đang được đề xuất sẽ tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.

Tăng trưởng GDP bật mạnh trở lại từ nền thấp 2020

Nhờ việc vaccine covid 19 bắt đầu được đưa vào sử dụng và có hiệu quả, các hoạt động kinh tế xã hội có thể trở lại bình thường. Trên cơ sở đó, tăng trưởng GDP của Việt Nam được đánh giá sẽ bật tăng mạnh trở lại (theo BVSC GDP 2021 sẽ tăng trưởng quanh mức 7%) từ nền thấp của năm 2020.

Đầu tư công sẽ tiếp tục được đẩy mạnh giải ngân

Theo báo cáo của Chính phủ, tổng số vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2021 dự kiến là 477.300 tỷ đồng, tăng 1,4% so với kế hoạch của năm 2020 và 2,2% so với con số thực hiện trong năm ngoái. Đây là lượng giải ngân tương đối lớn trong bối cảnh kinh tế trong nước cũng như quốc tế vẫn đang chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong giai đoạn cuối năm 2020 và 2021.

Môi trường lãi suất thấp được dự báo sẽ vẫn được duy trì trong năm 2021

Dự báo mặt bằng lãi suất dài hạn trong năm 2021 sẽ ổn định ở mức thấp, tương đương mặt bằng cuối năm 2020 nhờ: (i) CPI trung bình cho cả năm 2021 sẽ ngang bằng mức của năm 2020 (3-3,5%); (ii) Xu hướng duy trì chính sách tiền tệ siêu nới lỏng của ngân hàng trung ương các nước lớn trên thế giới. Dư địa để cắt giảm thêm lãi suất huy động dài hạn vẫn còn nhưng không nhiều (dưới 0,5%) và sẽ phụ thuộc rất lớn vào diễn biến của tăng trưởng tín dụng trong năm 2021. Ngoài ra, việc ngân hàng nhà nước thực hiện lộ trình giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn từ 40% về 37% vào đầu quý IV/2021 cũng sẽ khiến lãi suất kỳ hạn dài khó giảm thêm trong nửa cuối năm 2021. Tuy nhiên, lãi suất có thể có biến động tăng nhẹ trở lại vào nửa cuối năm 2021 khi nền kinh tế thực sự thoát khỏi ảnh hưởng của Covid-19 và cầu tiêu dùng, cầu sản xuất tăng trưởng trở lại.

THÁCH THỨC 2021

Diễn biến bất ngờ của chỉ số lạm phát

Ở thời điểm đầu năm, chỉ số lạm phát được dự báo giảm hoặc thấp do mức nền cao của nửa đầu năm 2020. Tuy nhiên, lạm phát nhiều khả năng sẽ tăng trở lại sau đó, khi dịch Covid được kiểm soát. Với sự hồi phục của nền kinh tế, nhu cầu tiêu dùng tăng lên, giá cả của một số nguyên vật liệu đang có dấu hiệu bật tăng trở lại như dầu khí, thép, hay giá của lương thực, thực phẩm.

Một số rủi ro tiềm ẩn đối với kinh tế vĩ mô do tác động của dịch bệnh Covid-19

Cần theo dõi như: Dịch bệnh Covid-19 có thể vẫn diễn biến phức tạp do quan ngại chủng biến thể mới của Covid-19. Tuy vậy, xác suất xảy ra những rủi ro trên hiện được đánh giá ở mức trung bình thấp. Nhiều doanh nghiệp trong nước phá sản do thiếu nguồn tiền hoạt động, nợ xấu ngân hàng tăng cao, rủi ro thanh khoản cho hệ thống ngân hàng, thị trường bất động sản đóng băng, tỷ lệ thất nghiệp tăng dẫn tới bất ổn xã hội…

Ngân hàng TW các nước dừng các gói kích thích kinh tế

Chuyển mục tiêu từ hỗ trợ tăng trưởng sang kiểm soát lạm phát. Sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, nhiều nền kinh tế được dự báo sẽ tăng trưởng trở lại, chính sách tiền tệ nhiều khả năng sẽ không còn tiếp tục được nới lỏng như hiện nay. Đối mặt với đại dịch Covid trong năm vừa qua, nhiều ngân hàng trung ương đã bơm lượng tiền lớn ra thị trường thông qua các gói hỗ trợ kinh tế các nhau và cam kết sẽ duy trì những chính sách nới lỏng cho tới khi dịch Covid được kiểm soát. Do đó, trước tình hình dịch bệnh có những diễn biến tích cực khi số ca nhiễm mới mỗi ngày giảm và việc tiêm vaccine ngừa Covid-19 tiếp tục được thúc đẩy, nhiều quốc ta đã nhìn thấy triển vọng dịch bệnh được kiểm soát và kinh tế tăng trưởng trong năm 2021, qua đó, dần thắt chặt các chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát.

BVSC DỰ BÁO CÁC CHỈ TIÊU VĨ MÔ NĂM 2021

Các chỉ tiêu chính	2020	2021	
		Mục tiêu của Chính phủ	BVSC dự báo
Tăng trưởng GDP (%)	2,9	6%	7%
Lạm phát bình quân (%)	3,24	Khoảng 4	3-3.5%
Tăng trưởng tín dụng (%)	12,13	12	12-14%
Biến động tỷ giá USD/VND (%)	0,1	N/A	1%
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	5	4-5	5-10
Tăng trưởng vốn FDI giải ngân (%)	-3	N/A	6-8

01. Dự báo nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2021 (Tiếp theo)

Thị trường chứng khoán năm 2021

Tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ bật tăng mạnh trở lại từ nền thấp của năm 2020

CƠ HỘI 2021

Bối cảnh vĩ mô của Việt Nam có tính ổn định cao: hơn so với các nền kinh tế khác trong khu vực. Việc kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 sẽ mang lại lòng tin rất lớn cho nhiều nhà đầu tư vào hệ thống chính trị của Việt Nam. Tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ bật tăng mạnh trở lại từ nền thấp của năm 2020, nhờ sự hồi phục đến từ khu vực công nghiệp-xây dựng, dịch vụ và sự cải thiện của cầu tiêu dùng nội địa, vốn đầu tư và xuất khẩu.

Tiền rẻ vẫn là điểm tựa rất lớn cho thị trường chứng khoán: toàn cầu, ít nhất trong nửa đầu năm 2021. Trong nửa đầu năm năm 2021 mặt bằng lãi suất tại Việt Nam vẫn ở mức thấp tương đương lãi suất cuối năm 2020. Vào nửa sau của năm, lãi suất có thể nhích nhẹ khi cầu tín dụng, nhu cầu đầu tư mở rộng của các doanh nghiệp tăng trở lại.

Kỳ vọng sự trở lại của dòng vốn ngoại vào các thị trường mới nổi: trong đó có thị trường Việt Nam. Khối ngoại sau khi liên tục bán ròng tại các nước thị trường mới nổi (EM) trong phần lớn thời gian của năm 2020 đã trở lại mua ròng trong giai đoạn cuối năm. Trong làn sóng dịch chuyển của dòng vốn ngoại vào thị trường EM, Việt Nam – một nền kinh tế mới nổi được dự báo sẽ trở thành điểm sáng thu hút sự quan tâm của dòng tiền ngoại trong năm 2021. Hiện tại Việt Nam đã thỏa mãn được 7 trên 9 điều kiện tiên quyết mà FTSE Russell đề ra để có thể được nâng hạng lên thị trường mới nổi hạng hai và đã nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng này được 2 năm. Ngoài ra, Việt Nam cũng sẽ tiếp tục được nâng tỷ trọng trong nhóm thị trường cận biên của MSCI sau khi Kuwait được nâng hạng lên nhóm thị trường mới nổi.

Mức tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết có thể lên tới

25%

Triển vọng hồi phục trên diện rộng của các doanh nghiệp niêm yết: Tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết được kỳ vọng sẽ có sự hồi phục mạnh mẽ từ nền thấp của năm 2020. Tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết được kỳ vọng sẽ có sự hồi phục mạnh mẽ từ nền thấp của năm 2020, mức tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết có thể lên tới 25%.

THÁCH THỨC 2021

Quy mô thị trường cổ phiếu tăng nhanh tại HSX tạo áp lực lên hệ thống giao dịch: Thanh khoản ngày càng gia tăng khi chứng khoán trở thành kênh đầu tư hấp dẫn đã khiến hệ thống giao dịch quá tải. Do đó, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin cần phải nhanh chóng có sự đổi mới và cải tiến để có thể đáp ứng được mật độ và quy mô giao dịch ngày càng lớn.

Dòng vốn trong thị trường chứng khoán bị cạnh tranh bởi các kênh đầu tư khác: Khi kinh tế ổn định hơn, nhiều cơ hội đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, cơ hội đầu tư ở các lĩnh vực khác xuất hiện khiến dòng tiền sẽ chảy ngược từ thị trường chứng khoán sang các kênh đầu tư khác.

Mặt bằng giá của cổ phiếu không còn hấp dẫn: Sau giai đoạn tăng trưởng nóng, PE của TTCK Việt Nam hiên đã vượt qua 18, cao hơn nhiều so với PE trung bình của những năm gần đây. Khi giá cổ phiếu không còn rẻ phần nào khiến cho mức độ hấp dẫn của cổ phiếu Việt Nam giảm xuống.

Sự khó lường của bối cảnh vĩ mô quốc tế, thời kỳ hậu Covid-19. Dịch Covid-19 có thể sẽ sớm được kiểm soát sau khi các nước bắt đầu đưa vào sử dụng các loại vaccine. Khi đó, các điểm nóng được quan tâm có thể chuyển sang quan hệ đối đầu Mỹ - Trung, lạm phát tăng nhanh và NHTW các nước lớn tăng lãi suất sớm hơn dự kiến, giảm bơm tiền, nếu kinh tế không hồi phục như kỳ vọng sẽ khiến nợ xấu ngân hàng tăng mạnh … Mặc dù xác suất xảy ra các sự kiến này không cao nhưng nếu nó xảy ra thì sẽ đều là những mối nguy cơ có thể tác động tiêu cực đối với diễn biến của thị trường tài chính toàn cầu nói chung và TTCK Việt Nam nói riêng.

02. Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2021

Thuận lợi và khó khăn với BVSC trong năm 2021

Thuận lợi

Là công ty có thương hiệu uy tín trên thị trường, hoạt động ổn định, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm là những yếu tố nền tảng tốt đối với BVSC. Hệ thống giao dịch trực tuyến mới ra đời trong năm 2020 với những tính năng vượt trội, khả năng cạnh tranh cao về tốc độ xử lý, tạo công cụ quản lý tài sản đồng bộ cho khách hàng là yếu tố quan trọng để triển khai mảng môi giới và các dịch vụ tiện ích. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực tư vấn BVSC tiếp tục khẳng định vị thế cao trên thị trường là tiền đề tốt để đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, IB trong năm 2021.

Khó khăn

Quy mô vốn vẫn ở mức trung bình thấp dẫn đến khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng đối với các dịch vụ margin và ứng trước còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh với các công ty chứng khoán ngoại có lợi thế về nguồn vốn rẻ. Bên cạnh đó, kế hoạch tăng vốn có độ trễ đã ảnh hưởng tới tiến độ tham gia TTCK phái sinh sẽ làm giảm tính cạnh tranh về dịch vụ đối với hoạt động môi giới.

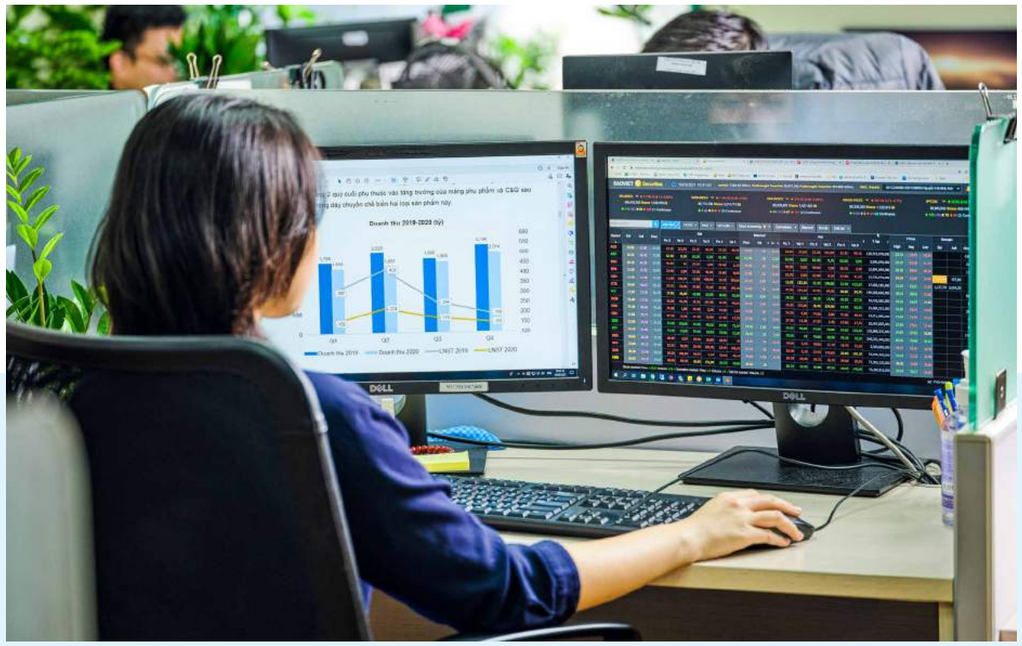

Các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến 2021

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam trong năm 2021, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của BVSC, Công ty dự kiến các chỉ tiêu kinh doanh trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua như sau:

KẾ HOẠCH KINH DOANH DỰ KIẾN 2021

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% KH 2021 so với TH 2020
A	**TỔNG DOANH THU**	**594,46**	**661**	**111%**
I	**Doanh thu thực hiện**	**518,23**	**600**	**116%**
1	Môi giới	151,39	224	148%
2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	201,31	224	111%
3	Tự doanh	135,54	126	93%
4	Tư vấn, BLPH	21,47	20	93%
5	Lưu ký	5,68	5	88%
6	Doanh thu khác	2,83	1	49%
II	**Doanh thu chưa thực hiện**	**76,24**	**61**	**81%**
B	**TỔNG CHI PHÍ**	**440,13**	**504**	**115%**
I	Chi phí thực hiện	393,76	459	117%
II	Chi phí chưa thực hiện	46,37	45	97%
C	**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**	**154,33**	**157**	**102%**
	Trong đó: LN trước thuế thực hiện	124,47	140	113%
D	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**	**132,38**	**132**	**100%**
	Trong đó: LN sau thuế thực hiện	105,03	116	110%

Kế hoạch kinh doanh 2021 nêu trên được xây dựng dựa trên cơ sở một số dự báo và giả định theo chiều hướng tích cực, cụ thể:

VNIndex trung bình quanh mức **1.150 – 1.200 điểm.**

Giá trị giao dịch trung bình/phiên trong năm đạt khoảng **12.000 tỷ đồng/phiên.**

02. Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2021 (Tiếp theo)

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng

- Đẩy mạnh hoạt động môi giới dựa trên nền tảng hệ thống trực tuyến mới B – wise, Mobile Trading để phát huy hiệu quả trong hoạt động môi giới nhằm nâng cao doanh thu và thị phần.
- Đẩy mạnh hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp, cung cấp các dịch vụ iBond, iDeposit nhằm tối ưu hóa nguồn vốn đầu tư của khách hàng, từ đó thu hút phát triển khách hàng mới.
- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các sản phẩm tư vấn đầu tư, các dịch vụ tiện ích giao dịch nhằm thu hút khách hàng giao dịch.

Kênh phân phối

Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn, chú trọng khai thác khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt.

Chính sách khách hàng

Chính sách lãi suất, chính sách phí… có sự điều chỉnh thường xuyên và linh hoạt bám sát thị trường đảm bảo tính cạnh tranh cao dành cho khách hàng.

Nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai tuyển sinh & đào tạo nhân lực mới cho Chương trình Future Broker.
- Xây dựng bộ tiêu chí khoán kinh doanh cho các phòng Giao dịch theo phương thức mới nhằm thúc đẩy đội ngũ kinh doanh.
- Tăng cường đào tạo nội bộ về nghiệp vụ và đào tạo kỹ năng nhằm nâng cao trình độ và khả năng phát triển khách hàng cho đội ngũ môi giới hiện tại.
- Phát động các chương trình thi đua môi giới.

Các giải pháp khác nhằm phát triển hoạt động môi giới được trình bày cụ thể hơn thông qua phần nội dung trình bày về định hướng công nghệ thông tin và phát triển sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Năm 2021, BVSC sẽ xây dựng chính sách đầu tư linh hoạt, phân bổ tỷ trọng đầu tư hợp lý giữa các danh mục đầu tư căn cứ vào đánh giá thực tế diễn biến vĩ mô và diễn biến thị trường trong từng giai đoạn, để mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cũng như quản trị rủi ro tốt nhất. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh giao dịch chứng chỉ quỹ ETF cho các Quỹ đầu tư và cho chính BVSC.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, song song triển khai các mảng tư vấn vốn là thế mạnh của BVSC như: M&A, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành và niêm yết cổ phiếu gắn với hoạt động IR.
- Tiếp tục đẩy mạnh tiếp xúc và mở rộng network với các buyside trong và ngoài nước.
- Khai thác lợi thế bán chéo trong Tập đoàn Bảo Việt để mở rộng thêm mạng lưới khách hàng để triển khai các hợp đồng tư vấn thuộc thế mạnh của BVSC.

HOẠT ĐỘNG CHO VAY VÀ PHẢI THU

- Năm 2021, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán; và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán nhằm hỗ trợ hoạt động môi giới cũng như khai thác hiệu quả, tối ưu nguồn vốn.
- Chủ động tìm kiếm các nguồn để huy động vốn, nâng tỷ lệ đòn bẩy tài chính lên thông qua vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhằm đảm bảo nguồn vốn ổn định phục vụ khách hàng.

HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ

- Triển khai dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp.
- Tiếp tục triển khai các hợp đồng quản lý người sở hữu chứng khoán đã ký kết.

02. Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2021 (Tiếp theo)

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (TIẾP THEO)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Trong năm 2021, bên cạnh việc duy trì hệ thống hỗ trợ giao dịch hàng ngày, Công ty sẽ tập trung hoàn thiện một số dự án quan trọng như sau:

- Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán:
  - Hoàn thiện nền tảng B-Wise cho khách hàng & B-Broker cho môi giới.
  - Hoàn tất nâng cấp hệ thống Mobile Trading, đồng thời bổ sung tính năng eKYC cho việc mở tài khoản trực tuyến.
  - Chỉnh sửa hệ thống giao dịch của BVSC đáp ứng thay đổi hệ thống của các Sở Giao dịch Chứng khoán và VSD.

- Phát triển sản phẩm, dịch vụ mới:
  - Xây dựng sản phẩm đầu tư tự động theo phân tích kỹ thuật để chuẩn bị đón đầu giao dịch T-0.
  - Hoàn thiện sản phẩm đầu tư theo danh mục, tích hợp trên hệ thống tiến tới thu phí các sản phẩm tư vấn đầu tư.
  - Hoàn thiện công cụ hỗ trợ giao dịch Market Maker ETF phục vụ cho các rổ chỉ số BVSC làm market maker.

Nghiên cứu phân tích

Hoạt động phân tích được xác định là hoạt động mũi nhọn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Trong năm 2021, song song với việc duy trì các sản phẩm báo cáo tuần/tháng/bán niên và thường niên cũng như các hoạt động chăm sóc khách hàng tổ chức, một số nhiệm vụ mới sẽ triển khai, như sau:

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư & giới thiệu để môi giới đẩy mạnh tư vấn cho khách hàng;
- Xây dựng các sản phẩm đầu tư theo danh mục và đầu tư tự động để có thể tích hợp hệ thống giao dịch, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Nâng cao chất lượng từng loại báo cáo, tăng tần suất các báo cáo chuyên đề chuyên sâu, tập trung và đồng thời nâng cao mức độ bao phủ của các báo cáo phân tích trên tổng vốn hóa thị trường.

Pháp chế và Kiểm soát nội bộ

Công ty sẽ thực hiện xây dựng và triển khai các quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu hợp đồng/thỏa thuận của các sản phẩm dịch vụ chứng khoán mới như chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm, giao dịch trong ngày.

Đồng thời Công ty thực hiện nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới để sớm đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro cho sản phẩm dịch vụ mới này khi công ty triển khai.; thường xuyên cập nhật các thay đổi trong quy định pháp luật để đảm bảo công tác quản trị rủi ro đáp ứng được yêu cầu công việc và phù hợp với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.

Truyền thông và Phát triển thương hiệu

Bên cạnh việc triển khai các hoạt động phát triển thương hiệu với việc tham gia các chương trình bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Diễn đàn M&A thường niên, Chương trình đánh giá, công bố các doanh nghiệp phát triển bền vững, Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu..., Công ty sẽ đẩy mạnh đổi mới phương thức truyền thông - quảng bá sản phẩm, dịch vụ mới bằng các chiến dịch Digital Marketing, tương tác đa kênh với các nhà đầu tư và khách hàng phù hợp với xu hướng chung hiện nay.

Công nghệ thông tin

Cùng với định hướng chiến lược hướng tới chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, cũng như chuẩn bị cho những thay đổi lớn của TTCK về quy định quản lý, quy mô và hình thức giao dịch, thay đổi hệ thống công nghệ thông tin, BVSC xây dựng kế hoạch triển khai một số nội dung trọng tâm như sau:

- Triển khai mở tài khoản trực tuyến trên nền tảng eKYC.
- Xây dựng các hệ thống hỗ trợ quản lý/giao dịch trái phiếu, ETF.
- Nâng cấp hệ thống BVSC@Mobile đồng nhất nền tảng hệ thống giao dịch trực tuyến B – Wise mới
- Tiếp tục bổ sung đầu tư hạ tầng máy chủ và mạng để chuẩn bị cho những thay đổi hệ thống của các cơ quản quản lý cũng như nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.
- Triển khai các hệ thống tường lửa tập trung nhằm phục vụ kiểm soát an toàn truy cập.
- Triển khai các sản phẩm liên quan đến hoạt động giao dịch, quản lý danh mục có sự hỗ trợ của AI cũng như nâng cấp và bổ sung các sản phẩm kết nối với các quỹ và các ngân hàng...
- Thực hiện diễn tập các tình huống rủi ro công nghệ thông tin để hoàn thiện các hệ thống phòng ngừa và phục hồi (BCP) và qui trình phản ứng sự cố.

Công tác tổ chức nhân sự và chính sách tiền lương

Năm 2021, công tác tuyển dụng vẫn tiếp tục tập trung cho đội ngũ môi giới thông qua chương trình Future Broker, rà soát các chính sách môi giới phù hợp với xu hướng chung của thị trường, đảm bảo cạnh tranh để thu hút môi giới có kinh nghiệm trên thị trường.

Công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ, đặc biệt là kỹ năng phân tích, tư vấn đầu tư dành cho đội ngũ môi giới nhằm nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng.

Năm 2021, Công ty sẽ thực hiện rà soát, nghiên cứu thay đổi chính sách khoán kinh doanh đối với các bộ phận kinh doanh trực tiếp, đồng thời xây dựng chính sách thưởng khuyến nghị cơ hội đầu tư qua đó thúc đẩy đội ngũ chuyên gia phân tích; tăng cường chất lượng khuyến nghị để đẩy mạnh hoạt động tư vấn đầu tư cho khách hàng.

Sau giai đoạn kiện toàn bộ máy tổ chức, hợp nhất các phòng ban tại Trụ sở chính và Chi nhánh, Công ty sẽ tiến hành đánh giá rà soát hiệu quả quản trị, đồng thời xây dựng quy chế mới trong công tác quản lý nhân sự.

Năm 2020 là năm thứ 3 liên tiếp BVSC được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững. Chúng tôi nhận thức một cách sâu sắc rằng, mỗi tổ chức chỉ có thể phát triển ổn định lâu dài khi nỗ lực hành động một cách đồng bộ để hướng tới hiện thực hóa đồng đều các mục tiêu kinh doanh, môi trường và xã hội nhằm mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, cổ đông, người lao động & các bên liên quan của BVSC.

Cùng tiến bước

LẬT MỞ ĐỂ KHÁM PHÁ

05

Phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI

- GRI 102: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2016 162
- Thông điệp về PTBV của TGĐ 164
- GRI 200: Kinh tế 174
- GRI 300: Môi trường 179
- GRI 400: Xã hội 184

Báo cáo BVSC 2020
Tên Tổ chức: Chứng khoán Bảo Việt
Lĩnh vực: Dịch vụ Tài chính

GRI 102
(Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016)

Hồ sơ tổ chức

102-1 TÊN TỔ CHỨC

102-2 CÁC HOẠT ĐỘNG, THƯƠNG HIỆU, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

102-3 ĐỊA ĐIỂM CỦA TRỤ SỞ CHÍNH

102-4 CÁC ĐỊA ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

102-5 QUYỀN SỞ HỮU VÀ HÌNH THỨC PHÁP LÝ

102-6 CÁC THỊ TRƯỜNG PHỤC VỤ

(chi tiết xem chương I, từ trang 08 đến trang 23 của Báo cáo này)

102-8 THÔNG TIN VỀ NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÁC

Theo giới tính

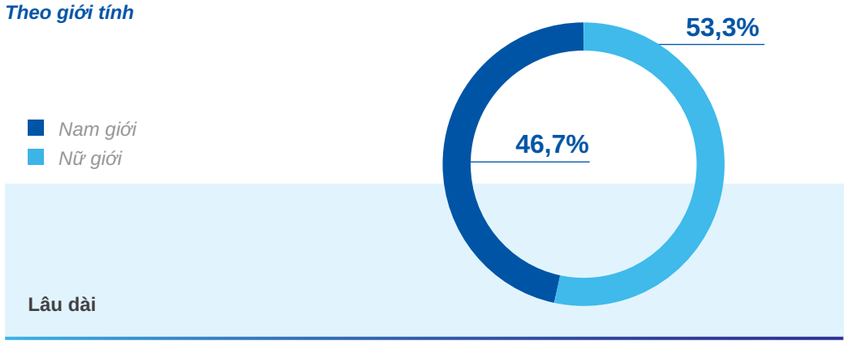

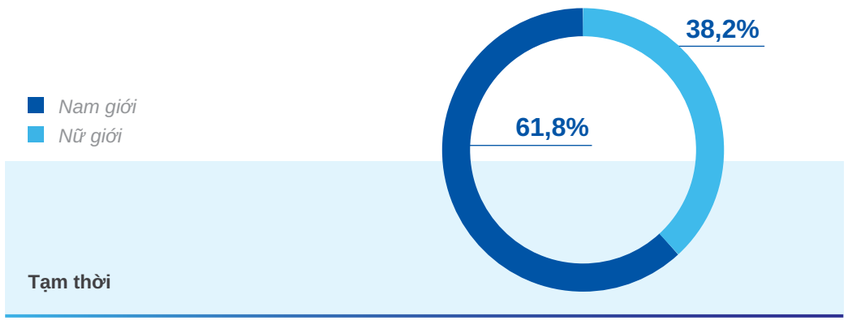

Theo khu vực

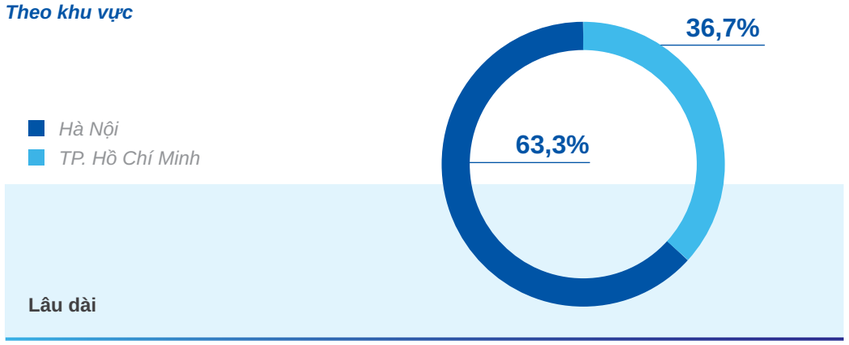

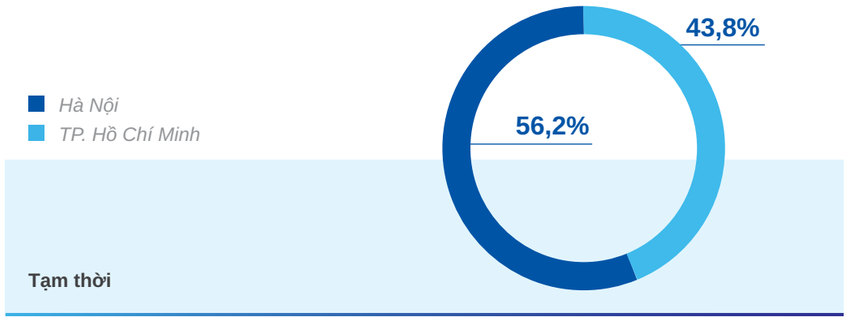

102-13 QUYỀN HỘI VIÊN TRONG CÁC HIỆP HỘI

BVSC là hội viên của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán; Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính và Hiệp hội kinh doanh trái phiếu.

Chiến lược

102-14 TUYÊN BỐ CỦA NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH CẤP CAO

Tên người thực hiện:
Nhữ Đình Hòa

Chức vụ:
Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng và các đối tác,

Đại dịch Covid – 19 đã như một sự cảnh tỉnh với nhân loại về những biến đổi quá nhanh & có tầm ảnh hưởng sâu rộng trên phạm vi toàn cầu. Và với mỗi doanh nghiệp, Covid – 19 là phép thử đánh giá khả năng thích ứng và năng lực chống chịu trước những thay đổi không mong muốn từ bên ngoài. Điều này, một lần nữa tái khẳng định tầm quan trọng và giá trị của sự phát triển bền vững đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp.

Năm 2020 là năm cuối cùng trong chiến lược hoạt động 5 năm giai đoạn 2016-2020, là thời điểm để BVSC đánh giá lại việc thực hiện các mục tiêu trung & dài hạn đặt ra từ 05 năm trước đó, đồng thời cũng là dịp để BVSC đánh giá kết quả đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đặt ra trong định hướng phát triển của mình. Chúng tôi nhận thức một cách sâu sắc rằng, mỗi tổ chức chỉ có thể phát triển ổn định lâu dài khi nỗ lực hành động một cách đồng bộ để hướng tới hiện thực hóa đồng đều các mục tiêu kinh doanh, môi trường và xã hội.

Năm 2020, là năm thứ 3 liên tiếp BVSC được vinh danh trong **Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững** trong "Chương trình đánh giá, công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam" do VCCI phối hợp cùng các cơ quan quản lý tổ chức. Giải thưởng này, cũng như nội dung Báo cáo Phát triển bền vững được tích hợp cùng Báo cáo thường niên năm 2020 được trình bày trên cơ sở tham chiếu Bộ tiêu chí đánh giá về phát triển bền vững theo chuẩn mực GRI, là sự khái quát một cách toàn diện và cụ thể về những mục tiêu đã triển khai và đạt được trong năm 2020, cũng là sự khẳng định và cam kết của BVSC về định hướng phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Trân trọng.

Tổng Giám đốc
Nhữ Đình Hòa

Chúng tôi nhận thức một cách sâu sắc rằng, mỗi tổ chức chỉ có thể phát triển ổn định lâu dài khi nỗ lực hành động một cách đồng bộ để hướng tới hiện thực hóa đồng đều các mục tiêu kinh doanh, môi trường và xã hội.

Quản trị

Sự tham gia của bên liên quan

102-18 CƠ CẤU QUẢN TRỊ:

Chi tiết xem tại Chương 2, Quản trị Công ty từ trang 15-73 của Báo cáo này.

102-40 DANH SÁCH CÁC NHÓM LIÊN QUAN

102-41 THỎA ƯỚC THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

Tỷ lệ phần trăm tổng nhân viên tham gia các thỏa ước thương lượng tập thể

100%

102-42 NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của BVSC đến họ hoặc những cá nhân/ tổ chức có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của BVSC. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của BVSC, đặc biệt là các vấn đề về quản trị công ty, phát triển nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

102-43 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN ĐỐI VỚI GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty nhận diện các bên liên quan và thực hiện phương pháp tiếp cận để biết các vấn đề được các bên liên quan như sau:

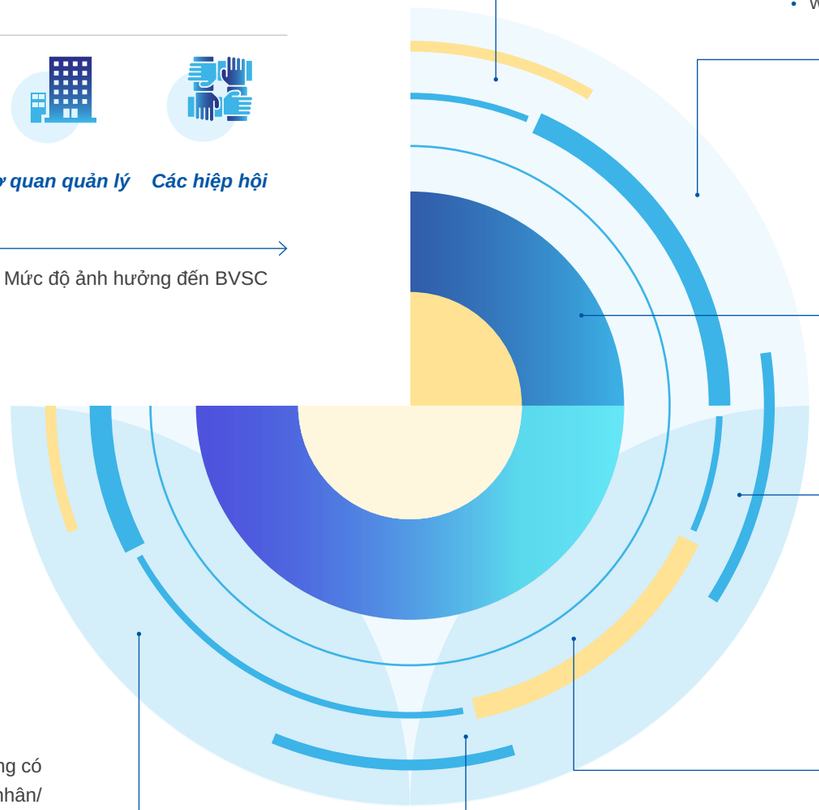

Đối với cổ đông/ Nhà đầu tư

- Đại hội cổ đông.
- Bộ phận quan hệ cổ đông (email/ hotline).
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư.
- Sàn giao dịch và các xuất bản báo chí.
- Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư.
- Website, Fanpage công ty.

Đối với Khách hàng

- Đội ngũ nhân viên môi giới/ tư vấn.
- Tiếp xúc trực tiếp tại sàn giao dịch.
- Hội nghị tri ân khách hàng.
- Tổng đài chăm sóc KH/ Email/ Fanpage.
- Hội thảo phân tích và khuyến nghị đầu tư.
- Thông qua cá phản hồi trên các kênh truyền thông và mạng xã hội

Đối với các Hiệp hội

- Sinh hoạt thường kỳ.
- Thông qua các hội thảo, diễn đàn, sự kiện.
- Thông qua các thảo luận, đóng góp ý kiến trong các chương trình sinh hoạt định kỳ.

Đối với người lao động

- Đối thoại định kỳ hàng quý và Hội nghị người lao động định kỳ hàng năm.
- Các hội nghị sơ kết/ tổng kết.
- Thông qua vai trò của người quản lý trực tiếp.
- Thông qua vai trò của Công đoàn và Bộ phận nhân sự.
- Chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp.
- Tọa đàm và các chương trình đào tạo nội bộ.
- Thông qua kênh truyền thông nội bộ Workplace, Email, Fanpage.

Đối với các cơ quan quản lý

- Thông qua hội nghị, Hội thảo, đào tạo do các cơ quan quản lý tổ chức.
- Tiếp xúc trực tiếp.
- Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại).

Đối với cơ quan báo chí

- Tổ chức họp báo.
- Các chương trình gặp mặt phóng viên báo chí thường niên.
- Tiếp xúc trực tiếp qua phỏng vấn/ giao lưu kết nối.

Cộng đồng đại chúng

- Thông qua chính quyền địa phương/ cơ quan sở tại.
- Thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội (Website, Fanpage,..)

102-44 CÁC CHỦ ĐỀ VÀ MỐI QUAN NGẠI CHÍNH ĐƯỢC NÊU LÊN

Nhóm/ bên quan tâm	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của BVSC
Cổ đông/ Nhà Đầu tư	• Kết quả kinh doanh hiệu quả. • Minh bạch thông tin. • Nâng cao năng lực quản trị Công ty, giá trị Công ty tăng trưởng. • Cổ tức.	• Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được ĐHCĐ thông qua. • Chủ động công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư. • Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR. • Thực hiện cam kết cổ tức. • Đẩy mạnh các kênh kết nối với các Nhà đầu tư tiềm năng.
Cơ quan quản lý	• Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước. • Tích cực đóng góp xây dựng phát triển TTCK Việt Nam.	• Tuân thủ tốt các quy định pháp luật. • Đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước • Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường. • Trở thành thành viên tích cực của các Sở giao dịch. • Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng hạn.
Các Hiệp hội	• Trở thành thành viên của các Hiệp hội và tích cực tham gia vào hoạt động của hiệp hội. • Đóng góp nghĩa vụ tài chính cho các Hiệp hội.	• Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam. • Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính theo quy định của Hiệp hội.
Khách hàng	• Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh. • Địa điểm giao dịch thuận lợi. • Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật. • Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm. • Sản phẩm đa dạng để mở rộng cơ hội đầu tư cho khách hàng.	• Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư. • Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt. • Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch. • Đầu tư xây dựng nâng cấp nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise với nhiều tiện ích đi kèm. • Ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới phục vụ nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng. • Triển khai các chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng.
Cơ quan báo chí	• Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi • Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường.	• Chủ động gửi thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ mỗi quý/bán niên/thường niên cho cơ quan báo chí. • Thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện/hoạt động phát sinh trong năm. • Cung cấp các phân tích, đánh giá, xu hướng thị trường để giúp báo chí có những thông tin giá trị, khách quan. • Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của báo chí một cách kịp thời, nhanh chóng.

Nhóm/ bên quan tâm	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của BVSC
Người lao động	• Đảm bảo việc làm, ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự. • Chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động, đảm bảo điều kiện làm việc tốt, an toàn vệ sinh lao động. • Cơ hội được đào tạo, phát triển bản thân. • Tạo cơ hội phát triển bình đẳng, công bằng, những đóng góp thành tích được ghi nhận. • Thu nhập ổn định và có tính cạnh tranh. • Môi trường làm việc công bằng và chuyên nghiệp.	• Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. • Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống vật chất của người lao động. • Xây dựng các chính sách lương thưởng cạnh tranh, phù hợp với xu hướng thị trường và đảm bảo công bằng, gắn với hiệu quả làm việc. • Chế độ phúc lợi được đảm bảo, trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước. • Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với từng vị trí nghiệp vụ. • Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để công đoàn, đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở. • Các chính sách liên quan đến người lao động hướng tới mục tiêu công bằng trong nội bộ và có tính cạnh tranh với bên ngoài. • Triển khai chương trình tuyển dụng, đào tạo bài bản các học viên nhằm tạo nguồn cung nhân lực chủ động và kiểm soát được chất lượng nhân sự.
Cộng đồng xã hội	• Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo. • Đầu tư cho giáo dục, thế hệ tương lai. • Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả. • Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. • Các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn cần được động viên và chia sẻ.	• Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thế hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo. • Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa. • Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động. • Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường. • Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước. • Trực tiếp chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn tại các bệnh viện và cơ sở y tế khám chữa bệnh.
Đối tác, nhà cung cấp.	• Quy trình đánh giá xét chọn đảm bảo công bằng. • Việc ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán.	• Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp. • Hợp đồng được pháp chế rà soát đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký kết. • Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp. • Thường xuyên đánh giá lại khả năng của Đối tác trong việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu của Công ty.

Thông lệ báo cáo

102-45 CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC BAO GỒM TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Tất cả các đơn vị của Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt đề được đề cập trong Báo cáo tài chính của công ty và Báo cáo phát triển bền vững này.

102-46 XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO VÀ PHẠM VI CHỦ ĐỀ

Công ty xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề của Báo cáo sau khi được Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu đào tạo về việc lập báo cáo theo chuẩn GRI phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ liên quan trong công ty.

Báo cáo Phát triển bền vững của BVSC xác định nội dung báo cáo bằng việc tuân thủ các nguyên tắc báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:

1. Nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo

- **Bối cảnh phát triển bền vững:** Năm 2020, thế giới đang đối mặt với một thách thức mới, to lớn, đe dọa trực tiếp và sâu rộng tới tiến trình phát triển bền vững của mọi quốc gia, đó là đại dịch Covid-19. Thách thức này chưa từng được dự báo trước và nó xuất hiện một cách đột ngột, làm ngưng trệ sự phát triển kinh tế - xã hội, làm đảo lộn cuộc sống của con người và cộng đồng cả trên phạm vi mỗi quốc gia và cả trên phạm vi toàn cầu, do vậy, tác động ảnh hưởng tiêu cực tới các hoạt động cũng như tiến trình phát triển bền vững. Việt Nam là một trong số rất ít quốc gia trên thế giới đã khống chế nhanh và thành công sự lây lan của dịch, kết quả là có mức tăng trưởng kinh tế dương trong năm 2020.

  Mặc dù Việt nam đã nhanh chóng chuyển sang trạng thái "bình thường mới", tuy nhiên Covid-19 đặt ra nhiều thách thức cần phải vượt qua trên cả 3 phương diện kinh tế, môi trường và xã hội để Việt nam tiếp tục đà phát triển bền vững. Trong bối cảnh đó, các tổ chức, các doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững, trong đó có BVSC, không ngừng chú trọng đến các mục tiêu này trong các kế hoạch hành động của mình.

- **Tính trọng yếu:** Để xác định nội dung báo cáo, Công ty tuân thủ nguyên tắc về tính trọng yếu. Từ đó, Công ty lập ma trận để xác định các bên liên quan trọng yếu chịu tác động trực tiếp (tác động tích cực hoặc tiêu cực) từ các hoạt động của Công ty; và xác định các vấn đề trọng yếu được các bên liên quan quan tâm để trình bày trong báo cáo.
- **Tính đầy đủ:** Thông tin đưa ra trong báo cáo được sử dụng số liệu đầy đủ với phạm vi chủ đề rõ ràng và phạm vi thời gian rõ ràng.

2. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo:

- **Tính chính xác:** Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.
- **Tính cân đối:** Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có).
- **Tính rõ ràng:** Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.
- **Khả năng so sánh:** Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.
- **Tính kịp thời:** Báo cáo được lập vào tháng 3/2021 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

102-48 TRÌNH BÀY LẠI THÔNG TIN: Không có

102-50 KỲ BÁO CÁO

Các thông tin trong báo cáo này được lập dựa trên các dữ liệu từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

102-51 NGÀY CỦA BÁO CÁO GẦN NHẤT

Ngày báo cáo gần nhất: ngày ra mắt 19/04/2020.
Ngày phát hành Báo cáo phát triển bền vững tích hợp cùng Báo cáo thường niên.

102-52 CHU KỲ BÁO CÁO: Thường niên

102-53 ĐẦU MỐI LIÊN HỆ CHO CÁC THẮC MẮC VỀ BÁO CÁO

Họ và tên: Bùi Thị Mai Hiên
E-mail: buithimaihien@baoviet.com.vn
Chức vụ: Thư ký công ty.
Điện thoại: 0243 928 8080 - 600

102-54 TUYÊN BỐ LẬP BÁO CÁO TUÂN THEO TIÊU CHUẨN GRI

Báo cáo này đã được thực hiện theo Tiêu chuẩn GRI:
Core Option (Lựa chọn báo cáo các vấn đề cốt lõi)

Thông lệ báo cáo

102-55 MỤC LỤC GRI

Thông tin tham khảo

Báo cáo này công bố các thông tin liên quan đến GRI 102: Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016, GRI 103: Phương pháp Quản trị 2016, GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016, GRI 302: Năng lượng 2016, GRI 401: Việc làm 2016, GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016.

Phần đã loại trừ: Không có

Hồ sơ tổ chức
Trang số: 160

Quản trị
Trang số: 164

Công bố thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016

Chiến lược
Trang số: 162

Sự tham gia của bên liên quan
Trang số: 164

Thông lệ báo cáo
Trang số: 170

Nhóm Tiêu chuẩn từng chủ đề
Trang số: 172-215

Kinh tế

Phương pháp Quản trị
Trang số: 172

Hiệu quả hoạt động Kinh tế
Trang số: 174

Môi trường

Phương pháp Quản trị
Trang số: 177

Năng lương 2016
Trang số: 180

Phương pháp Quản trị
Trang số: 182

Việc làm
Trang số: 187

Xã hội

Phương pháp Quản trị
Trang số: 190

An toàn và Sức khoẻ Nghề nghiệp
Trang số: 195

Phương pháp Quản trị
Trang số: 196

Giáo dục và Đào tạo
Trang số: 201

Phương pháp Quản trị
Trang số: 203

Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016
Trang số: 205

Thông lệ báo cáo

GRI 200
(Chủ đề Kinh tế)

Hiệu quả Hoạt động Kinh tế

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là một công ty niêm yết, vì vậy, chúng tôi xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi khi xây dựng được nguồn lực tài chính vững chắc cho doanh nghiệp, chúng tôi mới có thể đem lại lợi ích và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của mình cho các bên liên quan.

Nơi phát sinh tác động

BVSC xác định hiệu quả kinh tế thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản. Việc đạt mức tăng trưởng tốt qua các năm chính là điều kiện để BVSC tiếp tục phát triển và triển khai các hoạt động của mình đối với các bên liên quan.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. *Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.*

Công ty liên quan trực tiếp đến các tác động vì sự tăng trưởng lợi nhuận của công ty mang lại lợi ích và đảm bảo các quyện lợi tài chính cho cổ đông/ nhà đầu tư, gia tăng dịch vụ và lợi ích cho khách hàng, gia tăng chế độ lương và phúc lợi cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

BVSC quản trị các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế dựa trên các chỉ tiêu tài chính & phi tài chính:
- Các chỉ tiêu tài chính: Tổng tài sản, tỉ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm, tăng trưởng EPS, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...
- Các chỉ tiêu phi tài chính: thị phần, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ quản lý...

Đảm bảo công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Cam kết

Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.
Chính sách hiệu quả kinh tế.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Kế hoạch hiệu quả kinh tế trong năm 2020:

Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế thực hiện
483 *tỷ đồng*	**91,3** *tỷ đồng*

Trách nhiệm

Người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản trị các vấn đề về chỉ tiêu Hiệu quả kinh tế của Công ty là Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Nguồn lực

Công ty có nguồn lực thực hiện phát triển kinh doanh trực tiếp là các bộ phận kinh doanh như: Khối Môi giới, Khối Tư vấn, Khối Đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn có nguồn lực hỗ trợ kinh doanh để thực hiện các công việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho công ty là các phòng ban liên quan khác.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- *Các giải pháp đồng bộ đối phó với Covid – 19:* Thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid – 19; Triển khai đồng loạt các biện pháp để đối phó với Covid – 19 như tổ chức làm việc từ xa, tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức, tổ chức khai báo y tế, tăng cường các biện pháp phòng chống dịch cho người lao động.....
- *Kiện toàn mô hình tổ chức:* Thành lập các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị; Hợp nhất các phòng quản lý và hỗ trợ để quản lý tập trung đảm bảo sự đồng bộ từ định hướng chiến lược đến thực thi giải pháp trên toàn Công ty.
- *Các giải pháp hướng tới khách hàng:* chính sách về lãi suất, chính sách phí, các chương trình kích cầu đúng thời điểm: Gói dịch vụ ưu đãi lãi suất margin 9%; Gói mừng sinh nhật – đón xuân sang với ưu đãi lãi suất margin 6.5%. Triển khai các sản phẩm mới iDeposit & bổ sung thêm hàng hóa dịch vụ iBond.
- *Các giải pháp về nguồn nhân lực:* Triển khai chương trình Future Broker 2020 tại Hà Nội & TP.HCM tạo nguồn cung nhân lực và kiểm soát chất lượng nhân sự đầu vào & đầu ra.
- *Các giải pháp về công nghệ thông tin:* Thay đổi nền tảng giao dịch trực tuyến mới B-wise, triển khai các nền tảng công nghệ để người lao động làm việc từ xa thích ứng trong môi trường Covid.

(Chi tiết vui lòng xem tại Chương III từ trang 96-141 của Báo cáo này)

Hiệu quả Hoạt động Kinh tế (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

Đánh giá hàng tháng/ hàng quý đối với các chỉ tiêu đã đặt ra.

Các phòng/ ban kinh doanh chịu trách nhiệm về việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của mình và lập báo cáo để ban điều hành kiểm soát. Trong các cuộc họp giữa các phòng/ ban kinh doanh với ban điều hành đều có sự tham gia của các bộ phận kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Thực hiện phương pháp quản trị đạt hiệu quả giúp công ty kiểm soát được các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có điều chỉnh nào trong kỳ báo cáo.

GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra: Tổng doanh thu:

594.462.392.653 ***VNĐ***

Chi phí hoạt động: Tổng chi phí:

193.539.732.245 ***VNĐ***

Lương và phúc lợi của nhân viên:

159.147.835.124 ***VNĐ***

Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn:

104.061.128.500 ***VNĐ***

Tổng số phải nộp cho chính phủ (Vui lòng cung cấp phân tích theo quốc gia trong phần giải thích dưới đây, nếu có):

74.552.778.193 ***VNĐ***

Đầu tư cho cộng đồng:

451.195.000 ***VNĐ***

Giá trị kinh tế chưa phân phối: 'Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra' trừ đi 'Giá trị kinh tế được phân bổ

62.509.723.591 ***VNĐ***

Năm 2020, tổng nộp ngân sách nhà nước của BVSC đạt hơn 74 tỷ đồng (bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác). BVSC luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm.

201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác

nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng: Có

Giá trị ước tính:

10.407.757.297 ***VNĐ***

Bao gồm chi phí các loại bảo hiểm: BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm các bệnh ung thư.

Có quỹ riêng không? Không

Hiệu quả Hoạt động Kinh tế (Tiếp theo)

GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (TIẾP THEO)

201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng: Có

Tỷ lệ đóng bảo hiểm của người lao động và Công ty: Công ty thực hiện tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

Người lao động đóng

10,5%

Người sử dụng lao động đóng

21,5%

Năm 2020, Công ty đã thực hiện thay đổi điều chỉnh thang bảng lương phù hợp với quy định tăng mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh việc đảm bảo chế độ bảo hiểm xã hội, Công ty còn trang bị thêm cho người lao động các loại bảo hiểm bổ sung khác nhằm gia tăng chế độ phúc lợi cho người lao động bao gồm: Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và đặc biệt là bảo hiểm nhân thọ. Việc triển khai gói phúc lợi bảo hiểm ưu việt thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban lãnh đạo Công ty dành cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, an tâm về tài chính trước những rủi ro không mong muốn xẩy ra cũng như gia tăng tài chính khi nghỉ hưu.

Như vậy, với kết quả đạt được trong năm 2020 vừa qua, có thể khẳng định việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2020 là tiền đề căn bản để Công ty thực hiện trách nhiệm với các bên liên quan như cổ đông, người lao động, nhà nước và cộng đồng địa phương. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển ổn định và lâu dài của Công ty.

GRI 300
(Chủ đề môi trường)

Năng lượng – Nước – Điện – Vật liệu

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Với đặc thù là doanh nghiệp trong ngành cung cấp dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của BVSC không gây tác động trực tiếp và đáng kể đến môi trường, tuy nhiên BVSC luôn cố gắng gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động của công ty, đặc biệt là các hoạt động nội bộ bằng việc nâng cao nhận thức của CBNV về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng để ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Nơi phát sinh tác động

Số năng lượng, nước, điện và vật liệu công ty sử dụng trong quá trình hoạt động cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. *Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.*

Việc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải sử dụng các năng lượng: điện, nước, giấy và có xả ra một lượng rác thải sinh hoạt ra môi trường. Vì vậy đây là tác động trực tiếp từ doanh nghiệp.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Doanh nghiệp quản lý số năng lượng tiêu hao thông qua hóa đơn hàng tháng, trên hóa đơn có chỉ số năng lượng tiêu hao và số chi phí phải trả cho điện năng, nước, giấy tiêu thụ.

Trong quá trình hoạt động, Công ty nhận thức việc doanh nghiệp quản trị để điều chỉnh và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý sẽ góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Năng lượng – Nước – Điện – Vật liệu (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (Tiếp theo)

Trách nhiệm

Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng năng lượng trong Công ty được người đứng đầu bộ phận hành chính – kế hoạch ghi nhận và báo cáo lên Ban điều hành Công ty.

Nguồn lực

Bộ phận hành chính - kế hoạch

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Tăng cường truyền thông nội bộ về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
Năm 2020, Công ty đã phát động phong trào "BVSC - Chung tay tiết kiệm" để từ những hành động nhỏ nhất, mỗi CBNV cùng nhau nâng cao ý thức tiết kiệm, giảm thiểu các chi phí không cần thiết cho Công ty. Không những thế nhiều biện pháp cụ thể đã được Công ty thường xuyên áp dụng để góp phần giảm tải việc sử dụng năng lượng như:

Đối với Điện

Hệ thống điều hòa không khí:

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng điều hòa bao gồm cục lạnh & cục nóng ngoài trời 6 tháng một lần để đảm bảo hiệu suất của máy.
- Thay mới 1 số điều hòa có dán nhãn tiết kiệm năng lượng của VNEEP.
- Duy trì nhiệt độ trên 26 độ C trong những ngày mùa hè và hạn chế bật điều hòa nóng vào mùa đông.
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h.30 hàng ngày.

Hệ thống chiếu sáng:

- Tiếp tục duy trì sử dụng toàn bộ thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện: bóng compact tiết kiệm điện.
- Tại các phòng có lắp đặt các cửa sổ lớn, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên
- Tắt toàn bộ hệ thống điện sau 17h.30 hàng ngày.

Đối với Nước

Mặc dù Công ty không cần chi trả chi phí sử dụng nước hàng năm do đã bao gồm trong chi phí thuê văn phòng nhưng việc tiết kiệm nước vẫn được truyền thông tích cực trong Công ty.

- Công ty đã chủ động lắp đặt các bình uống nước chung tại phòng làm việc và phòng họp, khuyến khích các nhân viên sử dụng cốc cá nhân để uống nước giúp giảm thiểu các chai nhựa.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra rò rỉ nước, tránh thất thoát nước đối với cả nước vệ sinh; tái sử dụng nước sạch cho mục đích tưới cây; không sử dụng nước bồn cầu vào mục đích xả rác.

Đối với Giấy

- Tuyên truyền giảm in ấn, tái sử dụng giấy in 1 mặt cho các văn bản lưu hành nội bộ.
- Sử dụng các phần mềm để lưu trữ văn bản, tiết kiệm lượng giấy in cũng như không gian lưu trữ giấy.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

Bộ phận hành chính/ kế hoạch của Công ty là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng năng lượng. Việc đánh giá được diễn ra thường niên trong nội bộ doanh nghiệp và tổ chức các kỳ họp khi có những biến động lớn.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Việc thực hiện quản trị/ đánh giá của bộ phận hành chính/ kế hoạch vẫn được tiến hành dưới sự kiểm soát của Ban Tổng Giám đốc công ty và thực hiện tốt, góp phần quản lý tốt việc tiêu thụ năng lượng của công ty.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Năng lượng – Nước – Điện – Vật liệu (Tiếp theo)

GRI 302: NĂNG LƯỢNG

302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Dưới tác động của con người, môi trường thế giới đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Nhận thức được điều đó, nhiều năm liền Công ty duy trì các quy định tại Nội quy lao động của Công ty đồng thời đẩy mạnh truyền thông hơn nữa chương trình tiết kiệm năng lượng "Tiết kiệm điện năng – Tăng thêm thu nhập" trong nội bộ. Song song với đó, năm 2020, BVSC phát động phong trào "BVSC – Chung tay tiết kiệm" nhằm gia tăng nhận thức tiết kiệm từ chính những hành động nhỏ nhất của mỗi CBNV. Phong trào được truyền thông trên nhiều bản tin nội bộ và được phủ rộng khắp trong khu văn phòng, các phòng giao dịch và được CBNV hưởng ứng mạnh mẽ.

Điện và nước

BVSC tiến hành theo dõi việc tiêu thụ điện năng định kỳ hàng tháng, tổng số điện năng mà Công ty sử dụng cho toàn bộ Trụ sở, chi nhánh và 8 Phòng giao dịch là 337.154 kwh. Năm 2020, ngoài các chiến dịch nâng cao tiết kiệm trong nội bộ, Công ty triển khai chế độ làm việc từ xa trong giai đoạn giãn cách xã hội, góp phần giảm thiểu lượng điện năng được sử dụng, tương đương 11% so với cùng kỳ năm trước,

Công ty rất tích cực hưởng ứng các chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để thể hiện trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Lượng điện năng được sử dụng

▼ **11%**

so với cùng kỳ năm trước

Giấy

Nhờ việc áp dụng các chính sách trong chương trình ***"Chung tay tiết kiệm"*** mà việc tiết kiệm nguồn tài nguyên giấy trở nên rất có hiệu quả. Các CBNV Công ty tại Hội sở, Chi nhánh và các Phòng giao dịch đều đồng nhất chuyển đổi mô hình trao đổi công việc sang hình thức họp và trình chiếu trực tuyến, vừa đảm bảo tuân theo quy định về giãn cách xã hội của Chính phủ trong đại dịch, mà còn giúp hạn chế tối đa lượng giấy và mực in. Năm 2020, tổng lượng giấy tiêu thụ chỉ còn 1234gr, giảm hơn 16% so với năm 2019.

Lượng giấy tiêu thụ

▼ **16%**

so với cùng kỳ năm 2019

Trong năm 2020, BVSC không có bất kỳ hành vi không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường nào.

Mặc dù không kinh doanh trong lĩnh vực trực tiếp tác động tới môi trường, tuy nhiên, BVSC hiểu rằng trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi công dân đều phải chung tay gìn giữ và bảo vệ môi trường như một sự chuyển giao các giá trị bền vững cho thế hệ tương lai. Trong phạm vi hoạt động của mình, BVSC nỗ lực lồng ghép các chương trình hành động nhằm tiết kiệm tài nguyên và năng lượng như một cách tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tuy nhiên điều quan trọng hơn là thông qua đó nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên cho đất nước.

GRI 400
(Chủ đề Xã hội)

Việc làm

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng mang lại giá trị sản phẩm dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng của Công ty, tạo nên sự thành công và phát triển bền vững của BVSC.

Việc tăng trưởng và phát triển trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ giúp tăng quy mô việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.

Nơi phát sinh tác động

BVSC luôn chú trọng trong việc xây dựng môi trường làm việc tốt, chính sách lương thưởng được xây dựng đảm bảo sự cạnh tranh, công bằng; chế độ phúc lợi tốt tạo sự an tâm cho người lao động. Thông qua đó, BVSC có thể duy trì ổn định đội ngũ nhân sự, giữ chân người giỏi, cũng như thu hút đội ngũ lao động có chất lương trên thị trường.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. *Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.*

Dựa trên chiến lược định hướng kinh doanh của Công ty, Công ty thực hiện xây dựng các chính sách liên quan đến việc làm như chính sách tuyển dụng, chính sách đào tạo, chính sách đãi ngộ dành cho người lao động.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề trong báo cáo này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

- Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm, BVSC xây dựng kế hoạch về quy mô việc làm cũng như kế hoạch tuyển dụng lao động chi tiết; phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng kịp thời và hiệu quả về nguồn lực lao động cho các phòng ban nghiệp vụ cũng như tối ưu hóa về nguồn nhân lực của Công ty.
- BVSC xây dựng các chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh để có thể hỗ trợ cho việc thu hút nhân sự tốt, giữ chân người giỏi và ổn định nhân sự công ty.

Mục đích của Phương pháp quản trị

- Tối ưu hóa nguồn nhân sự, đảm bảo lực lượng nhân sự phù hợp và hiệu quả, hạn chế việc dư thừa lao động.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trong việc thu hút nhân sự giỏi trên thị trường thông qua các gói chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp cho từng nhóm lao động.

Chính sách

Chính sách tuyển dụng	Căn cứ kế hoạch nhân sự năm, Công ty xây dựng các tiêu chí lựa chọn ứng viên cụ thể, rõ ràng gắn với mô tả công việc của vị trí đó. Việc đánh giá lựa chọn ứng viên phải đảm bảo sự công bằng, chính xác, phù hợp qua các vòng thi tuyển và phỏng vấn của Hội đồng tuyển dụng.
Chính sách lương thưởng	• Lương của người lao động được xác định dựa trên tổng hợp đánh giá các tiêu chí thuộc 3 nhóm yếu tố: năng lực, khả năng giải quyết vấn đề, trách nhiệm, đồng thời xem xét các yếu tố bổ sung khác như mức độ khan hiếm của các vị trí, mức độ cạnh tranh trên thị trường. • Chính sách thưởng được xây dựng cho các vị trí khác nhau nhưng đều được dựa trên đánh giá hiệu quả làm việc. Đối với các bộ phận kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo doanh thu/ hiệu quả kinh doanh mang lại. Đối với các bộ phận hỗ trợ và quản lý, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của từng cá nhân theo phương pháp đánh giá mục tiêu.
Chính sách phúc lợi	• Công ty thực hiện trích quỹ phúc lợi từ nguồn LNST hàng năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên để triển khai các chương trình phúc lợi trong năm. • Chính sách phúc lợi được quy định rõ ràng theo nhóm lao động và cấp bậc, kết hợp với chính sách lương thưởng tạo nên các gói đãi ngộ cho người lao động. • Chính sách phúc lợi được thực hiện thông qua các hình thức như chi tiền mặt, các sản phẩm bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ phép, chế độ công tác, và các chế độ phúc lợi khác....

Việc làm (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (Tiếp theo)

Cam kết

BVSC cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật lao động tại Việt Nam và gia tăng thêm các quyền lợi bổ sung khác cho người lao động.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Tỷ lệ tuyển dụng mới

15% - 20%

trong đó tỷ trọng tuyển dụng môi giới chiếm ***85%***

100%

cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành.

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt kế hoạch, định hướng về các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận nhân sự	Trực tiếp thực hiện và/ hoặc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Thực hiện công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro nhân sự.
Ban chấp hành công đoàn	Thực hiện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	• Chi phí tuyển dụng: 418 triệu đồng. • Chi phí chi trả lương thưởng cho người lao động: 142.8 tỷ đồng. • Chi phí phúc lợi cho người lao động: 16.3 tỷ đồng.
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác nhân sự để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến công tác tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động.
Nguồn lực về công nghệ	Phần mềm nhân sự được dùng để tập trung dữ liệu và hỗ trợ Bộ phận nhân sự trong công tác liên quan đến tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động.
Nguồn lực khác	Uy tín và thương hiệu của Công ty, cũng như của Tập đoàn Bảo Việt đã giúp cho việc nâng cao thương hiệu của nhà tuyển dụng.

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận Nhân sự là đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trong các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động tại Công ty.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Đối với công tác tuyển dụng

Năm 2020, Công ty tập trung tuyển dụng đội ngũ môi giới, các vị trí khác chủ yếu tuyển dụng thay thế cán bộ nghỉ việc. Tỷ lệ tuyển dụng mới của Công ty trong năm đạt 15,8%, trong đó tỷ trọng tuyển dụng môi giới chiếm 85%. Việc triển khai công tác tuyển dụng được thực hiện phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty và bám sát kế hoạch đã đề ra.

Đối với chính sách trả lương, thưởng & phúc lợi

Năm 2020, Công ty thực hiện trả lương hàng tháng đầy đủ cho người lao động theo mức lương thỏa thuận; lương tháng thứ 13; thưởng hiệu quả làm việc. Đối với khối kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo các chính sách thưởng kinh doanh đã ban hành. Đối với khối hỗ trợ và quản lý, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ. Trong giai đoạn dãn cách xã hội do ảnh hưởng bởi covid, Công ty thực hiện chi trả 100% lương cho người lao động theo chế độ làm việc tại cũng như cán bộ thuộc diện phải theo dõi sức khỏe tại nhà theo quy định.

Việc làm (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (Tiếp theo)

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến (Tiếp theo)

Năm 2020, Công ty triển khai đầy đủ các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, đảm bảo mọi quyền lợi của người lao động, kể cả trong giai đoạn biến động ảnh hưởng bởi đại dịch Covid – 19. Công ty thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động, tái tục 3 chương trình bảo hiểm bổ sung bao gồm bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư, và bảo hiểm nhân thọ. Tổng chi phí bảo hiểm dành cho người lao động năm 2020 là 10,4 tỷ đồng. Công ty cũng đã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại bệnh viên quốc tế Thu Cúc tại Hà Nội và Phòng khám Đa khoa Yecxanh tại TP. HCM, nơi có chất lượng và dịch vụ tốt. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện chi các khoản phúc lợi bằng tiền cho người lao động trong các dịp đặc biệt, cũng như triển khai các chế độ phúc lợi khác như nghỉ phép, chế độ công tác,...

(Chi tiết tham khảo tại của Chương III của Báo cáo này)

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

- Hàng năm, bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thường xuyên thực hiện công tác rà soát đánh giá về các chỉ số biến động nhân sự để kiểm tra và cảnh báo các ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
- Bộ phận nhân sự thường xuyên trao đổi, tìm hiểu, lấy ý kiến phản hồi từ các phòng ban nghiệp vụ và Ban chấp hành Công đoàn về tình hình nhân sự của phòng, cũng như những ý kiến về các chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động và đánh giá những tác động của chính sách tới hiệu quả công việc để từ đó xem xét có những điều chỉnh kịp thời những điểm còn hạn chế, tháo gỡ những khúc mắc của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Với phương pháp quản trị này, Công ty có thể kiểm soát tốt yếu tố con người giúp ổn định nguồn lực nhân sự, thu hút được các ứng viên phù hợp trên thị trường, đảm bảo sự cạnh tranh, giữ chân được những nhân sự giỏi.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Công ty thường xuyên thực hiện rà soát lại các chính sách nhân sự đang áp dụng để kịp thời cập nhật, sửa đổi phù hợp theo quy định của pháp luật cũng như xu hướng của thị trường, đảm bảo theo đúng mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.

GRI 401: VIỆC LÀM

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

	Tuyển mới						Tỷ lệ					
	Nam giới			Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Hà Nội	10	9		12	7	4	1,80%	1,70%		2,20%	1,30%	0,70%
Hồ Chí Minh	11	9		15	9		2%	1,70%		2,80%	1,70%	
Tổng theo độ tuổi	21	18		27	16	4						
Tổng theo giới tính	39			47			7,20%			8,60%		
Tổng cộng	86						15,8%					

Số lượng nhân viên thuê mới theo giới tính ở Hà Nội

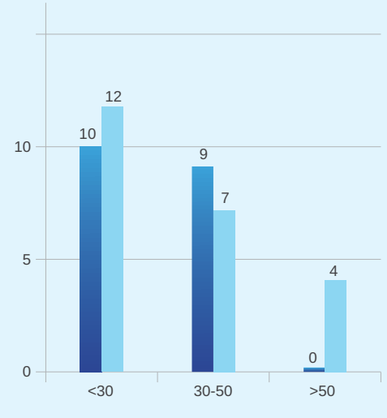

Số lượng nhân viên thuê mới theo giới tính ở Hồ Chí Minh

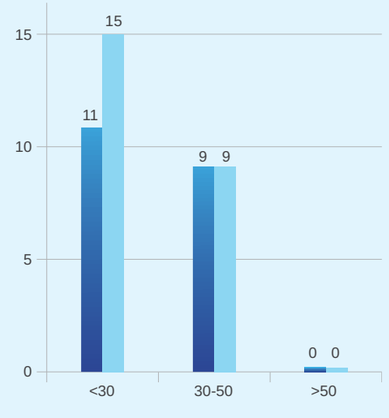

Nam giới *Nữ giới*

Việc làm (Tiếp theo)

GRI 401: VIỆC LÀM (TIẾP THEO)

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc (Tiếp theo)

Tổng số lượng và tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực

	Nghỉ việc						Tỷ lệ					
	Nam giới			Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Hà Nội	22	7		10	7		4%	1,30%		1,80%	1,30%	
Hồ Chí Minh	7	5		11	5		1,30%	0,90%		2%	0,90%	
Tổng theo độ tuổi	29	12		21	12		5,30%	2,20%		3,90%	2,20%	
Tổng theo giới tính	41			33			7,50%			6,10%		
Tổng cộng	74						13,60%					

Trước tác động của Covid 19**, nhiều doanh nghiệp tại nhiều ngành **nghề đã phải thu hẹp** quy mô hoạt động, cắt giảm việc làm, tuy nhiên **trong năm 2020 BVSC** tiếp tục đẩy mạnh tuyển dụng với tỷ lệ tuyển mới **tăng 15,8%**. Lao động tuyển mới khá **cân bằng theo giới tính,** tỷ lệ tuyển mới tập trung nhiều nhất đối với lao động trẻ dưới 30 tuổi cả **với nam và nữ. Điều này phù hợp với định hướng trẻ hóa đội ngũ nhân sự đáp ứng mục tiêu phát triển trong trung và dài hạn của Công ty.

Tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo thấp hơn nhiều** so với tỷ lệ thôi việc được khảo sát trên thị trường lao động trong năm 2020, và thấp hơn **tỷ lệ tuyển dụng mới** nên Công ty luôn đảm bảo nguồn nhân lực **ổn định cho hoạt động kinh doanh**. Trong cơ cấu lao động nghỉ việc, **tỷ lệ cao nằm ở nhóm lao động trẻ** dưới 30 tuổi, điều này là xu thế **tự nhiên và phù hợp với** đối tượng lao động thuộc thế hệ Millenials là **nhóm thích xê dịch.

401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

	Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh
Bảo hiểm nhân thọ	√	√
Chăm sóc sức khỏe	√	√
Bảo hiểm các bệnh ung thư	√	√
Nghỉ thai sản	√	√
Trợ cấp hưu trí:	√	√
Quyền sở hữu cổ phiếu		
Các phúc lợi khác	√	√
Giải thích các phần khác	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng.

401-3 Nghỉ thai sản

	Nam giới	Nữ giới
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	114	130
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	7	11
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	7	7
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng sau khi quay lại làm việc	7	7

Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên đã nghỉ thai sản

100%

Tỷ lệ giữ chân nhân viên đã nghỉ thai sản

100%

An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- An toàn và sức khỏe là một trong những vấn đề quan trọng không chỉ để đảm bảo sức khỏe cho người lao động mà còn đóng góp tích cực vào nâng cao hiệu quả công việc, giúp người lao động an tâm công tác.

- Chính sách phúc lợi tập trung vào vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo đối với người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh thu hút nhân sự trên thị trường lao động cũng như gia tăng sự gắn kết của người lao động với Công ty.

Nơi phát sinh tác động

- Các chương trình bảo hiểm cho người lao động: Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư, bảo hiểm nhân thọ được công ty trang bị cho người lao động bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của nhà nước.
- Chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm của Công ty.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. *Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.*

- Chính sách về an toàn và sức khỏe là một phần trong gói chính sách phúc lợi dành cho người lao động, tạo nên sự an tâm, quyền lợi thiết thực cho người lao động, qua đó tăng động lực làm việc và sự gắn bó của người lao động với Công ty.
- Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề này tại Công ty

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động được Công ty xây dựng cụ thể, rõ ràng phân theo từng nhóm lao động và theo cấp bậc.

Mục đích của phương pháp quản trị

- Đảm bảo sự rõ ràng minh bạch để người lao động có thể an tâm về các quyền lợi mà người lao động được hưởng.
- Hạn chế tối đa những thông tin sai lệch về chính sách của Công ty.

	Chính sách
Chính sách bảo vệ sức khỏe cho người lao động trong giai đoạn Covid	Khi có sự xuất hiện của dịch Covid -19, Công ty đã nhanh chóng ban hành các quy định, chính sách nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động như: tuân thủ việc khai báo y tế hàng ngày, hạn chế tối đa việc tụ tập đông người tại nơi làm việc, các cuộc họp được chuyển sang hình thức họp trực tuyến, tổ chức triển khai làm việc tại nhà trong giai đoạn giãn cách xã hôi… Các chính sách liên quan tới người lao động trong giai đoạn Covid được ban hành kịp thời là cách hữu hiệu bảo vệ sự an toàn về sức khỏe cho cán bộ nhân viên, qua đó công ty có thể duy trì sự ổn định liên tục về nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động kinh doanh không bị ảnh hưởng.
Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Công ty thực hiện xây dựng thang bảng lương theo từng chức danh công việc cụ thể và được dùng làm căn cứ để đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.
Tổ chức khám sức khỏe định kỳ	Hàng năm, Công ty thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các Bệnh viện/ Phòng khám quốc tế lớn, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.
Chính sách bảo hiểm bổ sung khác	Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Công ty đã thực hiện xây dựng và triển khai áp dụng các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện (áp dụng từ năm 2010), chính sách bảo hiểm nhân thọ (áp dụng từ năm 2015), chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư (áp dụng từ năm 2017) dành cho toàn bộ người lao động tại Công ty, được xây dựng cụ thể cho từng loại đối tượng và từng cấp bậc nhân viên, do Tổng Giám đốc ban hành. Đây là những chính sách bảo hiểm bổ sung cho người lao động, thực hiên gia tăng quyền lợi cho người lao động ngoài quy định của Pháp luật.

An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (Tiếp theo)

Chính sách (Tiếp theo)

Các văn bản ban hành chính thức bao gồm:

- Quy định về phòng tránh dịch viêm đường hô hấp cấp do virus Corona: ban hành kèm theo QĐ số 17/2020/QĐ-BVSC ngày 07/02/2020 và QĐ số 36/2020/QĐ-BVSC ngày 06/04/2020.
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo đúng của quy định của Pháp luật hiện hành.
- Bảo hiểm sức khỏe toàn diện: Quy chế về chính sách bảo hiểm sức khỏe ban hành kèm theo Quyết định số: 61/2016/QĐ - BVSC ngày 27/05/2016 của Tổng Giám đốc Công ty.
- Bảo hiểm nhân thọ: Quy chế về chính sách bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo Quyết định số: 161/2015/QĐ - BVSC ngày 31/12/2015 của Tổng Giám đốc Công ty.
- Bảo hiểm các bệnh ung thư: Quy định về chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư được Tổng Giám đốc ký phê duyệt tại Tờ trình ngày 17/08/2017.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ: Quy định tại Thỏa ước lao động tập thể của Công ty với Đại diện người lao động.

Cam kết

- Cán bộ được làm việc trong môi trường tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.
- Cán bộ được bảo vệ sức khỏe và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra về sức khỏe.

Mục tiêu và chỉ tiêu

- 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động mà Công ty đã xây dựng.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/ năm.
- Đảm bảo sự an toàn về sức khỏe cho người lao động trong giai đoạn Covid.

100%

Tỷ lệ cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm ý tế thất nghiệp

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành.	Thực hiện phê duyệt các chính sách và ngân sách bảo hiểm dành cho người lao động, phê duyệt ban hành quy định về phòng chống dịch covid.
Bộ phận nhân sự.	• Nghiên cứu xây dựng chính sách đề xuất Ban điều hành cho áp dụng triển khai. • Trực tiếp thực hiện triển khai các chính sách bảo hiểm cho người lao động cũng như chế độ làm việc từ xa trong giai đoạn giãn cách xã hội.
Ban chấp hành công đoàn.	Đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động và theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động. Phối hợp với bộ phận Nhân sự triển khai các chương trình hành động nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc tuân thủ quy định phòng chống dịch Covid.
Bộ phận truyền thông.	Chịu trách nhiệm tuyên truyền thường xuyên nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc tuân thủ quy định phòng chống dịch Covid.

Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	• Chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. • Chi phí mua bảo hiểm bổ sung bao gồm bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ. • Chi phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. • Chi phí thiết bị, vật tư và thuốc men phục vụ công tác phòng dịch covid
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ phụ trách về công tác nhân sự , đội ngũ cán bộ truyền thông & cán bộ công đoàn.

vi. Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối tiếp nhận các thông tin, khiếu nại về nội dung của các chương trình bảo hiểm, đồng thời cũng là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa người lao động và các đơn vị bảo hiểm khi giải quyết các vụ việc thanh toán bảo hiểm liên quan.

An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (Tiếp theo)

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

01 Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN dành cho Người lao động theo đúng quy định của nhà nước, đồng thời thực hiện các thủ tục giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho người lao động. Năm 2020, Công ty đã thực hiện điều chỉnh thang bảng lương, theo đó, quyền lợi về bảo hiểm xã hội của người lao động đã được gia tăng.

02 Năm 2020, Công ty thực hiện triển khai đầy đủ các quyền lợi về bảo hiểm bổ sung cho người lao động, ngay cả trong thời gian bị ảnh hưởng bởi Covid – 19. Tổng chi phí bảo hiểm Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động theo chính sách của Công ty.

03 Cũng trong năm 2020, Công ty đã thực hiện triển khai khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động tại Bệnh viên đa khoa quốc tế Thu Cúc (Hà Nội) và tại Phòng khám Đa khoa Yecxanh (TP. HCM), nơi đáp ứng tốt các điều kiện về khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế cũng như chất lượng dịch vụ.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

- Công ty thực hiện các khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, trong đó có các chính sách liên quan đến bảo hiểm.
- Thông qua báo cáo kết quả khảo sát về chính sách phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, Công ty thực hiện so sánh với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại BVSC.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Thông qua kết quả khảo sát, Công ty nhận được những phản hồi tích cực từ phía người lao động về các chính sách bảo hiểm mà Công ty đang áp dụng cho người lao động. Ngoài ra, tham khảo báo cáo khảo sát về phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, BVSC đang áp dụng nhiều chính sách về bảo hiểm ưu việt và thiết thực cho người lao động. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Công ty sẽ nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm cho người thân của người lao động góp phần gia tăng phúc lợi cho người lao động.

GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

403-1 Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

Mạng lưới an toàn vệ sinh viên được thành lập với các thành viên là cán bộ làm việc tại tất cả các phòng ban trong Công ty, được đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh tại doanh nghiệp theo đúng quy định.

Việc thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh hỗ trợ hiệu quả Công ty trong công tác truyền thông, cũng như triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn vệ sinh lao động và chính sách bảo hiểm của Công ty.

100%

Người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

403-4 Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn

Tại BVSC, công tác an toàn và sức khỏe được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty có đề cập đến các vấn đề về an toàn sức khỏe tại các văn bản cụ thể bao gồm:

- Thỏa ước lao động tập thể.
- Các văn bản quy định/ hướng dẫn vệ sinh tại nơi làm việc.

Các quy chế, quy định về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư.

- Trong năm 2020 trước ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đặt ra thách thức cao hơn đối với BVSC trong việc đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, do đó Công ty đã bổ sung kịp thời Quy định về phòng chống dịch Covid – 19 áp dụng trên phạm vi toàn Công ty.

Do các chủ đề về an toàn sức khỏe được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, do đó, khó có thể xác định tỷ lệ phần trăm.

Giáo dục và Đào tạo

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- Đào tạo là yếu tố quan trọng giúp Công ty xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh, chuyên nghiệp, giúp cán bộ cập nhật thường xuyên những kiến thức nghiệp vụ, quy định pháp luật, trau dồi những kỹ năng để theo kịp xu hướng phát triển của thị trường. Ngoài ra, đào tạo sẽ giúp Công ty xây dựng thế hệ nhân sự mới có chất lượng tốt, nâng cao chất lượng nhân sự của Công ty.
- Tại BVSC, việc tham gia các chương trình đào tạo theo khung chương trình được xây dựng cho từng nhóm lao động vừa là yêu cầu bắt buộc vừa là yếu tố tạo động lực.

Nơi phát sinh tác động

Các chương trình, chính sách đào tạo của Công ty bao gồm:

Đào tạo định hướng	Giúp cán bộ có thể sớm hòa nhập với môi trường làm việc mới, văn hóa công ty khi được tuyển dụng mới
Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ	Giúp cán bộ được cập nhật thường xuyên các quy định, chính sách, các quy trình nghiệp vụ để thực hiện tốt các công việc đang đảm nhiệm; Giúp cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để có thể phát triển bản thân.
Đào tạo kỹ năng	Giúp cán bộ nâng cao kỹ năng của bản thân, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Công ty xây dựng các khung chương trình đào tạo, các chính sách đào tạo dành cho người lao động giúp nâng cao trình độ, kỹ năng của bản thân.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các khung chương trình đào tạo được xây dựng cho từng nhóm lao động và theo cấp bậc nhân viên khác nhau. Công ty đưa ra các quy định cụ thể gắn việc đào tạo với lộ trình thăng tiến, các chính sách nâng lương, khen thưởng nhằm khuyến khích người lao động đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo theo vị trí công việc của mình.

Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

Mục đích của phương pháp quản trị:

- Nhằm đảm bảo khả năng thích ứng nhanh với công việc và với sự thay đổi.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đối với từng vị trí cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng nguồn lực dự phòng cho các kế hoạch triển khai và mở rộng kinh doanh của Công ty.

Chính sách

Chương trình đào tạo định hướng	Đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tích của Công ty, từ đó hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, giá trị mục tiêu để gắn kết cá nhân người lao động với kế hoạch phát triển của Công ty. Ngoài ra, cán bộ còn được phổ biến các nội quy, quy định, chính sách nội bộ của Công ty, quy tắc đạo đức nghề nghiệp để cán bộ có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới, tạo nên sự thành công của sự gắn bó với công ty trong tương lai.
Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ	Khung chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng cho từng khối nghiệp vụ cụ thể: • Đối với khối môi giới: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề; Đào tạo nội bộ theo chương trình đạo tạo được xây dựng dành riêng cho đội ngũ môi giới; Chương trình Future Broker thiết kế dành riêng để tuyển dụng và đào tạo các bạn sinh viên sắp ra trường nhằm xây dựng thế hệ nhân sự môi giới mới có chất lượng tốt. • Đối với khối hỗ trợ và quản lý: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề (tùy thuộc vào các vị trí theo yêu cầu của Pháp luật); tài trợ chi phí cho cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CMT, SHRM...; các khóa đào tạo nghiệp vụ khác theo yêu cầu của từng vị trí chuyên môn.
Chương trình đào tạo kỹ năng	Đào tạo các kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc, kỹ năng quản lý & lãnh đạo dành cho cấp quản lý.

Giáo dục và Đào tạo (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (Tiếp theo)

Cam kết

Đảm bảo thực hiện theo các chương trình đào tạo và các quy định có liên quan của Công ty đã ban hành.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên kinh doanh

15-20 ***giờ / năm***

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên quản lý và hỗ trợ

12 -15 ***giờ / năm***

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo
Bộ phận nhân sự	• Chịu trách nhiệm thực hiện/ phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch. • Là đầu mối thực hiện đề xuất các chương trình đào tạo phát sinh (nếu có). • Trực tiếp xây dựng/ phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ hoặc đối tác để xây dựng & tổ chức các chương trình đào tạo.
Phòng ban nghiệp vụ	Phối hợp với Bộ phận nhân sự và/ hoặc các đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ.
Phòng Quản lý giao dịch	Tiến hành triển khai và chịu trách nhiệm các hoạt động đào tạo nội bộ liên quan đến nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	Chi phí đào tạo năm 2020: 1.6 tỷ đồng.
Nguồn lực con người	• Số lượng giảng viên nội bộ: 11 người. • Số lượng cán bộ phụ trách đào tạo: 08 người.
Nguồn lực công nghệ	• Đào tạo từ xa thông qua hệ thống video conference kết nối giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. • Đào tạo thông qua hệ thống trực tuyến elearning. • Hệ thống phần mềm nhân sự để quản lý việc triển khai hoạt động đào tạo đối với từng nhân sự.

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động liên quan đến vấn đề đào tạo

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Thường xuyên cập nhập, chỉnh sửa nội dung các chương trình đào tạo cho phù hợp với những thay đổi của Pháp luật, của các cơ quan quản lý, và các xu hướng, kiến thức mới trên thị trường.
- Đổi mới cách thức, nội dung đào tạo và phương pháp giảng dạy hiện đại để thu hút. Hình thức đào tạo bao gồm Đào tạo tập trung và đào tạo thông qua hệ thống trực tuyến. Một chương trình nổi bật trong năm 2020 là chương trình Future Broker 2020: Là một chương trình đào tạo kết hợp với kèm cặp huấn luyện, được thiết kế hoàn chỉnh theo mô hình khung năng lực ASK.
- Tổ chức kiểm tra kiến thức định kỳ hàng năm nhằm đánh giá trình độ của cán bộ từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo cho phù hợp.
- Đưa ra những biện pháp tích cực giúp người lao động nâng cao ý thức học tập và phát triển bản thân (các chương trình tôn vinh khen thưởng nhằm khuyến khích các CBNV đạt điểm cao trong học tập).

Một chương trình nổi bật trong năm 2020 là chương trình Future Broker 2020: Là một chương trình đào tạo kết hợp với kèm cặp huấn luyện, được thiết kế hoàn chỉnh theo mô hình khung năng lực ASK.

Giáo dục và Đào tạo (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

- Thông qua phần mềm quản lý nhân sự, Công ty có thể kiểm soát được các cán bộ chưa tham gia các khóa đào tạo được quy định cho từng vị trí, thực hiện thông báo khuyến nghị cán bộ tham gia, từ đó thúc đẩy cán bộ tham gia công tác đào tạo.
- Thông qua hệ thống Elearning để đánh giá tính chủ động tương tác và tự học của người lao động.
- Thông qua các kỳ kiểm tra năng lực & đánh giá hiệu quả làm việc của người lao động để đánh giá hiệu quả và chất lượng của hoạt động đào tạo.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Theo kết quả đánh giá năng lực cán bộ hàng năm thông qua các kỳ kiểm tra, Công ty nhận thấy trình độ chuyên môn của cán bộ được cải thiện qua các năm. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chương trình đào tạo, xây dựng thêm nhiều khung chương trình đào tạo cho nhiều vị trí trong Công ty.

GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 2020

404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo chức năng của nhân viên

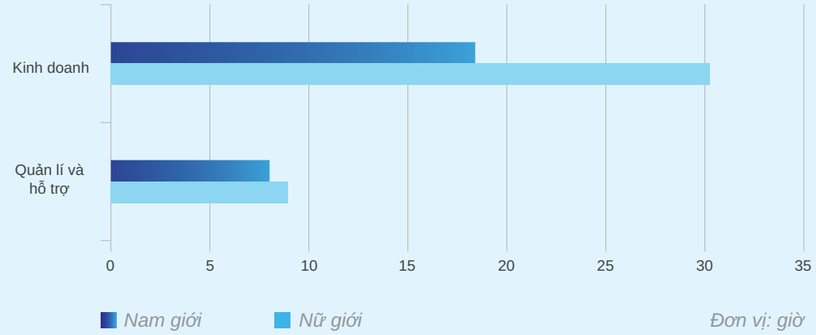

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo cấp nhân viên

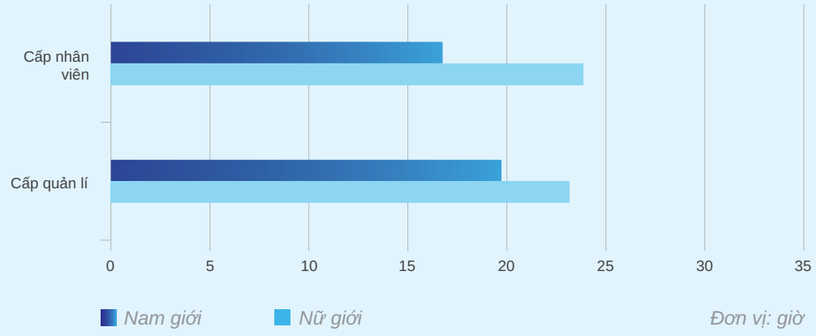

Bối cảnh Covid 19 không là trở ngại để BVSC đẩy mạnh hoạt động đào tạo nhằm nâng cao trình độ và kỹ năng làm việc cho người lao động. Tổng số giờ đào tạo trong năm 2020 là 11.462 giờ, tăng 152% so với 2019, trong đó tổng số giờ đào tạo nội bộ là 9.146 giờ. Số giờ đào tạo nội bộ trong năm 2020 tăng đột biến so với cùng kỳ là do Công ty đã triển khai chương trình Future Broker với số giờ đào tạo gần 8.000 giờ. Theo đó, số giờ đào tạo trung bình đối với nhân viên khối kinh doanh đã vượt mục tiêu đề ra. Việc triển khai Future Broker là sự chuẩn bị chủ động về nguồn cung nhân lực cho mục tiêu phát triển trung và dài hạn của BVSC.

Đối với khối quản lý và hỗ trợ, số giờ đào tao trung bình của nhân viên quản lý và hỗ trợ đã có sự giảm nhẹ so với năm trước do ảnh hưởng bởi dịch covid – 19 hạn chế việc tập trung đông người nên một số chương trình đào tạo tập trung đã không được triển khai, một số khóa chuyển sang hình thức học trực tuyến.

Giáo dục và Đào tạo (Tiếp theo)

GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 2020 (TIẾP THEO)

404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

Đối với khối môi giới

- Đối với lao động mới tuyển qua Chương trình Future Broker: 24 chuyên đề đào tạo trong 8 tuần, tuân thủ mô hình khung năng lực ASK (Kiến thức – Kỹ năng – Thái độ) kết hợp với hoạt động huấn luyện kèm cặp qua công việc.
- Đối với lao động đang làm việc: Thực hiện các chuyên đề đào tạo về sản phẩm mới, các hoạt động đào tạo chuyển đổi giúp người lao động thích nghi với phương thức làm việc mới, công nghệ mới: Trong năm 2020 Công ty đã đào tạo cho NLĐ về sản phẩm mới Ideposit, hệ thống giao dịch trực tuyến mới B-Wise, việc sử dụng các phần mềm làm việc từ xa như Anydesk, việc sử dụng các phương tiện họp trực tuyến để thích nghi với giai đoạn Covid-19.

Đối với các Phòng ban nghiệp vụ khác

- Cán bộ tham gia các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ nghề nghiệp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của mình như CFA, ACCA, CPA, CMT, SHRM... .
- Trong năm 2020 nhằm nâng cao kỹ năng đào tạo cho đội ngũ giảng viên nội bộ, Công ty đã triển khai chương trình đào tạo kỹ năng dẫn giảng chuyên nghiệp cho các cán bộ nghiệp vụ làm công tác huấn luyện đào tạo.
- Đối với cấp quản lý: Công ty cử cán bộ tham gia các chương trình huấn luyện kỹ năng lãnh đạo LeaderCoach.

404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu qua công việc và phát triển nghề nghiệp

Phân loại nhân viên	% Nam giới	% Nữ giới
Cấp nhân viên	99	97,3
Cấp quản lý	100	100

Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định cụ thể trong các văn bản Pháp luật. BVSC là doanh nghiệp Việt Nam nên việc tuân theo các quy định pháp luật Việt Nam là điều tất yếu.
- Tại BVSC, cán bộ có vị trí và vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và phát huy năng lực của mình cho sự phát triển chung của toàn Công ty.

Nơi phát sinh tác động

- Tỷ lệ lao động nữ giới và nam giới hiện nay trong Công ty.
- Tỷ lệ lao động nữ giữ vị trí quản lý từ cấp trung trở lên so với nam giới.
- Các chính sách nhân sự giữa lao động nữ và lao động nam.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. *Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.*

Bình đẳng giới tại BVSC được thể hiện trong mọi hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, được xây dựng và hình thành thành văn hóa doanh nghiệp và trở thành điều tất yếu trong hoạt động kinh doanh.

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

- Trong tất cả các chính sách về nhân sự của Công ty đều không có sự khác biệt, hạn chế theo giới tính, theo dân tộc.
- Việc đảm bảo sự đa dạng và cơ hội bình đẳng trong doanh nghiệp sẽ giúp cho tất cả người lao động có thể phát huy năng lực của bản thân, đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (Tiếp theo)

Chính sách

Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong chính sách tuyển dụng nhân sự.

Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong việc phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ.

Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động.

Cam kết

Đảm bảo duy trì sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho tất cả người lao động trong Công ty.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Phấn đấu tăng tỷ lệ nữ trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty.

Trách nhiệm, Nguồn lực, Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết khiếu nại, Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho người lao động được Ban Lãnh đạo Công ty luôn coi trọng và trở thành văn hóa của doanh nghiệp. Mặc dù hiện nay, BVSC chưa ban hành chính sách về bình đẳng giới nhưng quan điểm về bình đẳng giới được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các chính sách liên quan đến người lao động trong Công ty.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị:

Thông qua các báo cáo về tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu lao động của Công ty dựa trên các báo cáo nhân sự định kỳ hàng năm của Công ty.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Với các số liệu báo cáo về tình hình nhân sự tại Công ty, có thể thấy Công ty đã thực hiện tốt phương pháp quản trị về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Không có điều chỉnh nào liên quan đến phương pháp quản trị này

GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

405-1 Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức

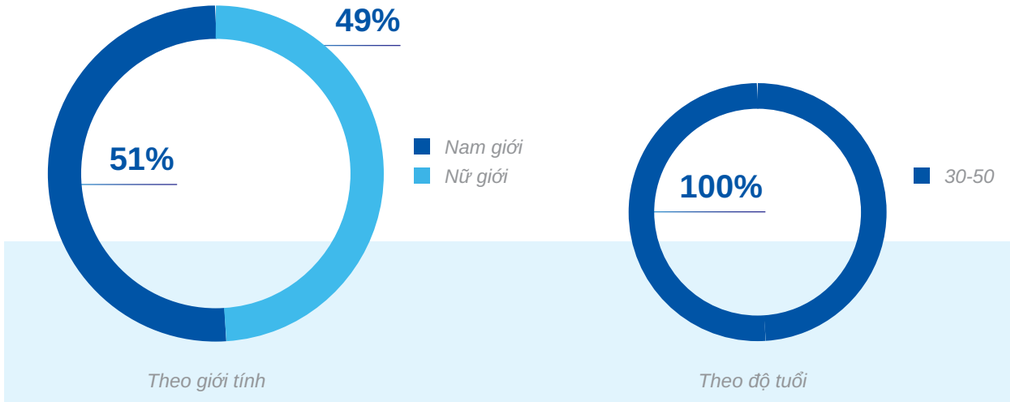

Tỷ lệ phần trăm nhân viên theo phân loại nhân viên

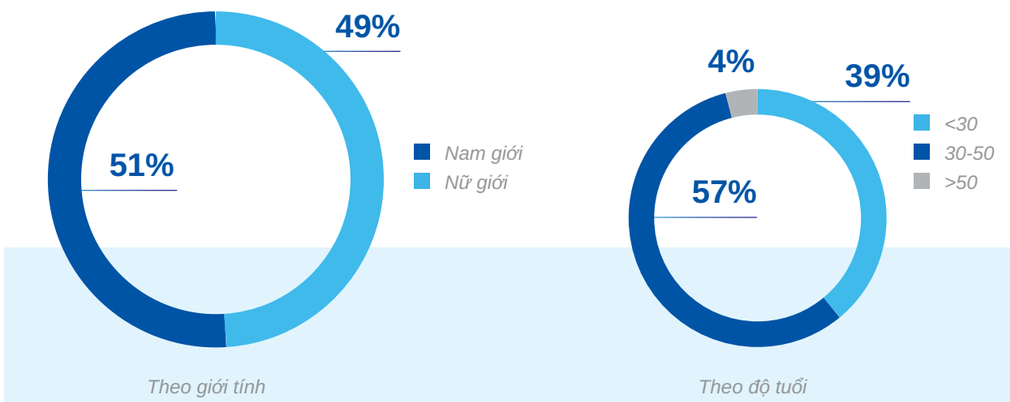

Số lượng cán bộ là dân tộc thiểu số: 16 người.

Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng (Tiếp theo)

GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG (TIẾP THEO)

405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới

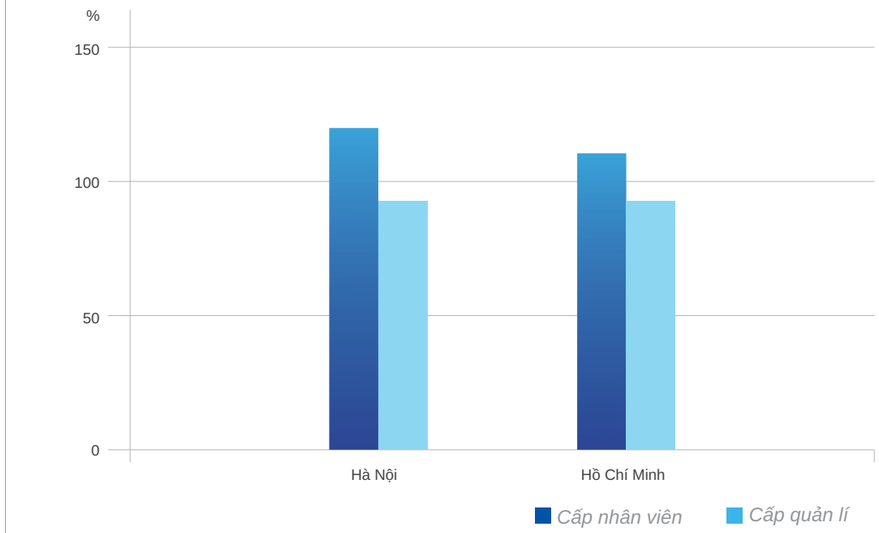

Số liệu thống kê trong năm cho thấy sự đa dạng trong cơ cấu nhân lực, bao gồm đa dạng về dân tộc (BVSC có 16 cán bộ là dân tộc thiểu số) và độ tuổi. Bình đẳng giới được phản ảnh rõ nét trong cơ cấu lao động tại BVSC cả ở cấp quản lý lẫn nhân viên (Nam 51% và nữ 49%), thu nhập của nữ giới cao hơn so với nam giới ở cấp nhân viên, tỷ lệ này ở cấp quản lý có thấp hơn nhưng khoảng cách không cao. Ngoài ra, không có sự chênh lệch quá về thu nhập giữa lao động tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Sự đa dạng trong cơ cấu nhân lực & bình đẳng giới giúp cho công ty phát huy được những lợi thế về kiến thức, kinh nghiệm lẫn động lực sáng tạo của người lao động ở nhiều lứa tuổi khác nhau, điều này sẽ góp phần tạo động lực phát triển bền vững.

An sinh xã hội

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Những năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác An sinh xã hội luôn được BVSC quan tâm, coi đó là mục tiêu, là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, đồng thời là trách nhiệm đối với cho cộng đồng xã hội.

Tại BVSC, vấn đề An sinh xã hội luôn thể hiện tính nhân văn, đảm bảo sự đoàn kết, chia sẻ và tương trợ cộng đồng đối với các hoàn cảnh khó khăn, rủi ro trong cuộc sống, đồng lòng hỗ trợ để cùng phát triển, tạo nên tác dụng thúc đẩy sự đồng thuận, bình đẳng và công bằng xã hội. Với vai trò là người đồng hành, BVSC luôn nỗ lực nâng cao trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội.

Nơi phát sinh tác động

Công tác An sinh xã hội được BVSC chia thành 3 nhóm đối tượng chính:

Đầu tư vào thế hệ tương lai.	Xóa đói giảm nghèo	Tri ân gia đình có công với cách mạng.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. *Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.*

Công ty thường trực tiếp tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hoặc kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện các hoạt động thiện nguyện ý nghĩa.

Không có phạm vi giới hạn trong chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Công ty quản lý việc thực hiện các chương trình An sinh xã hội thông qua Công đoàn của Công ty, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các chương trình được lên kế hoạch thực kiện và dự trù kinh phí, sau khi thực hiện, toàn bộ kết quả chương trình, chi phí thực tế đều được công khai minh bạch trong cuộc họp tổng kết.

Việc thực hiện chương trình theo phương pháp quản trị nhằm mục đích tối ưu hóa các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo đúng đối tượng cần được chia sẻ.

An sinh xã hội (Tiếp theo)

GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Công ty chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị một cách chính thống. Tuy nhiên, đối với tất cả chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đều được lên kế hoạch, thực hiện tổ chức và tổng kết đánh giá sau mỗi chương trình. Ngoài ra công ty ghi nhận tính hiệu quả của các chương trình triển khai thông qua các phản hồi từ các tổ chức đoàn thể cấp trên và thông qua mạng xã hội.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Việc thực hiện rà soát sau tất cả những chương trình An sinh xã hội hàng năm cũng như ghi nhận những phản hồi từ bên ngoài của Công ty đang thực hiện tốt. Tuy nhiên, Công ty sẽ lên kế hoạch để thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị và ban hành trong thời gian tới.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến Phương pháp điều chỉnh trong chủ đề này.

Các chương trình an sinh xã hội

Năm 2020, trong tình hình đại dịch Covid có diễn biến phức tạp, BVSC đã khẩn trương lên kế hoạch thay đổi các hình thức hỗ trợ an sinh xã hội phù hợp để đảm bảo các hoạt động vẫn được diễn ra một cách an toàn và suôn sẻ. Các chương trình an sinh xã hội tại BVSC được thực hiện có trọng tâm gắn với những mục tiêu rõ ràng, bao gồm các hoạt động đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ, xóa đói giảm nghèo, khám chữa bệnh, tri ân các anh hùng liệt sỹ.

Giải chạy: "BVSC - Chạy vì miền Trùng"

ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THẾ HỆ TRẺ

Trẻ em chính là tương lai của gia đình và xã hội, là thế hệ xây dựng và bảo vệ đất nước mai sau. Nhận thức được việc đó, tại BVSC đặc biệt quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho "mầm xanh" tương lai của đất nước, góp phần tạo nên tương lai tươi sáng và trường tồn cho quốc gia. Thông qua chương trình ***"Sẻ chia tri thức – Xây dựng tương lai"*** được tổ chức thường niên tại chi nhánh, BVSC trao tặng 22 suất học bổng trị giá 1.450.000 đồng/suất và mua các phần quà dành tặng cho 22 em học sinh nghèo tại trường TH&THCS Vĩnh Quới, tỉnh Sóc Trăng giúp các em vượt khó, biết vươn lên trong học tập.

BVSC trao tặng

22 ***suất học bổng***

cho các em học sinh nghèo

BVSC trao tặng 22 suất học bổng cho các em học sinh nghèo

Ngày hội hiến máu cứu người

Các chương trình an sinh xã hội (Tiếp theo)

TRI ÂN ANH HÙNG LIỆT SỸ, GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Trong năm, các hoạt động tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng luôn được Công ty chú trọng thực hiện thông qua các hoạt động:

- ***Thăm hỏi và tặng quà các gia đình có công với cách mạng:*** Nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/07/2020, Công ty đã tổ chức các hoạt động ý nghĩa nhằm tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến và hy sinh vì độc lập dân tộc, thông qua việc Ban lãnh đạo Công ty đến thăm hỏi và tặng quà các gia đình cán bộ, nhân viên Công ty thuộc diện gia có công với cách mạng với tổng giá trị số quà là 13.100.000 đồng.

- ***Ủng hộ gia đình chính sách:*** trong năm, BVSC ủng hộ gia đình nữ thanh niên xung phong Võ Thị Kim Khuyên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, một mình Bà nuôi 02 người con bị tâm thần và 01 người con bị ung thư sống tại huyện Kom Plông, tỉnh Kon Tum với số tiền 10.000.000 đồng.
- ***Tặng quà cho các cán bộ, nhân viên nguyên là cựu quân nhân:*** Nhân dịp kỷ niệm 76 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 22/12/2020, BVSC tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các cán bộ, nhân viên công ty nguyên là cựu quân nhân.

Chương trình Mang hơi ấm đến vùng cao

ĐẦU TƯ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Năm 2020 là năm thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân Việt Nam. Trong bối cảnh này hoạt động thiện nguyện vẫn luôn được BVSC chú trọng thực hiện với mong muốn chia sẻ, hỗ trợ và giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, như một lời hứa cam kết của BVSC với cộng đồng. Với các hoạt động triển khai như sau:

- ***Chương trình "San sẻ yêu thương":*** Trong 03 năm gần đây mỗi độ Tết đến Xuân về, BVSC lại tặng những phần quà với mong muốn mang đến một cái Tết ấm áp hơn cho những gia đình khó khăn cần hỗ trợ. Nhân dịp Tết Nguyên Đáng Canh Tý năm 2020, BVSC đã trao tặng 150 suất quà cho các hộ nghèo trên địa bàn 4 xã: Châu Hưng, Tân Long, Tuân Tức và Phú Lộc thuộc huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng với tổng giá trị số tiền 45.000.000 đồng. Mỗi phần quà bao gồm các thực phẩm cần thiết như gạo, đường, nước mắm, bột ngọt...

San sẻ yêu thương - Xuân đầm ấm 2020

- Chương trình chung tay ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19: Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Trung ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, tháng 3 năm 2020 BVSC đã kêu gọi cán bộ, nhân viên tham gia quyên góp, ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19. Kết thúc Chương trình, BVSC ủng hộ số tiền là: 41.900.000 đồng chuyển về Tập đoàn Bảo Việt để Tập đoàn Bảo Việt cùng với các đơn vị thành viên đã ủng hộ Quỹ Phòng chống dịch Covid-19 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, với mong muốn tiếp tục cùng Đảng, Nhà nước có thêm nguồn lực để chung tay cùng cả nước phòng chống dịch Covid-19.

Các chương trình an sinh xã hội (Tiếp theo)

ĐẦU TƯ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO (TIẾP THEO)

- Chương trình ***"Suất cơm từ thiện"***: Là năm thứ 8 BVSC triển khai Chương trình tại Viện Huyết học Truyền máu Trung ương, với mong muốn góp một phần nhỏ bé để giúp những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị bệnh tại đây. Tuy trong năm dịch bệnh COVID-19 diễn biến một cách phức tạp ảnh hưởng nhất định đến việc triển khai Chương trình, nhưng BVSC vẫn triển khai Chương trình với việc trao tặng 1.017 suất cơm tương đương với số tiền 35.595.000 đồng, và tặng 450 suất quà cho các bệnh nhân nữ nhân Ngày 20/10/2020 tương ứng số tiền 18.500.000 đồng; đồng thời đảm bảo tuân thủ đúng các quy định Chính phủ về việc phòng chống dịch Covid-19 tại nơi công cộng như đề nghị những người tham gia Chương trình đeo khẩu trang, giữ khoảng cách khoảng khi xếp hàng...

BVSC trao tặng

1.017

suất cơm

cho các bệnh nhân

450 ***suất quà***

cho các bệnh nhân nữ nhân ngày 20/10/2020

- Chương trình "Chung tay ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiệt hại do bão lũ": Với tinh thần "tương thân tương ái", đồng thời hưởng ứng lời kêu gọi của Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt, BVSC ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiệt hại do đợt lũ lụt tháng 10/2020 với tổng số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền này đã được BVSC chuyển về Tập đoàn Bảo Việt để cùng Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên hỗ trợ đồng bào các tỉnh miền Trung kịp thời khắc phục hậu quả của bão lũ, sớm vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, phục hồi sản xuất kinh doanh với tổng số tiền ủng hộ gần 3.000.000.000 tỷ đồng.

Mang hơi ấm đến vùng cao tại xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình

- Chương trình ***"Mang hơi ấm tới vùng cao"***: Chương trình mang hơi ấm tới vùng cao là một trong 04 Chương trình thiện nguyện thường niên được BVSC duy trì tổ chức trong nhiều năm qua, qua đó góp phần gây dựng nét văn hóa đặc trưng trong công tác thiện nguyện tại BVSC, năm 2020 là năm thứ 9 BVSC triển khai Chương trình. Chương trình tổ chức tại xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình là vùng rốn lũ của miền trung trong đợt lũ lụt tháng 10 năm 2020. Chương trình đã trao tặng được 300 suất quà bằng tiền mặt với giá trị 300.000 đồng/ suất cùng với 200 chiếc chăn ấm cho những hộ dân chịu nhiều thiệt hại lớn do mưa lũ gây ra; 100 chiếc ba lô học sinh; 03 bộ trống liên đội và sách cho các em học sinh với tổng giá trị quà tặng 195.000.000 đồng.

Giải bóng đá BVSC 2020

Ngoài các chương trình thiện nguyện trên, BVSC tích cực tham gia các hoạt động gây quỹ từ thiện cho cộng đồng xã hội như: BVSC – Chạy vì miền Trung, Ngày hội hiến máu, Tết trồng cây …. cũng như các chương trình thiện nguyện do Tập đoàn Bảo Việt tổ chức.

Phụ lục I: Điểm yếu tố chất lượng quản trị theo Camel

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2019	Điểm số 2020	Trọng số
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 5 năm	100	100	4%
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 5 năm	100	100	6%
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 7 năm	100	100	4%
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 7 năm	100	100	6%
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO,CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này	Trên 20%	0	0	4%
6	Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế.	100	100	5%
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế.	100	100	5%
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả.	100	100	5%
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	100	5%
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	100	6%
11	Số năm hoạt động	Lớn hơn 7 năm	100	100	6%
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	Từ 2% đến dưới 5%	80	80	8%
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	Hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS	80	80	5%
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung	Top 15	70	70	5%
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ)	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao	100	100	4%
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất	Từ 10% đến 20%	30	80	6%
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Không sử dụng	100	100	5%
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất	Không có vi phạm	100	100	6%
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty	4 nghiệp vụ	100	100	5%
Tổng điểm số			**87.7**	**90.7**	

Phụ lục II: Điểm yếu tố tài chính theo Camel

STT	Chỉ tiêu Tài chính theo Camel	Tỷ lệ		Áp điểm		Trọng số
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	
1	C1 = VCSH/TTS	75.3%	54.9%	100	80	10%
2	C2 = VCSH/VPĐ	602.2%	749.9%	100	100	10%
3	C3 = TL vốn khả dụng	714.0%	516.0%	100	100	10%
4	A1 = Tỉ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)	90.43%	90.29%	100	100	5%
5	A2 = Tỉ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu)	4.3%	3.1%	80	80	10%
6	A3 = Tỉ lệ các khoản phải thu/TTS	1.7%	0.7%	100	100	10%
7	E1 = LNST/Tổng doanh thu	24.0%	22.3%	100	100	10%
8	E2 = LNST/VCSH bình quân	7.7%	7.2%	70	70	10%
9	L1 = Tỉ lệ TSNH/Nợ NH	1225.6%	215.1%	100	100	15%
10	L2 = Tỉ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	96.3%	44.0%	100	100	10%
Tổng điểm số				**95**	**93**	

Điểm xếp loại

Điểm thành phần	Năm 2019	Năm 2020	Trọng số
Điểm cho yếu tố tài chính	95	93	70%
Điểm cho yếu tố quản trị	87,7	90,7	30%
Tổng điểm	**92,8**	**92,3**	

Điểm theo các yếu tố của Camel

Điểm các yếu tố	Năm 2019	Năm 2020
C (Mức độ đủ vốn)	100,0	93,3
A (Chất lượng tài sản)	92,0	92,0
M (Quản trị)	87,7	85,0
E (Khả năng sinh lời)	85,0	100,0
L (Chất lượng thanh khoản)	100,0	90,7

BVSC xếp loại A đạt

93,2

điểm

Kết hợp cả 02 yếu tố tài chính và quản trị, Công ty được **xếp loại A** do tổng điểm xếp loại của Công ty đạt **92,3 điểm**, đáp ứng tiêu chí tổng điểm từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65 điểm.

Ghi chú: *XẾP LOẠI A: Tổng điểm xếp loại của Công ty từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65.*

06

Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính tổng hợp 222
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 313

01. Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.874.743.668.855 VND.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Xuân Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thôi giữ chức vụ kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

02. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

03. Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60758149/21917378

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021 và được trình bày **từ trang 222 đến trang 341**, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

04. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

B01-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.057.481.551.720**	**2.216.765.893.431**
110	**I. Tài sản tài chính**		**3.055.091.690.297**	**2.213.745.653.759**
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	88.878.481.436	174.237.228.080
111.1	1.1. Tiền		88.878.481.436	174.237.228.080
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	537.049.359.670	421.327.957.700
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	140.815.123.288	10.022.246.575
114	4. Các khoản cho vay	7.4	2.205.552.755.865	1.514.325.651.880
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	141.474.190.977	131.915.592.497
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(83.321.740.473)	(77.943.762.861)
117	7. Các khoản phải thu	8	13.948.873.006	17.888.832.396
117.2	7.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		13.948.873.006	17.888.832.396
117.4	7.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		13.948.873.006	17.888.832.396
118	8. Trả trước cho người bán	8	4.872.918.095	6.440.012.898
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	3.831.342.787	4.243.758.225
122	10. Các khoản phải thu khác	8	17.974.115.345	27.271.866.068
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(15.983.729.699)	(15.983.729.699)
130	**II. Tài sản ngắn hạn khác**	**9**	**2.389.861.423**	**3.020.239.672**
131	1. Tạm ứng		197.767.410	583.827.230
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		440.296.625	486.898.450
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.751.797.388	1.949.513.992

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**355.511.340.000**	**181.087.292.225**
210	**I. Tài sản tài chính dài hạn**		**304.361.150.719**	**118.581.166.699**
212	1. Các khoản đầu tư		308.729.149.719	120.449.203.000
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.3	155.743.269.525	-
212.4	1.2. Đầu tư dài hạn khác	7.2	152.985.880.194	120.449.203.000
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	7.6	(4.367.999.000)	(1.868.036.301)
220	**II. Tài sản cố định**		**15.663.357.737**	**16.846.722.014**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.973.845.649	14.606.828.563
222	1.1. Nguyên giá		38.831.601.069	35.972.723.069
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(25.857.755.420)	(21.365.894.506)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.689.512.088	2.239.893.451
228	2.1. Nguyên giá		16.316.031.090	14.530.251.090
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(13.626.519.002)	(12.290.357.639)
240	**III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		**1.585.715.000**	**-**
250	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**33.901.116.544**	**45.659.403.512**
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.116.581.840	1.092.282.572
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	11.434.414.184	23.388.143.453
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	21.350.120.520	21.178.977.487
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.412.992.891.720**	**2.397.853.185.656**

04. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B01-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.538.249.222.865**	**591.219.993.235**
310	**I. Nợ phải trả ngắn hạn**		**1.421.265.974.723**	**180.864.567.225**
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		895.000.000.000	100.000.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn	14	895.000.000.000	100.000.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	5.335.570.233	2.810.129.998
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	6.482.919.261	2.904.469.374
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.945.367.272	7.017.431.817
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	14.813.780.151	7.654.954.770
323	6. Phải trả người lao động		40.970.689.958	35.568.500.561
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.134.201.903	1.165.913.810
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.600.310.672	2.491.758.782
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19	417.148.403.422	2.845.649.995
330	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		11.500.000.000	12.000.000.000
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.334.731.851	6.405.758.118
340	**II. Nợ phải trả dài hạn**		**116.983.248.142**	**410.355.426.010**
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	20	100.251.422.216	400.387.697.434
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	16.731.825.926	9.967.728.576

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.874.743.668.855**	**1.806.633.192.421**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**21**	**1.874.743.668.855**	**1.806.633.192.421**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000
411.1a	1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	29	47.901.675.608	30.894.437.854
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		47.769.022.922	42.517.552.484
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		47.769.022.922	42.517.552.484
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		399.208.093.183	358.607.795.379
417.1	5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		393.844.801.004	380.595.251.718
417.2	5.2. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện		5.363.292.179	(21.987.456.339)
440	**TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**3.412.992.891.720**	**2.397.853.185.656**

04. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B01-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		10.975.070.000	-
004	2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		390.400.000	390.400.000
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		72.200.145	72.200.145
007	4. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		33.792	33.792
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND)	22.1	162.224.140.000	154.658.540.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)	22.2	3.000.030.000	3.000.000.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	22.3	61.150.000.000	385.900.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	22.4	174.686.470.000	174.686.470.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	22.5	28.702.733.325.500	26.179.273.156.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)		26.775.577.420.000	25.172.493.819.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)		735.838.250.000	234.606.360.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)		644.711.310.000	509.936.430.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (VND)		120.469.860.000	92.969.860.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)		426.136.485.500	169.266.687.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	22.6	53.178.860.000	15.519.200.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)		31.590.860.000	5.844.020.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)		21.588.000.000	9.675.180.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)		370.984.343.400	119.419.034.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)		2.566.395.860.000	2.492.322.700.000
026	5. Tiền gửi của khách hàng (VND)		1.176.052.114.156	588.148.124.654
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	22.7	599.761.947.810	364.578.483.902
028	b. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	22.7	493.104.582.949	223.301.242.574
030	c. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		83.185.583.397	268.398.178
	6. Phải trả khách hàng (VND)		1.176.052.114.156	588.148.124.654
031	a. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	22.8	1.062.348.309.557	564.487.860.800
031.1	• Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		1.061.076.042.795	563.256.823.806
031.2	• Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		1.272.266.762	1.231.036.994
032	b. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		3.909.482.426	14.999.565.694
035	c. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)		109.794.322.173	8.660.698.160

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

05. Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp

B02-CTCK
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		202.218.432.157	184.910.055.845
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	52.420.543.941	51.447.253.099
01.2	1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	76.235.023.711	63.837.989.373
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	23.3	73.562.864.505	69.624.813.373
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	23.3	6.876.255.827	2.943.826.785
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.3	174.088.891.756	193.702.056.566
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	23.3	3.814.055.000	4.971.727.400
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23.4	151.391.863.796	135.858.907.322
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23.4	14.621.418.127	62.602.909
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23.4	5.677.436.990	5.846.382.979
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23.4	6.849.895.454	11.022.954.544
11	9. Thu nhập hoạt động khác	23.4	2.521.476.224	1.945.263.739
20	**CỘNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG**		**568.059.725.331**	**541.263.778.089**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(143.062.996.205)	(139.063.068.343)
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	(96.691.008.922)	(83.096.115.437)
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	(46.371.987.283)	(55.966.952.906)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	(7.877.940.311)	12.674.194.138
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		(3.238.105.143)	(2.929.485.497)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(122.805.377.182)	(119.277.954.084)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(15.713.712.945)	(14.720.763.230)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(16.325.549.109)	(12.491.091.723)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác		(9.379.919.398)	(8.894.414.299)
40	**CỘNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**		**(318.403.600.293)**	**(284.702.583.038)**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỉ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	119.046
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		26.090.687.204	22.391.026.254
50	**CỘNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		**26.090.687.204**	**22.391.145.300**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(287.184)	(1.976.854)
52	2. Chi phí lãi vay	25	(32.741.145.600)	(39.502.779.067)
60	**CỘNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH**		**(32.741.432.784)**	**(39.504.755.921)**
62	**V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**26**	**(88.631.504.670)**	**(88.155.629.150)**
70	**VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**154.373.874.788**	**151.291.955.280**
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác	27	311.980.118	394.272.728
72	2. Chi phí khác	27	(353.585.000)	(523.614.540)
80	**CỘNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC**		**(41.604.882)**	**(129.341.812)**
90	**VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**154.332.269.906**	**151.162.613.468**
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		124.469.233.478	143.291.577.001
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		29.863.036.428	7.871.036.467
100	**IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**28**	**(21.952.112.634)**	**(15.653.003.473)**
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(19.439.824.724)	(15.361.510.496)
100.2	2. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		(2.512.287.910)	(291.492.977)
200	**X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**132.380.157.272**	**135.509.609.995**
300	**XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**	**30**	**17.007.237.754**	**7.746.376.000**
301	1. Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		17.007.237.754	7.746.376.000
400	**Tổng thu nhập toàn diện**		**17.007.237.754**	**7.746.376.000**
500	**XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	31.2	1.389	1.646

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

06. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

B03-CTCK
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền chi mua các tài sản tài chính		(49.815.123.802.880)	(52.573.822.607.317)
02	2. Tiền thu từ bán các tài sản tài chính		49.045.608.295.553	52.909.923.549.908
04	3. Cổ tức đã nhận		55.484.384.749	61.651.057.392
05	4. Tiền lãi đã thu		204.651.076.732	218.684.404.057
06	5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		(29.745.683.268)	(50.545.315.983)
07	6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK		(31.988.135.014)	(35.559.175.855)
08	7. Tiền chi trả cho người lao động		(126.494.332.006)	(114.495.872.255)
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK		(70.491.086.448)	(71.057.257.918)
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.896.937.864.431	27.608.185.677.922
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.432.471.085.593)	(28.126.546.464.583)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(303.632.503.744)**	**(173.582.004.632)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(5.206.260.000)	(5.330.206.154)
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(5.206.260.000)**	**(5.330.206.154)**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay gốc		1.451.000.000.000	1.078.690.000.000
33.2	1.1. Tiền vay khác		1.451.000.000.000	1.078.690.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.156.000.000.000)	(1.119.682.200.000)
34.3	2.1. Tiền chi trả gốc vay khác		(1.156.000.000.000)	(1.119.682.200.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(71.519.982.900)	(71.707.608.460)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**223.480.017.100**	**(112.699.808.460)**
50	**IV. GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**(85.358.746.644)**	**(291.612.019.246)**
60	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**5**	**174.237.228.080**	**465.849.247.326**
61	Tiền		174.237.228.080	465.849.247.326
70	**VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	**5**	**88.878.481.436**	**174.237.228.080**
71	Tiền		88.878.481.436	174.237.228.080

06. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (Tiếp theo)

B03-CTCK
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		57.693.377.697.567	54.392.648.561.090
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(56.713.771.038.156)	(50.919.531.828.214)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		22.384.014.426.187	25.390.359.305.280
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(4.066.354.560)	(3.384.346.741)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.201.553.399.557	3.215.162.056.719
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(4.121.843.082.087)	(3.250.162.669.974)
	7. Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		85.284.015.628.852	85.281.438.102.382
	8. Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		(108.135.376.687.858)	(114.318.137.551.731)
20	**Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm**		**587.903.989.502**	**(211.608.371.189)**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**			
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		588.148.124.654	799.756.495.843
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.7	364.578.483.902	558.187.678.624
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		223.301.242.574	235.604.670.445
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		268.398.178	5.964.146.774

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**			
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.176.052.114.156	588.148.124.654
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.7	599.761.947.810	364.578.483.902
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	22.7	493.104.582.949	223.301.242.574
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		83.185.583.397	268.398.178

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

07. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp

B04-CTCK
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm			Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2019	Ngày 01/01/2020		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2		3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU										
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220		-	-	-	-	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000		-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720		-	-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
1.3 Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)		-	-	-	-	(496.682.500)	(496.682.500)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		36.121.049.159	42.517.552.484		6.396.503.325	-	5.251.470.438	-	42.517.552.484	47.769.022.922
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		36.121.049.159	42.517.552.484		6.396.503.325	-	5.251.470.438	-	42.517.552.484	47.769.022.922
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	29	23.148.061.854	30.894.437.854		13.692.850.000	(5.946.474.000)	47.769.867.194	(30.762.629.440)	30.894.437.854	47.901.675.608
5. Lợi nhuận chưa phân phối		264.666.028.072	358.607.795.379		135.509.609.995	(41.567.842.688)	132.380.157.272	(91.779.859.468)	358.607.795.379	399.208.093.183
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		294.233.027.901	380.595.251.718		127.930.066.505	(41.567.842.688)	105.029.408.754	(91.779.859.468)	380.595.251.718	393.844.801.004
5.2 (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		(29.566.999.829)	(21.987.456.339)		7.579.543.490	-	27.350.748.518	-	(21.987.456.339)	5.363.292.179
TỔNG CỘNG		**1.692.152.042.464**	**1.806.633.192.421**		**161.995.466.645**	**(47.514.316.688)**	**190.652.965.342**	**(122.542.488.908)**	**1.806.633.192.421**	**1.874.743.668.855**
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC										
Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	29	23.148.061.854	30.894.437.854		13.692.850.000	(5.946.474.000)	47.769.867.194	(30.762.629.440)	30.894.437.854	47.901.675.608
TỔNG CỘNG		**23.148.061.854**	**30.894.437.854**		**13.692.850.000**	**(5.946.474.000)**	**47.769.867.194**	**(30.762.629.440)**	**30.894.437.854**	**47.901.675.608**

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

	Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1.	Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội)	72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2.	Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3.	Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội)	Tầng 10, tòa nhà văn phòng Hapulico – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội
4.	Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)	Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
5.	Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
6.	Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
7.	Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8.	Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Quy mô vốn
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.874.743.668.855 VND, tổng tài sản là 3.412.992.891.720 VND.

Mục tiêu đầu tư
Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư
Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cơ sở trình bày

CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bô Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính tổng hợp quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính tổng hợp của Trụ sở chính Công ty và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015. Công ty cũng lập báo cáo tài chính của riêng Trụ sở chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán việt nam

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - › Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - › Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - › Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - › Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
  - › Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp ngay khi phát sinh.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÀI SẢN TÀI CHÍNH GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM) (TIẾP THEO)

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, trừ trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy. Trường hợp này, tài sản tài chính AFS sẽ tiếp tục được hạch toán theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch trên hệ thống liền kề gần nhất trước ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

NGỪNG GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

PHÂN LOẠI LẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL
Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chinh AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ
Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục *"Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý"* thuộc Vốn chủ sở hữu.

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ ĐEM ĐI THẾ CHẤP

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác. Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn. Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến năm (5) năm vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

CÁC HỢP ĐỒNG BÁN VÀ CAM KẾT MUA LẠI

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động tổng hợp trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Trái phiếu do Công ty phát hành được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản trái phiếu phát hành được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

Trợ cấp nghỉ hưu
Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17.5% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Trợ cấp thôi việc phải trả
Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp
Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán
Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác
Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi
Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức
Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác
Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.
Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ VỐN CHỨNG KHOÁN TỰ DOANH BÁN RA

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập hiện hành
Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc có thể thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu
Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối
Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ
Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có sự kiện tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kế tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

CÁC KHOẢN MỤC KHÔNG CÓ SỐ DƯ

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	**88.878.481.436**	**174.237.228.080**
Tiền mặt tại quỹ	437.070.639	328.387.909
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	88.441.410.797	173.908.840.171
Tổng cộng	**88.878.481.436**	**174.237.228.080**

Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
1. Của Công ty		
Cổ phiếu	131.476.211	3.001.210.338.055
Trái phiếu	42.303.935	5.520.020.953.567
Chứng khoán khác	21.728.272	5.859.521.687.623
	195.508.418	**14.380.752.979.245**
2. Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	6.434.085.613	94.624.222.805.939
Trái phiếu	253.460.902	34.379.461.516.928
Chứng khoán khác	46.486.550	243.816.442.500
	6.734.033.065	**129.247.500.765.367**

Các loại tài sản tài chính

TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	210.442.200.557	217.175.554.380	189.762.246.176	180.822.550.600
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.644.228.700	1.042.377.861	83.272.941.379	70.870.256.777
Chứng chỉ quỹ	66.295.483.783	73.283.680.000	37.661.457.049	39.260.500.000
Trái phiếu doanh nghiệp	245.547.747.429	245.547.747.429	130.374.650.323	130.374.650.323
TỔNG CỘNG	**526.929.660.469**	**537.049.359.670**	**441.071.294.927**	**421.327.957.700**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (AFS)

	Số cuối năm				Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần
	VND	VND	VND		VND	VND	VND
NGẮN HẠN							
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	**16.576.432.682**	**50.539.170.000**	**50.539.170.000**		**16.576.432.682**	**40.895.760.000**	**40.895.760.000**
Chứng chỉ quỹ	16.576.432.682	50.539.170.000	50.539.170.000		16.576.432.682	40.895.760.000	40.895.760.000
Ghi nhận theo giá gốc	**90.935.020.977**	**90.935.020.977**	**37.235.731.354**		**91.019.832.497**	**91.019.832.497**	**42.515.376.099**
Đầu tư tự doanh khác	18.580.504.253	18.580.504.253	-		18.664.504.253	18.664.504.253	-
Cổ phiếu	72.354.516.724	72.354.516.724	37.235.731.354		72.355.328.244	72.355.328.244	42.515.376.099
TỔNG CỘNG	**107.511.453.659**	**141.474.190.977**	**87.774.901.354**		**107.596.265.179**	**131.915.592.497**	**83.411.136.099**
DÀI HẠN							
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	**112.921.040.000**	**138.835.397.194**	**138.835.397.194**		**92.000.000.000**	**106.298.720.000**	**106.298.720.000**
Cổ phiếu niêm yết	19.921.040.000	20.515.913.600	20.515.913.600		-	-	-
Chứng chỉ quỹ	93.000.000.000	118.319.483.594	118.319.483.594		92.000.000.000	106.298.720.000	106.298.720.000
Ghi nhận theo giá gốc	**14.150.483.000**	**14.150.483.000**	**9.782.484.000**		**14.150.483.000**	**14.150.483.000**	**12.282.446.699**
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.483.000	14.150.483.000	9.782.484.000		14.150.483.000	14.150.483.000	12.282.446.699
TỔNG CỘNG	**127.071.523.000**	**152.985.880.194**	**148.617.881.194**		**106.150.483.000**	**120.449.203.000**	**118.581.166.699**

(*): Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
1. Tiền gửi		
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	140.815.123.288	10.022.246.575
TỔNG CỘNG	**140.815.123.288**	**10.022.246.575**
Dài hạn		
1. Trái phiếu chưa niêm yết		
Trái phiếu Tổ chức Tín dụng (**)	155.743.269.525	-
TỔNG CỘNG	**155.743.269.525**	**-**

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

(**) Các trái phiếu do Tổ chức Tín dụng phát hành có kỳ hạn từ bảy (07) đến tám (08) năm và được hưởng lãi suất từ 6,90%/năm đến 7,55%/năm.

CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cho vay margin (*)	1.730.670.665.606	1.287.737.369.585
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	474.882.090.259	226.588.282.295
TỔNG CỘNG	**2.205.552.755.865**	**1.514.325.651.880**

(*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 3.582.731.418.078 VND và 2.638.221.982.566 VND.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm					Số đầu năm			
	Giá mua (VND)	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại (VND)		Giá mua (VND)	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại (VND)
		Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)				Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	
Tài sản tài chính FVTPL									
Ngắn hạn	**526.929.660.469**	**23.782.035.116**	**(13.662.335.915)**	**537.049.359.670**		**441.071.294.927**	**11.220.595.561**	**(30.963.932.788)**	**421.327.957.700**
Cổ phiếu niêm yết	210.442.200.557	16.792.677.897	(10.059.324.074)	217.175.554.380		189.762.246.176	9.178.988.264	(18.118.683.840)	180.822.550.600
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.644.228.700	1.161.002	(3.603.011.841)	1.042.377.861		83.272.941.379	1.107.297	(12.403.791.899)	70.870.256.777
Chứng chỉ quỹ niêm yết	66.295.483.783	6.988.196.217	-	73.283.680.000		37.661.457.049	2.040.500.000	(441.457.049)	39.260.500.000
Trái phiếu	245.547.747.429	-	-	245.547.747.429		130.374.650.323	-	-	130.374.650.323
TỔNG CỘNG	**526.929.660.469**	**23.782.035.116**	**(13.662.335.915)**	**537.049.359.670**		**441.071.294.927**	**11.220.595.561**	**(30.963.932.788)**	**421.327.957.700**
Tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá trị hợp lý									
Ngắn hạn	**16.576.432.682**	**33.962.737.318**	**-**	**50.539.170.000**		**16.576.432.682**	**24.319.327.318**	**-**	**40.895.760.000**
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	33.962.737.318	-	50.539.170.000		16.576.432.682	24.319.327.318	-	40.895.760.000
Dài hạn	**112.921.040.000**	**25.914.357.194**	**-**	**138.835.397.194**		**92.000.000.000**	**14.298.720.000**	**-**	**106.298.720.000**
Cổ phiếu niêm yết	19.921.040.000	594.873.600	-	20.515.913.600		-	-	-	-
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	93.000.000.000	25.319.483.594	-	118.319.483.594		92.000.000.000	14.298.720.000	-	106.298.720.000
TỔNG CỘNG	**129.497.472.682**	**59.877.094.512**	**-**	**189.374.567.194**		**108.576.432.682**	**38.618.047.318**	**-**	**147.194.480.000**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Ngắn hạn	**83.321.740.473**	**77.943.762.861**
Các khoản cho vay	29.622.450.850	29.439.090.550
- Cho vay margin	29.622.450.850	29.439.090.550
Các tài sản tài chính AFS	53.699.289.623	48.504.672.311
- Cổ phiếu	35.118.785.370	29.840.168.058
- Đầu tư tự doanh khác	18.580.504.253	18.664.504.253
Dài hạn	**4.367.999.000**	**1.868.036.301**
Các tài sản tài chính AFS	4.367.999.000	1.868.036.301
- Cổ phiếu	4.367.999.000	1.868.036.301
TỔNG CỘNG	**87.689.739.473**	**79.811.799.162**

TÌNH HÌNH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay					
	Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay	Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức (trích lập)/ hoàn nhập năm nay
HTM	**500.100**	**296.558.392.813**	**299.498.263.991**	**-**	**-**	**-**
Trái phiếu tổ chức tín dụng	500.100	155.743.269.525	158.510.253.034	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi		140.815.123.288	140.988.010.957			
Tài sản tài chính cho vay		**2.205.552.755.865**	**2.175.930.305.015**	**(29.622.450.850)**	**(29.439.090.550)**	**(183.360.300)**
Phải thu khách hàng về giao dịch margin		1.730.670.665.606	1.701.048.214.756	(29.622.450.850)	(29.439.090.550)	(183.360.300)
Các khoản cho vay ứng trước		474.882.090.259	474.882.090.259	-	-	-
AFS	**8.685.969**	**105.085.503.977**	**47.018.215.354**	**(58.067.288.623)**	**(50.372.708.612)**	**(7.694.580.011)**
Ngắn hạn	**7.055.555**	**90.935.020.977**	**37.235.731.354**	**(53.699.289.623)**	**(48.504.672.311)**	**(5.194.617.312)**
Đầu tư tự doanh khác		18.580.504.253	-	(18.580.504.253)	(18.664.504.253)	84.000.000
Cổ phiếu	7.055.555	72.354.516.724	37.235.731.354	(35.118.785.370)	(29.840.168.058)	(5.278.617.312)
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	975.000	24.000.000.000	13.572.000.000	(10.428.000.000)	(15.016.350.000)	4.588.350.000
Khác	6.080.555	48.354.516.724	23.663.731.354	(24.690.785.370)	(14.823.818.058)	(9.866.967.312)
Dài hạn	**1.630.414**	**14.150.483.000**	**9.782.484.000**	**(4.367.999.000)**	**(1.868.036.301)**	**(2.499.962.699)**
Cổ phiếu	1.630.414	14.150.483.000	9.782.484.000	(4.367.999.000)	(1.868.036.301)	(2.499.962.699)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu (GPINVEST)	1.630.414	14.150.483.000	9.782.484.000	(4.367.999.000)	(1.868.036.301)	(2.499.962.699)
TỔNG CỘNG		**2.607.196.652.655**	**2.522.446.784.360**	**(87.689.739.473)**	**(79.811.799.162)**	**(7.877.940.311)**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản phải thu và trả trước cho người bán

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	13.948.873.006	17.888.832.396
• Cổ tức	1.305.008.950	3.967.889.500
• Dự thu lãi tiền gửi	1.402.130.538	2.884.364.028
• Dự thu lãi margin	11.241.733.518	11.036.578.868
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.831.342.787	4.243.758.225
Phải thu khác	17.974.115.345	27.271.866.068
	35.754.331.138	**49.404.456.689**
Trả trước cho người bán	4.872.918.095	6.440.012.898
• Công ty TNHH kỹ thuật sáng tạo (Innotech)	-	1.404.480.000
• Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000
• Công ty TNHH Religare Technova Global Solutions Việt Nam	1.447.875.000	1.447.875.000
• Khác	625.043.095	787.657.898
	4.872.918.095	**6.440.012.898**
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán (*)	(15.983.729.699)	(15.983.729.699)
TỔNG CỘNG	**24.643.519.534**	**39.860.739.888**

(*) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại 31.12.2020	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	**15.983.729.699**	**15.983.729.699**	**-**	**-**	**15.983.729.699**
Các khoản phải thu	11.735.854.699	11.735.854.699	-	-	11.735.854.699
• Nguyễn Phương Nam	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
• Nguyễn Mạnh Giao	1.780.000.000	1.780.000.000	-	-	1.780.000.000
• Hà Thanh Hải	1.685.000.000	1.685.000.000	-	-	1.685.000.000
• Khác	4.270.854.699	4.270.854.699	-	-	4.270.854.699
Trả trước cho người bán	4.247.875.000	4.247.875.000	-	-	4.247.875.000
• Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
• Công ty TNHH Religare Technova Global Solutions Việt Nam	1.447.875.000	1.447.875.000	-	-	1.447.875.000
TỔNG CỘNG	**15.983.729.699**	**15.983.729.699**	**-**	**-**	**15.983.729.699**

Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tạm ứng	197.767.410	583.827.230
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	440.296.625	486.898.450
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.751.797.388	1.949.513.992
• Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	651.806.375	572.911.587
• Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm	577.675.000	699.298.304
• Khác	522.316.013	677.304.101
TỔNG CỘNG	**2.389.861.423**	**3.020.239.672**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Tài sản cố định khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá					
Ngày 01 tháng 01 năm 2020	29.416.738.842	6.250.565.167	248.648.500	56.770.560	35.972.723.069
Mua trong năm	2.858.878.000	-	-	-	2.858.878.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	32.275.616.842	6.250.565.167	248.648.500	56.770.560	38.831.601.069
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 01 tháng 01 năm 2020	17.956.287.616	3.134.500.457	218.335.873	56.770.560	21.365.894.506
Khấu hao trong năm	3.867.935.290	598.585.620	25.340.004	-	4.491.860.914
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	21.824.222.906	3.733.086.077	243.675.877	56.770.560	25.857.755.420
Giá trị còn lại					
Ngày 01 tháng 01 năm 2020	11.460.451.226	3.116.064.710	30.312.627	-	14.606.828.563
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	10.451.393.936	2.517.479.090	4.972.623	-	12.973.845.649

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 14.213.213.301 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2019: 13.764.354.353 VND).

Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm (VND)	Tài sản vô hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2020	11.562.462.834	2.967.788.256	14.530.251.090
Tăng trong năm	1.785.780.000	-	1.785.780.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	13.348.242.834	2.967.788.256	16.316.031.090
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2020	9.322.569.383	2.967.788.256	12.290.357.639
Hao mòn trong năm	1.336.161.363	-	1.336.161.363
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	10.658.730.746	2.967.788.256	13.626.519.002
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2020	2.239.893.451	-	2.239.893.451
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.689.512.088	-	2.689.512.088

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 11.132.386.440 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.944.836.440 VND).

Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Chi phí thuê tòa nhà	9.429.706.626	18.859.413.282
Chi phí vật dụng văn phòng	1.041.862.255	1.786.810.145
Chi phí cải tạo văn phòng	-	2.000.372.390
Chi phí phát hành trái phiếu	-	337.027.307
Khác	962.845.303	404.520.329
TỔNG CỘNG	**11.434.414.184**	**23.388.143.453**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019	**20.000.000.000**
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	1.178.977.487
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**21.178.977.487**
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.178.977.487)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	1.350.120.520
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	**21.350.120.520**

Vay ngắn hạn

	Số dư đầu năm (VND)	Số vay trong năm (VND)	Số đã trả trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
Vay ngắn hạn (*)	100.000.000.000	1.651.000.000.000	856.000.000.000	895.000.000.000
TỔNG CỘNG	**100.000.000.000**	**1.651.000.000.000**	**856.000.000.000**	**895.000.000.000**

(*) Các khoản vay bằng đồng Việt Nam với tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm và lãi suất từ 4,0% đến 5,5%/năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	4.717.498.964	2.267.115.582
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	618.071.269	543.014.416
TỔNG CỘNG	**5.335.570.233**	**2.810.129.998**

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 31.1)	521.445.103	2.622.106.731
Công ty TNHH Thời trang May Bình Minh	112.446.600	112.446.600
Công ty Cổ phần, Thương mại và Dịch vụ tổng hợp GTC Việt Nam	181.029.318	-
Công ty CP giải pháp phần mềm tài chính	1.533.390.000	-
Phải trả mua tài sản tài chính	4.024.930.000	
Đối tượng khác	109.678.240	169.916.043
TỔNG CỘNG	**6.482.919.261**	**2.904.469.374**

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	3.942.078.654	53.457.755.490	(48.263.228.515)	9.136.605.629
• Của nhân viên Công ty	967.254.612	13.833.425.018	(13.216.512.747)	1.584.166.883
• Của nhà đầu tư cá nhân	2.974.824.042	39.624.330.472	(35.046.715.768)	7.552.438.746
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 28.1)	3.506.126.079	19.439.824.724	(17.685.611.649)	5.260.339.154
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	9.828.550	1.189.064.102	(986.122.910)	212.769.742
Các loại thuế khác	196.921.487	466.133.877	(458.989.738)	204.065.626
TỔNG CỘNG	**7.654.954.770**	**74.552.778.193**	**(67.393.952.812)**	**14.813.780.151**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Trích trước chi phí giới thiệu khách hàng	547.111.641	408.796.661
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài	2.289.911.358	1.833.647.053
Trích trước lãi vay tổ chức tài chính	2.763.287.673	249.315.068
TỔNG CỘNG	**5.600.310.672**	**2.491.758.782**

Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả mua chứng khoán tự doanh	104.034.076.405	-
Đặt cọc môi giới trái phiếu	200.000.000.000	-
Phải trả hợp đồng quản lý tiền gửi (1)	109.326.896.706	-
Phải trả khác	3.787.430.311	2.845.649.995
TỔNG CỘNG	**417.148.403.422**	**2.845.649.995**

(1) Phải trả gốc và lãi hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo quy định của hợp đồng.

Trái phiếu phát hành dài hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Gốc trái phiếu	100.000.000.000	400.000.000.000
Lãi dự trả theo phương pháp lãi suất thực	251.422.216	387.697.434
TỔNG CỘNG	**100.251.422.216**	**400.387.697.434**

Trái phiếu phát hành dài hạn bao gồm 1.000.000 trái phiếu BVSC_BOND_2019 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu (tổng cộng mệnh giá 100.000.000.000 VND). Đây là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi do Công ty phát hành theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty. Trái phiếu có kỳ hạn hai (2) năm được phát hành với lãi suất cố định 8,5%/năm. Trái phiếu do Công ty phát hành được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng đối với dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số đầu năm	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**		**42.517.552.484**	**42.517.552.484**	**30.894.437.854**	**358.607.795.379**	**1.806.633.192.421**
Cổ tức trả cho chủ sở hữu (i)	-	-	-		-	-	-	(72.200.145.000)	(72.200.145.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 (i)	-	-	-		-	-	-	(9.076.773.592)	(9.076.773.592)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-		-	-	-	132.380.157.272	132.380.157.272
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-		5.251.470.438	5.251.470.438	-	(10.502.940.876)	-
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-		-	-	17.007.237.754	-	17.007.237.754
Số cuối năm	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**		**47.769.022.922**	**47.769.022.922**	**47.901.675.608**	**399.208.093.183**	**1.874.743.668.855**

(i) Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ về việc phân phối lợi nhuận năm 2019, Công ty đã thông qua kết quả phân phối lợi nhuận năm 2019, trong đó chi trả cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 22 tháng 06 năm 2020 với tỷ lệ là 10%, tương ứng 72.200.145.000 đồng, và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 9.076.773.592 đồng.

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Số lượng cổ phần (*) (Đơn vị)	Giá trị (*) (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tập đoàn Bảo Việt	43.281.193	432.811.930.000	59,9%
Các cổ đông khác	28.918.952	289.189.520.000	40,1%
	72.200.145	**722.001.450.000**	**100%**

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2020 (Đơn vị)	31/12/2019 (Đơn vị)
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	*72.233.937*	*72.233.937*
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	*72.233.937*	*72.233.937*
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	33.792	33.792
Cổ phiếu thường	*33.792*	*33.792*
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.200.145	72.200.145
Cổ phiếu thường	*72.200.145*	*72.200.145*

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	133.800.270.000	142.554.320.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	152.220.000	152.220.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	28.271.650.000	11.952.000.000
TỔNG CỘNG	**162.224.140.000**	**154.658.540.000**

TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	3.000.030.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	**3.000.030.000**	**3.000.000.000**

TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	61.150.000.000	385.900.000
TỔNG CỘNG	**61.150.000.000**	**385.900.000**

TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	72.686.470.000	72.686.470.000
Chứng chỉ quỹ	102.000.000.000	102.000.000.000
TỔNG CỘNG	**174.686.470.000**	**174.686.470.000**

TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	26.775.577.420.000	25.172.493.819.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	735.838.250.000	234.606.360.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	644.711.310.000	509.936.430.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	120.469.860.000	92.969.860.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	426.136.485.500	169.266.687.000
TỔNG CỘNG	**28.702.733.325.500**	**26.179.273.156.000**

TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm (VND)	*Số đầu năm* (VND)
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	31.590.860.000	5.844.020.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	21.588.000.000	9.675.180.000
TỔNG CỘNG	**53.178.860.000**	**15.519.200.000**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TIỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	599.761.947.810	364.578.483.902
• Của Nhà đầu tư trong nước	598.790.891.287	357.316.565.572
• Của Nhà đầu tư nước ngoài	971.056.523	7.261.918.330
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	493.104.582.949	223.301.242.574
TỔNG CỘNG	**1.092.866.530.759**	**587.879.726.476**

PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
• Của Nhà đầu tư trong nước	1.061.076.042.795	563.256.823.806
• Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.272.266.762	1.231.036.994
TỔNG CỘNG	**1.062.348.309.557**	**564.487.860.800**

PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	1.499.544.385	2.380.074.024
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	555.361.987	494.038.798
TỔNG CỘNG	**2.054.906.372**	**2.874.112.822**

Doanh thu hoạt động

LÃI, LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán (VND)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm này (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước (VND)
I. LÃI BÁN				
Cổ phiếu niêm yết	445.981.505.997	418.517.595.474	27.463.910.523	10.767.691.716
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	14.384.966.600
Chứng chỉ quỹ	73.337.600.433	67.697.099.362	5.640.501.071	3.963.281.816
Trái phiếu niêm yết	810.033.035.994	808.097.735.908	1.935.300.086	11.906.186.728
Trái phiếu chưa niêm yết	1.136.678.798.965	1.119.550.843.451	17.127.955.514	10.425.126.239
Chứng chỉ tiền gửi	2.690.252.876.747	2.690.000.000.000	252.876.747	-
TỔNG CỘNG	**5.156.283.818.136**	**5.103.863.274.195**	**52.420.543.941**	**51.447.253.099**
II. LỖ BÁN				
Cổ phiếu niêm yết	1.007.747.931.829	1.087.651.791.321	(79.903.859.492)	(69.931.190.850)
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	(4.386.814.899)
Chứng chỉ quỹ	86.314.769.359	93.613.821.905	(7.299.052.546)	(2.805.975.689)
Trái phiếu niêm yết	398.683.147.722	402.282.850.000	(3.599.702.278)	(52.000.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	167.142.101.583	173.005.496.189	(5.863.394.606)	(5.920.133.999)
Chứng chỉ tiền gửi	99.975.000.000	100.000.000.000	(25.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**1.759.862.950.493**	**1.856.553.959.415**	**(96.691.008.922)**	**(83.096.115.437)**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)		Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)
I. LOẠI FVTPL								
Cổ phiếu niêm yết	210.442.200.557	217.175.554.380	6.733.353.823		(8.939.674.806)	15.673.028.629	56.624.039.562	(40.951.010.933)
Cổ phiếu UPCoM	4.644.228.700	1.042.377.861	(3.601.850.839)		(12.402.705.372)	8.800.854.533	10.507.981.638	(1.707.127.105)
Chứng chỉ quỹ niêm yết	66.295.483.783	73.283.680.000	6.988.196.217		1.599.042.951	5.389.153.266	9.103.002.511	(3.713.849.245)
Trái phiếu chưa niêm yết	245.547.747.429	245.547.747.429	-		-	-	-	-
TỔNG CỘNG	**526.929.660.469**	**537.049.359.670**	**10.119.699.201**		**(19.743.337.227)**	**29.863.036.428**	**76.235.023.711**	**(46.371.987.283)**
II. LOẠI AFS								
Ngắn hạn	**16.576.432.682**	**50.539.170.000**	**33.962.737.318**		**24.319.327.318**	**9.643.410.000**	**20.774.230.000**	**(11.130.820.000)**
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	50.539.170.000	33.962.737.318		24.319.327.318	9.643.410.000	20.774.230.000	(11.130.820.000)
Dài hạn	**112.921.040.000**	**138.835.397.194**	**25.914.357.194**		**14.298.720.000**	**11.615.637.194**	**26.995.637.194**	**(15.380.000.000)**
Cổ phiếu niêm yết	19.921.040.000	20.515.913.600	594.873.600		-	594.873.600	594.873.600	-
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	93.000.000.000	118.319.483.594	25.319.483.594		14.298.720.000	11.020.763.594	26.400.763.594	(15.380.000.000)
TỔNG CỘNG	**129.497.472.682**	**189.374.567.194**	**59.877.094.512**		**38.618.047.318**	**21.259.047.194**	**47.769.867.194**	**(26.510.820.000)**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ AFS

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Từ tài sản tài chính FVTPL	73.562.864.505	69.624.813.373
• Cổ phiếu	49.005.960.099	56.090.621.592
• Lãi từ trái phiếu FVTPL	24.556.904.406	13.534.191.781
Từ tài sản tài chính HTM	6.876.255.827	2.943.826.785
• Trái phiếu	5.743.269.525	1.321.580.212
• Hợp đồng tiền gửi	1.132.986.302	1.622.246.573
Từ các khoản cho vay	174.088.891.756	193.702.056.566
• Cho vay margin	149.856.333.190	169.654.204.556
• Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	24.232.558.566	24.047.852.010
Từ tài sản tài chính AFS	3.814.055.000	4.971.727.400
• Cổ phiếu	3.814.055.000	4.971.727.400
TỔNG CỘNG	**258.342.067.088**	**271.242.424.124**

DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	151.391.863.796	135.858.907.322
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	14.621.418.127	62.602.909
Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.677.436.990	5.846.382.979
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	6.849.895.454	11.022.954.544
Thu nhập hoạt động khác	2.521.476.224	1.945.263.739
• Doanh thu hoạt động nhận ủy thác đấu giá	148.394.789	85.843.871
• Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.140.391.618	627.931.430
• Doanh thu khác	1.232.689.817	1.231.488.438
TỔNG CỘNG	**181.062.090.591**	**154.736.111.493**

Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ (*Thuyết minh 7.7*)	183.360.300	11.483.049.411
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính AFS	7.694.580.011	(24.157.243.549)
TỔNG CỘNG	**7.877.940.311**	**(12.674.194.138)**

Chi phí lãi vay

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	21.171.943.961	25.750.458.277
Chi phí phát hành trái phiếu	537.027.307	681.628.260
Chi phí lãi vay khác	11.032.174.332	13.070.692.530
TỔNG CỘNG	**32.741.145.600**	**39.502.779.067**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	50.316.451.913	48.194.834.734
• Lương và các khoản phúc lợi	48.536.617.278	46.511.700.889
• BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.779.834.635	1.683.133.845
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	1.829.057.509	1.655.148.487
Chi phí vật tư văn phòng	304.776.808	599.090.586
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.352.831.485	2.881.077.573
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	5.746.241.920	4.984.304.849
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.537.780.991	4.672.567.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.793.468.287	22.759.953.782
Chi phí khác	3.750.895.757	2.408.651.151
TỔNG CỘNG	**88.631.504.670**	**88.155.629.150**

Thu nhập và chi phí khác

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thu nhập khác	**311.980.118**	**394.272.728**
Thu nhập khác	311.980.118	394.272.728
Chi phí khác	**(353.585.000)**	**(523.614.540)**
Chi phí khác	(353.585.000)	(479.219.306)
Kết quả hoạt động khác	**(41.604.882)**	**(129.341.812)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2019: 20%)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận trước thuế	**154.332.269.906**	**151.162.613.468**
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	413.727.000	939.001.975
Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm	17.301.596.873	17.896.620.988
Các khoản dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	8.178.694.305	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Thu nhập từ cổ tức	(52.820.015.099)	(61.062.348.992)
Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	-	(24.257.298.493)
Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm	(29.863.036.428)	(7.871.036.467)
Chi phí chưa được khấu trừ kỳ trước	(343.473.235)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**97.199.123.622**	**76.807.552.479**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**19.439.824.724**	**15.361.510.496**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.506.126.079	3.050.875.694
Thuế TNDN đã trả trong năm	(17.685.611.649)	(14.906.260.111)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**5.260.339.154**	**3.506.126.079**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ	4.756.407.023	2.244.119.112	2.512.287.911	291.492.977
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	11.975.418.903	7.723.609.464	4.251.809.439	1.936.594.000
TỔNG CỘNG	**16.731.825.926**	**9.967.728.576**	**6.764.097.350**	**2.228.086.977**

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	83.659.129.628	49.838.642.879
Trong đó:		
• Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	23.782.035.116	11.220.595.561
• Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	59.877.094.512	38.618.047.318
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**16.731.825.926**	**9.967.728.576**

Lũy kế thu nhập toàn diện khác

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Số phát sinh trong năm (VND)	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh (VND)	Số dư cuối năm (VND)
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	38.618.047.318	21.259.047.193	-	59.877.094.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(7.723.609.464)	(4.251.809.439)	-	(11.975.418.903)
	30.894.437.854	17.007.237.754	-	47.901.675.608

Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	38.215.893.754	10.393.576.000
• Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	38.215.893.754	10.393.576.000
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(21.208.656.000)	(2.647.200.000)
• Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(21.208.656.000)	(2.647.200.000)
TỔNG CỘNG	**17.007.237.754**	**7.746.376.000**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Những thông tin khác

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
- có quyền đồng kiểm soát Công ty;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc của Công ty;
(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV)	Công ty cùng Tập đoàn
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Công ty thành viên (BHBV)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Đơn vị cùng Tập đoàn

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: *Đơn vị: VND*

		Thu nhập/(Chi phí)	
Bên liên quan	**Nội dung nghiệp vụ**	**Năm nay**	**Năm trước**
Tập đoàn Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	34.307.074	48.012.000
	Phí lưu ký	223.642.196	251.929.873
	Phí cung cấp báo cáo	87.500.000	87.500.000
	Phí tư vấn	1.815.000.000	265.000.000
	Phí công nghệ thông tin	(3.045.329.439)	(3.460.829.856)
	Cổ tức đã trả	(43.281.193.000)	(12.984.357.900)
	Phí chi trả cổ tức, quản lý số cổ đông	88.000.000	88.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Phí lưu ký	412.666.909	460.913.884
	Phí giao dịch chứng khoán	5.229.394.357	7.305.938.779
	Thuê văn phòng	(2.819.847.888)	(3.358.951.200)
	Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phiếu	165.000.000	-
	Thuê văn phòng 94 Bà Triệu	(498.000.000)	(498.000.000)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	522.447.814	643.337.298
	Phí lưu ký	15.849.921	10.615.044
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	1.564.335.307	(1.378.829.650)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	109.330.759	161.248.833
	Phí lưu ký	3.378.792	226.643.007
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng	(6.220.771.876)	(6.113.090.104)

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Các giao dịch	Số đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số cuối năm
Tập đoàn Bảo Việt	Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	(200.000.000)	200.000.000	-	-
	Phí tư vấn chuyển nhượng TNPQ	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
	Dịch vụ CNTT	(786.642.726)	3.070.639.809	(3.045.329.439)	(761.332.356)
	Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu	-	87.500.000	-	87.500.000
Tổng công ty Bảo Việt nhân thọ	Thuê văn phòng 11 NCT	(827.204.400)	3.647.052.288	(2.819.847.888)	-
	Thuê văn phòng 94 Bà Triệu	-	475.363.636	(475.363.636)	-
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên (thuyết minh số 16)	(263.133.424)	1.306.023.628	(1.564.335.307)	(521.445.103)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng	(1.448.397.324)	7.669.169.200	(6.220.771.876)	-
	Đặt cọc thuê nhà	462.596.640	20.575.200	-	483.171.840

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc Công ty (*)	5.987.760.157	6.234.034.568
Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; Lương và thưởng Hiệu quả của Chủ tịch HĐQT chuyên trách (**)	4.467.457.499	2.928.399.634
TỔNG CỘNG	**10.455.217.656**	**9.162.434.202**

(*) Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc trong năm bao gồm (i) số phát sinh trong năm, (ii) thưởng hiệu quả của năm 2019 được chi trả trong năm 2020.
(**) Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; Lương và thưởng hiệu quả của Chủ tịch HĐQT chuyên trách bao gồm (i) số phát sinh trong năm; (ii) thưởng hiệu quả năm 2019 chi trong năm 2020.

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	Năm nay (VND)	Năm trước (trình bày lại) (VND)
Lợi nhuận sau thuế - VND	132.380.157.272	135.509.609.995
Loại trừ lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện sau thuế - VND	27.350.748.518	(7.579.543.490)
Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế - VND	105.029.408.754	127.930.066.505
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) – VND	(4.726.323.394)	(9.076.773.592)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	100.303.085.360	118.853.292.913
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.200.145	72.200.145
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	1.389	1.646

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp cùng kỳ để phản ánh khoản thực trích từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết 01/2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 06 năm 2020.

Giá trị điều chỉnh giảm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được Công ty ước tính bằng 5% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kết toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng the các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. các khoản thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Đến 1 năm	5.406.530.100	6.907.910.700
Trên 1 - 5 năm	8.204.574.400	2.435.353.300
TỔNG CỘNG	**13.611.104.500**	**9.343.264.000**

THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (VND)	Đầu tư tài sản tài chính (VND)	Tư vấn và các bộ phận khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Năm nay				
1. Doanh thu bộ phận	371.870.297.873	212.908.742.984	9.371.371.678	594.150.412.535
2. Chi phí bộ phận	171.243.883.211	153.995.681.359	25.905.468.507	351.145.033.077
3. Chi phí phân bổ	55.473.198.953	31.760.345.276	1.397.960.441	88.631.504.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**145.153.215.709**	**27.152.716.349**	**(17.932.057.270)**	**154.373.874.788**
Năm trước				
1. Doanh thu bộ phận	357.860.976.030	192.825.610.030	12.968.337.329	563.654.923.389
2. Chi phí bộ phận	184.986.522.646	117.835.310.291	21.385.506.022	324.207.338.959
3. Chi phí phân bổ	55.969.474.719	30.157.925.112	2.028.229.319	88.155.629.150
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**116.905.097.711**	**44.832.374.627**	**(10.445.517.058)**	**151.291.955.280**

(*) Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để Công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại Công ty được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo rủi ro tháng. Định kỳ hàng quý, Công ty tiến hành họp HĐ QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong quý, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Tuy nhiên, Ban Điều hành Công ty cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro về giá cổ phiếu đối với danh mục tự doanh (Tiếp theo)

Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành vào ngày 17 tháng 03 năm 2017.

Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục cổ phiếu. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường cổ phiếu niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường cổ phiếu giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2020, danh mục cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 17%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà Công ty sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VND)
31 tháng 12 năm 2020		
Kịch bản 1	+10%	21.717.555.438
Kịch bản 2	-10%	(21.717.555.438)
31 tháng 12 năm 2019		
Kịch bản 1	+10%	12.660.049.297
Kịch bản 2	-10%	(12.660.049.297)

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho Công ty chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng cho khách hàng vay ký quỹ.

Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng được thực hiện tuân thủ theo hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy Công ty không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị Công ty. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Để quản trị rủi ro tín dụng trong dịch vụ cho vay ký quỹ, Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng. Các thông tin về mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch và tài sản của khách hàng là những tiêu chí chính để xếp loại. Thêm vào đó, Công ty thực hiện việc đánh giá và điều chỉnh xếp loại khách hàng hàng tháng, đảm bảo tính cập nhật.

Công ty cũng đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng, v.v. Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tất toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị					Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng		6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2020								
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	**296.558.392.813**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**296.558.392.813**
Trái phiếu	155.743.269.525	-	-		-	-	-	155.743.269.525
Hợp đồng tiền gửi	140.815.123.288	-	-		-	-	-	140.815.123.288
Tài sản tài chính khác	**2.199.949.665.959**	**-**	**-**		**-**	**2.005.044.774**	**16.212.898.081**	**2.218.167.608.814**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.350.120.520	-	-		-	-	-	21.350.120.520
Phải thu cổ tức	1.305.008.950	-	-		-	-	-	1.305.008.950
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.172.376.040.163	-	-		-	82.644.674	16.212.898.081	2.188.671.582.918
Khác	4.918.496.326	-	-		-	1.922.400.100	-	6.840.896.426
Tiền và các khoản tương đương tiền	**88.878.481.436**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**88.878.481.436**
TỔNG CỘNG	**2.585.386.540.208**	**-**	**-**		**-**	**2.005.044.774**	**16.212.898.081**	**2.603.604.483.063**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại Ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31/12/2019							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	**10.022.246.575**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10.022.246.575**
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi	10.022.246.575	-	-	-	-	-	10.022.246.575
Tài sản tài chính khác	**1.533.702.830.132**	**-**	**-**	**-**	**2.296.373.861**	**4.579.344.386**	**1.540.578.548.379**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.178.977.487	-	-	-	-	-	21.178.977.487
Phải thu cổ tức	3.967.889.500	-	-	-	-	-	3.967.889.500
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.493.723.869.836	-	-	-	-	4.579.344.386	1.498.303.214.222
Khác	14.832.093.309	-	-	-	2.296.373.861	-	17.128.467.170
Tiền và các khoản tương đương tiền	**174.237.228.080**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**174.237.228.080**
TỔNG CỘNG	**1.717.962.304.787**	**-**	**-**	**-**	**2.296.373.861**	**4.579.344.386**	**1.724.838.023.034**

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi Công ty tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của Công ty là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại Công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty đạt bình quân trong năm 2020 ở mức 599%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ quy định 180%.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm		Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2020									
TÀI SẢN TÀI CHÍNH									
Các khoản đầu tư tài chính	**-**	**424.775**	**158.380**		**22.000**	**22.000**	**175.450**	**-**	**802.605**
Trái phiếu	-	-	11.000		22.000	22.000	175.450	-	230.450
Hợp đồng tiền gửi	-	-	147.380		-	-	-	-	147.380
Cổ phiếu	-	424.775	-		-	-	-	-	424.775
Tài sản tài chính khác	**16.213**	**21.350**	**2.196.817**		**-**	**-**	**-**	**-**	**2.234.381**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	21.350	-		-	-	-	-	21.350
Phải thu cổ tức	-	-	1.305		-	-	-	-	1.305
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	16.213	-	2.188.672		-	-	-	-	2.204.884
Khác		-	6.841		-	-	-	-	6.841
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**-**	**88.878**		**-**	**-**	**-**	**-**	**88.878**
TỔNG CỘNG	**16.213**	**446.125**	**2.444.076**		**22.000**	**22.000**	**175.450**	**-**	**3.125.864**
NỢ TÀI CHÍNH									
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	895.000		-	-	-	-	895.000
Trái phiếu phát hành	-	-	-		100.251	-	-	-	100.251
Chi phí phải trả	-	-	2.837		-	-	-	-	2.837
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	5.336		-	-	-	-	5.336
Khác	-	-	307.598		-	-	-	-	307.598
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**1.210.771**		**100.251**	**-**	**-**	**-**	**1.311.022**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

Đơn vị triệu đồng

	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm		Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2019									
TÀI SẢN TÀI CHÍNH									
Các khoản đầu tư tài chính	**-**	**512.689**	**10.022**		**-**	**-**	**-**	**-**	**522.711**
Trái phiếu	-	-	-		-	-	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi	-	-	10.022		-	-	-	-	10.022
Cổ phiếu	-	512.689	-		-	-	-	-	512.689
Tài sản tài chính khác	**6.875**	**21.179**	**1.512.524**		**-**	**-**	**-**	**-**	**1.540.578**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	21.179	-		-	-	-	-	21.179
Phải thu cổ tức	-	-	3.968		-	-	-	-	3.968
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.579	-	1.493.724		-	-	-	-	1.498.303
Khác	2.296	-	14.832		-	-	-	-	17.128
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**-**	**174.237**		**-**	**-**	**-**	**-**	**174.237**
TỔNG CỘNG	**6.875**	**533.868**	**1.696.783**		**-**	**-**	**-**	**-**	**2.237.526**
NỢ TÀI CHÍNH									
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	100.000		-	-	-	-	100.000
Trái phiếu phát hành	-	-	300.137		100.251	-	-	-	400.388
Chi phí phải trả	-	-	2.242		-	-	-	-	2.242
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	2.810		-	-	-	-	2.810
Khác	-	-	4.502		-	-	-	-	4.502
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**409.691**		**100.251**	**-**	**-**	**-**	**509.942**

08. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Bà Vũ Thị Thùy Linh	**Bà Nguyễn Hồng Thủy**	**Ông Nhữ Đình Hòa**
Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Phó phòng Tài chính Kế toán	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

01. Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.874.743.668.855 VND.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Xuân Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thôi giữ chức vụ kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

02. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 87") và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với Thông tư 87 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

03. Báo cáo Kiểm toán độc lập

Số tham chiếu:
60758149/21917378/ATTC

KÍNH GỬI: **CÁC CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 05 đến trang 28. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 87") và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

03. Báo cáo Kiểm toán độc lập (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các quy định áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

TRỊNH HOÀNG ANH
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
2071-2018-004-1

NGUYỄN VĂN TRUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Số Công văn: /2020/BVSC-TCKT

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

TẠI THỜI ĐIỂM: 31 THÁNG 12 NĂM 2020

KÍNH GỬI: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

BÀ NGUYỄN HỒNG THỦY
Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

ÔNG LÊ THỊNH VƯỢNG
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

04. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	174.462.061.468
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	54.357.998.555
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	100.501.071.378
4	**Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)**		**329.321.131.401**
5	**Vốn khả dụng**	**7**	**1.705.423.551.093**
6	**Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) (%)**		**518%**

BÀ NGUYỄN HỒNG THỦY
Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

ÔNG LÊ THỊNH VƯỢNG
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

	Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1.	Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội)	72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2.	Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3.	Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội)	Tầng 10, tòa nhà văn phòng Hapulico – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội
4.	Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)	Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
5.	Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
6.	Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
7.	Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8.	Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

QUY MÔ VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.874.743.668.855 VND, tổng tài sản là 3.412.992.891.720 VND.

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Cơ sở trình bày

CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ÁP DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 87"). Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 87.
Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư 87 chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chỉ tiêu ***"Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí"*** (Khoản 2, Điều 8 – Giá trị rủi ro hoạt động, Thông tư 87)	Để xác định chính xác chỉ tiêu chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán chỉ tiêu an toàn tài chính, các chi phí phi tiền tệ phát sinh trong kỳ cần được trừ đi khỏi tổng chi phí. Theo đó, các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí bao gồm các chi phí sau: • Chi phí khấu hao; • Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, tài sản tài chính dài hạn và tài sản thế chấp; • Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu; • Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác; • Chênh lệch đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL").
2	Chỉ tiêu ***"Rủi ro tăng thêm"*** (Khoản 5, Điều 9 – Giá trị rủi ro thị trường, Thông tư 87)	Giá trị rủi ro thị trường điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thị trường của tài sản tiềm ẩn rủi ro thị trường (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.
3	Chỉ tiêu ***"Rủi ro tăng thêm"*** (Khoản 8, Điều 10 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 87)	Giá trị rủi ro thanh toán điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thanh toán của tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.

MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

ĐỒNG TIỀN TRÊN BÁO CÁO

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu

CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO VÀ THUYẾT MINH

Văn bản đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 91/2020/TT-BTC về Quy định chỉ tiêu An toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu An toàn tài chính thay thế cho Thông tư số 87/2017/TT-BTC ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2017 ("Thông tư 91"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 91 bao gồm:

- Vốn khả dụng: bổ sung quy định cụ thể đối với việc loại khỏi chỉ tiêu phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng các hợp đồng, giao dịch đã được tính rủi ro thanh khoản;
- Rủi ro thị trường:
  - Bổ sung danh mục tài sản tài chính chịu rủi ro thị trường và sửa đổi hệ số rủi ro thị trường của một số loại tài sản tài chính;
  - Hướng dẫn rõ hơn cách xác định giá thị trường của chứng khoán cơ sở khi tính giá trị rủi ro thị trường đối với chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành do công ty chứng khoán phát hành.
- Giá trị rủi ro hoạt động:
  - Bổ sung chỉ tiêu *Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ* và *Chi phí lãi vay*: được loại ra khi xác định chi phí duy trì hoạt động của công ty chứng khoán.
- Giá trị rủi ro thanh toán:
  - Bổ sung và làm rõ các khoản mục sau cần được xác định rủi ro thanh toán: chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng phát hành, toàn bộ khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán; các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được quy định tại Thông tư; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý Tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam (DATC);
  - Bổ sung quy định cụ thể về hệ số rủi ro thanh toán đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày.
- Sửa đổi một phần quy định về thời hạn xem xét đình chỉ một phần hoạt động của công ty chứng khoán kể từ ngày bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;
- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trên mẫu biểu báo cáo an toàn tài chính tương ứng với các thay đổi trên.

Thông tư 91 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 87 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng x 100\%}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

VỐN KHẢ DỤNG

Theo quy định của Thông tư 87, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm *(50%)* phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ *(Thuyết minh 3.3.1)*;
- Các khoản tăng thêm *(Thuyết minh 3.3.2)*; và
- Vốn khác (nếu có).

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng giá trị thị trường của tài sản đảm bảo * (1 – Hệ số rủi ro thị trường);
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày, được tính bằng khối lượng tài sản * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường);
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với chỉ tiêu tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị thị trường của tài sản khi tính khoản điều chỉnh giảm phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư 87.

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

CÁC KHOẢN TĂNG THÊM

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 87;

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường đối với các tài sản là: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

HỆ SỐ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư 87.

GIÁ TÀI SẢN

Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng, quỹ ETF là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán.Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG TĂNG THÊM

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức: Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro
- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau: Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định trong Thông tư 87.

GIÁ TRỊ TÀI SẢN TIỀM ẨN RỦI RO THANH TOÁN

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2.	Cho vay chứng khoán	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)),0}
3.	Vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng),0}
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của hợp đồng x (1- Hệ số rủi ro thị trường)),0}
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - Hệ số rủi ro thị trường) - Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0}
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max{(Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo),0}

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.5.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.4.2.

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên)

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP THEO)

GIẢM TRỪ GIÁ TRỊ TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Giá tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.4.2

GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN TĂNG THÊM

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

BÙ TRỪ SONG PHƯƠNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN TIỀM ẨN RỦI RO THANH TOÁN

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tuỳ thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác và phần chênh lệch đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) đã ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị rủi ro thị trường

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN, CÔNG CỤ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ				
1.	Tiền mặt (VND)	0	88.878.481.436	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ				
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu		-	-
5.1	*Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD*	3	-	-
III. TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	131.329.701.286	32.832.425.322
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	17.129.646.143	5.138.893.843
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	156.123.444.042	62.449.377.617
IV. CỔ PHIẾU				
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	254.446.650.630	25.444.665.063
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	57.830.874.000	8.674.631.100
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	17.154.074.903	3.430.814.981
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	59.415.087.122	29.707.543.561

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
V. CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN				
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	67.833.272.614	6.783.327.261
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VI. CHỨNG KHOÁN BỊ HẠN CHẾ GIAO DỊCH				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	781.800	312.720
16.	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50	140.000	70.000
VII. CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH				
17.	Hợp đồng tương lai chỉ số	8	-	-
Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán) Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở				
18.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán) Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở				
VIII. CHỨNG KHOÁN KHÁC				
19.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
20.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc các chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
21.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
22.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
23.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
24.	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		-	-
Cách tính: Giá trị rủi ro = (P0 x Q0 x k – P1 x Q1) x R – MD				
25.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26.	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				**174.462.061.468**

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị rủi ro thanh toán

	Giá trị rủi ro VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	8.751.818.006
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2)	45.606.180.549
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN	**54.357.998.555**

RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN

	Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro %	Giá trị rủi ro VND						Tổng giá trị rủi ro VND
			0% (1)	0,8% (2)	3,2% (3)	4,8% (4)	6% (5)	8% (6)	
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (*)		-	-	-	-	8.448.907.397	302.910.609	8.751.818.006
2.	Cho vay tài sản tài chính/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN									**8.751.818.006**

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,80%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,20%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,80%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

(*) Chi tiết

	Giá trị tài sản			Hệ số rủi ro	
	Giá trị sổ sách VND	Giá trị tài sản đảm bảo VND	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VND	thanh toán theo đối tác %	Giá trị rủi ro thanh toán VND
Tiền gửi có kỳ hạn	140.815.123.288	-	140.815.123.288	6	8.448.907.397
Dự thu cổ tức	1.305.008.950	-	1.305.008.950	8	104.400.716
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.481.373.664	-	2.481.373.664	8	198.509.893
	144.601.505.902	**-**	**144.601.505.902**		**8.751.818.006**

RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100	45.606.180.549	45.606.180.549
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				**45.606.180.549**

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị rủi ro hoạt động

	Chỉ tiêu	Giá trị VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2020	462.082.235.381
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí *(Thuyết minh 6.1)*	60.077.949.871
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	402.004.285.510
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	100.501.071.378
V.	20% Vốn pháp định của Công ty	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (MAX {IV, V})		**100.501.071.378**

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHỎI TỔNG CHI PHÍ

	Giá trị VND
Chi phí khấu hao	5.828.022.277
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	5.377.977.612
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	2.499.962.699
Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	46.371.987.283
TỔNG CỘNG	**60.077.949.871**

Vốn khả dụng

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
A	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ	(496.682.500)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	47.901.675.608		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	47.769.022.922		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	47.769.022.922		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	399.208.093.183		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	103.673.469.172		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		11.446.580.000	514.677.980
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	**TỔNG**			**1.967.485.236.007**

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng *VND*	Khoản giảm trừ *VND*	Khoản tăng thêm *VND*
		(1)	(2)	(3)
B	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**			
I	**Tài sản tài chính**			
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	• Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	• Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		2.574.000	
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	• Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	• Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4.	Các khoản cho vay			
5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	• Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	• Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7.	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		5.743.269.525	
8.	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9.	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
10.	Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
11.	Phải thu nội bộ			
	• Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
12.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13.	Các khoản phải thu khác			
	• Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		4.872.918.095	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng *VND*	Khoản giảm trừ *VND*	Khoản tăng thêm *VND*
		(1)	(2)	(3)
B	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**			
II	**Tài sản ngắn hạn khác**			
1.	Tạm ứng			
	• Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		440.296.625	
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.751.797.388	
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7.	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	**TỔNG**			**12.810.855.633**
C	**TÀI SẢN DÀI HẠN**			
I	**Tài sản tài chính dài hạn**			
1.	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2.	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	• Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	• Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		97.088.400.000	
2.2	• Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	• Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	• Đầu tư dài hạn khác		101.012.240.000	
II	**Tài sản cố định**		**15.663.357.737**	
III	**Bất động sản đầu tư**		**-**	
IV	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		**1.585.715.000**	
V	**Tài sản dài hạn khác**			
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.116.581.840	
2.	Chi phí trả trước dài hạn		11.434.414.184	
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		21.350.120.520	
5.	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	**Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn**			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 87/2017/TT-BTC		-	
1C	**TỔNG**			**249.250.829.281**

05. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng *VND*	Khoản giảm trừ *VND*	Khoản tăng thêm *VND*
		(1)	(2)	(3)
D	**CÁC KHOẢN KÝ QUỸ, ĐẢM BẢO**			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	**TỔNG**			**-**
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			**1.705.423.551.093**

(*) Ghi chú

Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

BÀ NGUYỄN HỒNG THỦY
Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

ÔNG LÊ THỊNH VƯỢNG
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021